

CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÓP XÓP
CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 12.000 TẤN
SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐT746, KHU PHỐ TÂN HÓA, PHƯỜNG TÂN VĨNH HIỆP,
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

BÌNH DƯƠNG, 12/2023

CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÓP XÓP CÁC LOẠI,
CÔNG SUẤT 12.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
JIA BAO (VIỆT NAM)**



HO MENG FENG

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG TÀI NGUYÊN
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tài

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư: n.	1
2. Tên dự án đầu tư:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	2
3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư:	2
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	2
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	6
4.1. Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu của dự án.....	6
4.2. Nguồn cung cấp điện và điện năng sử dụng	6
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:.....	7
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	9
6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	9
6.1. Các hạng mục công trình dự án	9
6.2. Trang thiết bị của Cơ sở:	9
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	15
1.3. Xử lý nước thải:	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	33

2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải máy phát điện dự phòng.....	33
2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt lò hơi	34
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	42
3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:	42
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:	43
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	44
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	45
5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của các thiết bị, máy móc sản xuất	44
5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của máy phát điện dự phòng.....	45
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành:.....	46
6.1. Biện pháp an toàn lao động	46
6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	47
6.3. Phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu.....	48
6.4. Môi trường làm việc và an toàn lao động.....	48
6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ công trình xử lý nước thải	48
6.6. Phòng ngừa ứng phó sự cố trong quá trình vận hành lò hơi.....	52
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	56
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	56
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không.....	57
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	58
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	58
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	58
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:	58
1.3. Dòng nước thải:	58
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:.....	58
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:.....	58
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	58
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:.....	58
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:	59

2.3. Dòng nước thải:	59
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:.....	59
2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải:	59
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	60
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.	60
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	61
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	61
1.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 của Cơ sở.....	61
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải.....	63
2.1. Kết quả quan trắc bụi và khí thải năm 2022 của Cơ sở.....	64
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	69
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	69
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	69
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	71
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	72
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	73
PHỤ LỤC BÁO CÁO	

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BOD	Biochemicaloxygen demand – Nhu Cầu Oxy Sinh Hóa
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Chemical oxygen demand – Nhu Cầu Oxy Hóa Học
CTR	Chất Thải Rắn
CTNH	Chất Thải Nguy Hại
DO	Dissolved Oxygen – Oxy hòa Tan
F/M	Tỉ số khối lượng cơ chất trên khối lượng bùn hoạt tính
ĐTM	Đánh Giá tác Động Môi Trường
MLSS	Lượng chất rắn lơ lửng trong bùn lỏng
HT	Hệ thống
HTXL	Hệ thống xử lý
PCCC	Phòng Cháy Chữa Cháy
QCVN	Quy Chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu Chuẩn Xây Dựng
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TM&DV	Thương Mại và Dịch Vụ
TNHH MTV	Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên
TT	Trung tâm
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
VSS	Lượng chất rắn lơ lửng bay hơi

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Nhu cầu nguyên liệu chính	7
Bảng 1.2: Tên thương mại và thành phần hóa học của các loại phụ gia và chất xúc tác bao quanh hạt nổ EPS	7
Bảng 1.3: Nhu cầu nhiên liệu của dự án	7
Bảng 1.4: Thống kê lượng điện tiêu thụ	7
Bảng 1.5: Lưu lượng nước khai thác, nước máy sử dụng và lưu lượng xả thải tại Nhà máy	9
Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở	9
Bảng 1.7: Danh mục trang thiết bị sản xuất của Cơ sở	10
Bảng 3.1: Các thông số kỹ thuật của công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	22
Bảng 3.2: Các thông số kỹ thuật của công trình hệ thống xử lý nước thải sản xuất	23
Bảng 3.3: Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	24
Bảng 3.4: Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sinh sản xuất	25
Bảng 3.5: Hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải	27
Bảng 3.6: Kích thước, đặc điểm kỹ thuật, trang thiết bị của hệ thống lò hơi tại Nhà máy	39
Bảng 3.7: Danh mục và khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại trong quá trình sản xuất	43
Bảng 3.8: Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại dự án	44
Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường nước thải tại hố ga thoát nước cuối cùng trước khi thoát ra liên vùng của Nhà máy năm 2022	63
Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc bụi và khí thải lò hơi của Nhà máy năm 2022 ...	66
Bảng 5.7: Tổng hợp kết quả quan trắc không khí khu vực giữa sản xuất nhà máy năm 2022	67
Bảng 6.1: Tổng hợp kinh phí dành cho công tác giám sát môi trường	71

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Sơ đồ qui trình sản xuất mốp xốp.....	2
Hình 1.2: Ảnh minh họa quy trình sản xuất mốp xốp	4
Hình 1.3: Quy trình tái chế mốp xốp thành hạt nhựa	5
Hình 3.1: Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn.....	15
Hình 3.2: Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải	16
Hình 3.3: Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt	17
Hình 3.4: Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất.....	20
Hình 3.5: Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải	27
Hình 3.6: Nhà để máy phát điện dự phòng.....	34
Hình 3.7: Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi đốt mạt cưa.....	35
Hình 3.8: Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi đốt than	37
Hình 3.9: Khu vực lò hơi	38
Hình 3.10: Khu vực tập trung chất thải nguy hại của Nhà máy	45

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: ĐT746, Khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.363.1112-5; Fax: 0274.363.1117~118
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông TSENG, MINHUNG.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000347, cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 7 năm 2014.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 3700416305, đăng ký lần ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 10 năm 2023, cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

2. Tên dự án đầu tư: *Nhà máy sản xuất mốp xốp các loại, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm.*

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ĐT 746, Khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Các pháp lý môi trường:
 - + Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1995/QĐ-UBND ngày 03/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
 - + Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4751/GXN-STNMT ngày 28/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 25/GP-STNMT ngày 23/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 127/GP-STNMT ngày 11/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư: 2.000.000 (hai triệu) đô la Mỹ tương đương gần 50 tỷ

Việt Nam đồng. Như vậy Dự án thuộc nhóm C theo khoản 4, Điều 8, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019: “Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4, Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng”.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

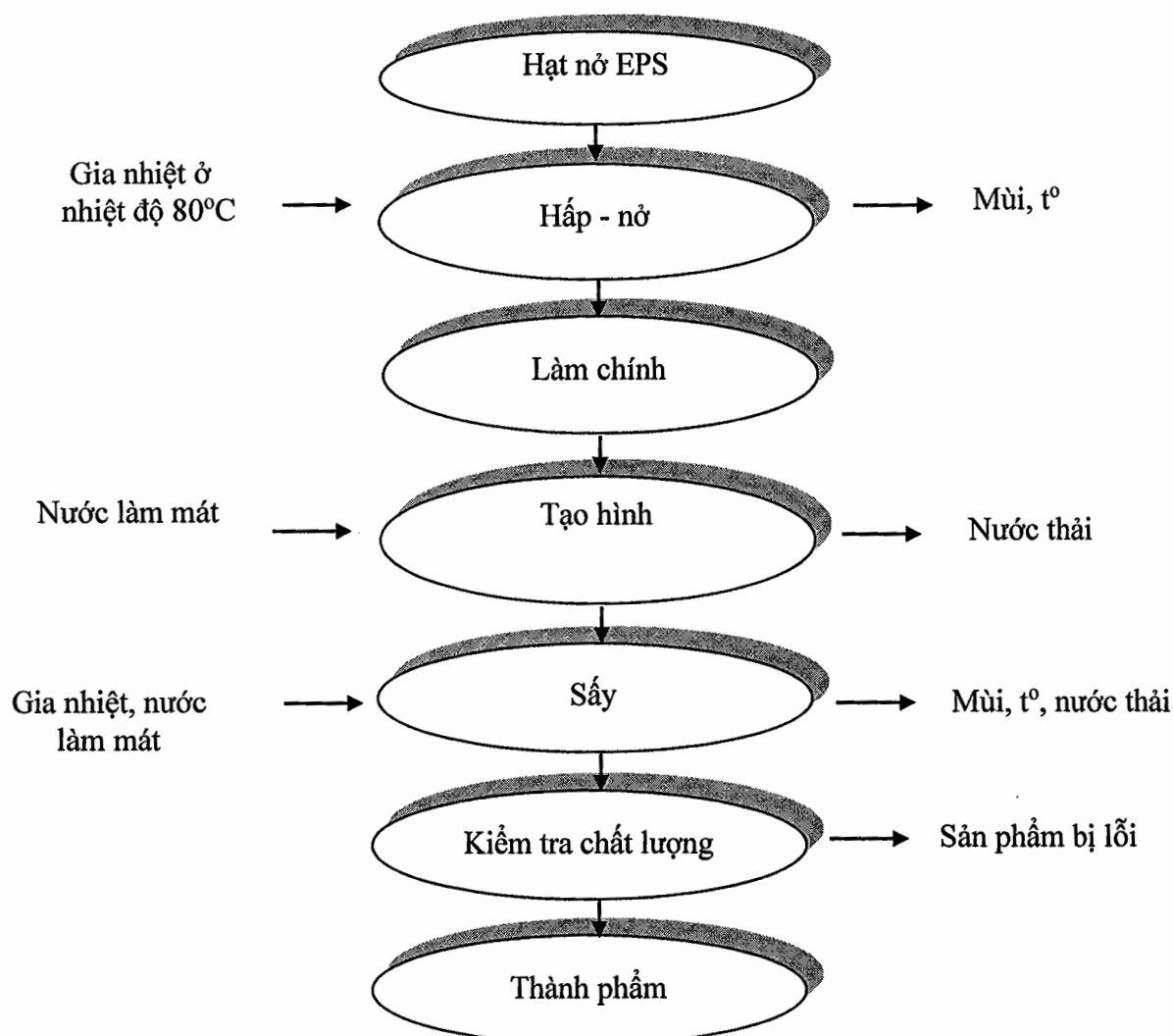
3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư:

Sản xuất mốp xốp công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm. Phục vụ ngành mộc, thủy sản và điện tử, cơ khí, xây dựng, hàng không, điện máy, ô tô, gia dụng, nông sản, gốm sứ, đóng gói hàng hóa xuất khẩu.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: không thay đổi so với báo cáo ĐTM

Công nghệ sản xuất áp dụng tại nhà máy là công nghệ tiên tiến được thực hiện trên các thiết bị hiện đại và được nhập khẩu chủ yếu từ Đài Loan.

- Quy trình sản xuất mốp được trình bày như sau:



Hình 1.1: Sơ đồ quy trình sản xuất mốp xốp

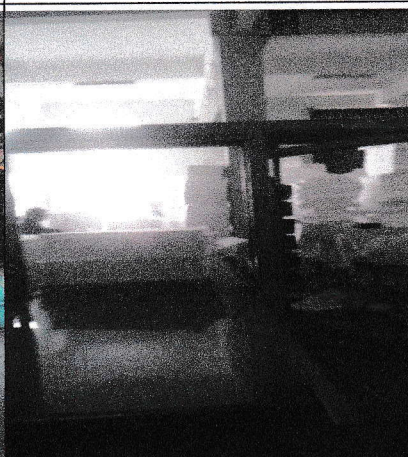
Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính là hạt nở EPS – Expandable Poly Styrene (có thể thay thế bằng hạt EPP – Expandable Poly Propylene, EPO – Expandable Píocelan và EPE – Expandable Poly Ethylenr). Hạt nở EPS nhập về đã được bao phủ bên ngoài bởi 2 lớp là dầu chuyên dụng và chất xúc tác, có thành phần hóa học được trình bày trong bảng 1.5. Hai lớp hạt phủ bên ngoài hạt nở EPS chỉ có tác dụng trong việc làm nở hạt EPS và hấp thụ hoàn toàn vào hạt EPS sau khi hấp nở, không gây ô nhiễm môi trường, cũng như không tạo ra phụ phẩm nào khác.

Hạt nở EPS được xe nâng đưa lên khu vực hấp nở và được máy cầu, cầu các bao chứa hạt nở EPS vào thiết bị hấp nở ở nhiệt độ 80°C và làm chín bằng nhiệt cung cấp từ lò hơi đốt nhiên liệu là mạt cưa. Sau khi làm chín, nguyên liệu sẽ được bơm trực tiếp vào các khuôn định hình sản phẩm. Khuôn định hình sản phẩm có nhiều loại, có loại là khuôn đúc tạo hình sẵn và có loại là khuôn khối được đặt gia công bên ngoài. Tùy theo yêu cầu về sản phẩm mà lựa chọn loại khuôn phù hợp.

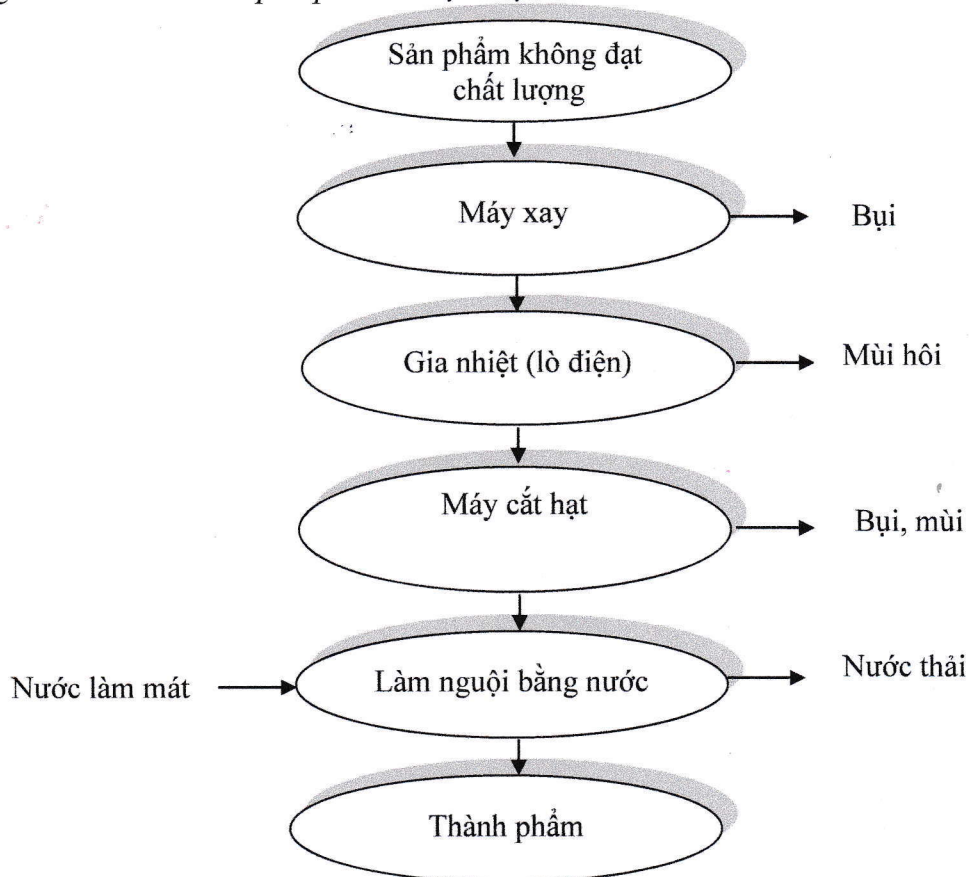
Sản phẩm tạo ra từ khuôn đúc tạo hình được chuyển sang phòng sấy khô. Sản phẩm chủ yếu được sấy khô bằng hơi từ lò hơi đốt mạt cưa ở nhiệt độ 65°C, sau đó chuyển sang công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm, sản phẩm nào đạt chất lượng sẽ được chuyển đến lưu trữ tại kho thành phẩm trước khi xuất xưởng và sản phẩm nào không đạt chất lượng sẽ được chuyển đến khu lưu trữ phế liệu tái chế.

Đối với sản phẩm tạo ra từ khuôn khối sau khi được sấy khô sẽ được chuyển qua xưởng cắt và cắt theo kích thước theo khách hàng yêu cầu. Cuối cùng là khâu kiểm tra chất lượng thành phẩm trước khi lưu kho, xuất xưởng hoặc chuyển đến khu lưu trữ phế liệu tái chế tùy theo chất lượng sản phẩm sau khi kiểm tra.

		
Nguyên liệu hạt nở EPS	Công đoạn chuyển vào thiết bị hấp nở	Công đoạn hấp, nở, làm chín hạt nở EPS
		
Công đoạn tạo hình	Công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm	

Hình 1.2: Ảnh minh họa quy trình sản xuất mốp xốp

- Quy trình tái chế mốp xốp thành hạt nhựa



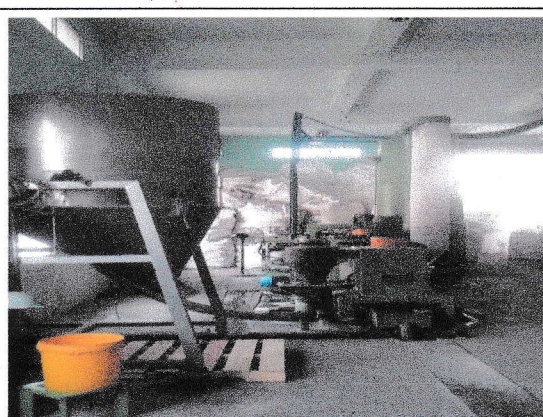
Hình 1.3: Quy trình tái chế mốp xốp thành hạt nhựa

Thuyết minh:

Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang máy xay, tiếp theo đưa qua lò điện gia nhiệt với nhiệt độ cao nhất 200 °C, sau đó chuyển sang công đoạn cắt hạt và cuối cùng làm nguội các hạt nhựa bằng nước, nhựa sau khi qua hệ thống máy làm mát sẽ tạo ra sản phẩm là hạt nhựa và bán cho các vựa thu mua phế liệu.



Khu vực máy xay



Khu vực gia nhiệt, làm nguội, cắt hạt

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam chủ yếu là các loại sản phẩm mốp xốp công suất hiện tại trung bình khoảng 7.800 tấn sản phẩm/năm, phục vụ ngành mộc, thủy sản, điện tử,...đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước.

Ngoài ra trong quá trình tái chế mốp xốp thành hạt nhựa bán phế liệu công suất hiện tại trung bình khoảng 120 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

4.1. Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu của dự án

So với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, danh mục nguyên vật liệu sử dụng tại Cơ sở không có điều chỉnh. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất dùng cho dây chuyền sản xuất của Cơ sở thể hiện như sau:

➤ Nguyên vật liệu, hóa chất

Nguyên liệu chính phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty Jia Bao Việt Nam là hạt nở (vật liệu tổng hợp) EPS – Expandable poly Styrene, có thể thay thế bằng hạt EPP – Expandable poly Propylene, EPO – Expandable piocelan hoặc EPE – Expandable poly Ethylenr,... Các nguyên liệu này được phép nhập khẩu để sản xuất mốp xốp tại Việt Nam. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu trong một tháng được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.1: Nhu cầu nguyên liệu chính

STT	Nguyên liệu sử dụng chính	Khối lượng thực tế (Tấn/năm)	Khối lượng theo ĐTM (Tấn/năm)
01	EPS	8.000	13.400

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

Bảng 1.2: Tên thương mại và thành phần hóa học của các loại phụ gia và chất xúc tác bao quanh hạt nở EPS

Stt	Tên thương mại	Công thức	Tỷ lệ%
1	Polystyrene	$C_6H_5-(C_2H_3)_n$	93 - 94
2	Pentane	C_5H_{12}	6 - 7
3	Độ ẩm	-	0,03
4	Các chất khác	-	0,02

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

Bảng 1.3: Nhu cầu nhiên liệu

STT	NHIÊN LIỆU	ĐVT	TỔNG CỘNG
01	Mặc cưa	Tấn/năm	42.000
02	Than đá	Tấn/năm	12.600
03	Dầu DO	Lít/năm	4.200

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

4.2. Nguồn cung cấp điện và điện năng sử dụng

Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của Nhà máy là nguồn điện do Công ty Điện lực Bình Dương phân phối. Ngoài ra, Nhà máy còn trang bị 02 máy phát điện dự phòng, với công suất 1380 KVA và 380KVA chạy bằng dầu DO.

Nhu cầu sử dụng điện thực tế của nhà máy hiện nay:

Bảng 1.4. Thống kê lượng điện tiêu thụ

STT	Thời gian	Điện tiêu thụ	Đơn vị
1	Tháng 08/2023	518.000	KWh
2	Tháng 09/2023	452.100	KWh
3	Tháng 10/2023	492.400	KWh
Tổng		332.100	KWh

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

Nhu cầu sử dụng điện trung bình khoảng 75.482 KWh/tháng.

Ghi chú: Hoá đơn tiền điện cấp được đính kèm phụ lục.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

4.3.1. Nguồn cấp nước

Hiện tại Nhà máy sử dụng 02 nguồn nước từ giếng khoan (theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 127/GP-STNMT ngày 11/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp) và nước cấp từ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

4.3.2. Lưu lượng sử dụng hiện tại

- Nhu cầu sử dụng nước
 - + Nước cấp sinh hoạt phục vụ cho quá trình sinh hoạt của 300 công nhân
 - + Nước cấp cho một số cán bộ và công nhân ở ký túc xá của dự án khoảng 5 người
 - + Nước cấp phục vụ cho lò hơi và một số máy móc thiết bị làm mát (máy định hình, máy thành phẩm, máy gia nhiệt)

- + Nước cấp vệ sinh nhà xưởng, máy móc, tưới cây, phòng cháy chữa cháy
- Lượng nước tiêu thụ thực tế: Theo hóa đơn từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một và sổ ghi ghép lưu lượng nước khai thác thực tế tại nhà máy, như sau:

Bảng 1.5: Lưu lượng nước khai thác, nước máy sử dụng và lưu lượng xả thải tại Nhà máy.

STT	Thời điểm	Lượng nước khai thác		Lưu lượng nước cấp		Lưu lượng nước xả thải	
		m ³ /tháng	TB ngày	m ³ /tháng	TB ngày	m ³ /tháng	TB ngày
1	Tháng 8/2023	2056	79,42	562	21,6	508,9	19,6
2	Tháng 9/2023	1780	68,46	697	26,8	550,02	21,2
3	Tháng 10/2023	1940	74,61	747	28,7	275,20	10,6
Trung bình		1955,3	74,16	668,6	25,7	444,7	17,1

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

Như vậy theo số liệu ghi nhận, hiện tại Cơ sở sử dụng khoảng **99,86 m³/ngày.đêm**. Lượng nước thải phát sinh khoảng **17,1 m³/ngày.đêm**.

Số theo dõi lưu lượng khai thác nước dưới đất và xả thải đính kèm ở Phụ lục.

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

6.1. Các hạng mục công trình dự án

➤ Vị trí địa lý của dự án

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam tọa lạc tại ĐT 746, Khu phố Tân Hóa phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ranh giới của nhà máy được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp nhà ở và đất màu của người dân;
- Phía Nam: giáp nhà ở và đất màu của người dân;
- Phía Đông: giáp đường nông thôn rộng 4m;
- Phía Tây: giáp tỉnh lộ 746

Ngoài ra với hệ thống đường bộ được trải nhựa rất thuận lợi trong việc vận chuyển

nguyên nhiên liệu, sản phẩm và giao thương giữa các vùng

Quy mô diện tích: 44.967,6 m².

Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở

Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tỷ lệ (%)
Khu vực nhà xưởng sản xuất và nhà kho	m ²	12.591	27,99
Khu văn phòng	m ²	1389	3,09
Ký túc xá	m ²	1800	4,0
Nhà bảo vệ	m ²	76	0,17
Nhà vệ sinh	m ²	25,5	0,057
Khu xử lý nước thải	m ²	20	0,044
Khu lưu chứa chất thải (sinh hoạt, nguy hại)	m ²	48	0,107
Cây xanh	m ²	7118,1	15,83
Đường bộ và đất trống	m ²	18.264	40,62
Khu vực nhà xưởng (phục vụ 03 lò hơi mới+ kho chứa mạt cưa)	m ²	3.636	8,085
Tổng cộng	m²	44.967,6	100

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

Sơ đồ bố trí các hạng mục công trình được trình bày trong phần phụ lục.

6.1.1. Đối với các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Đã hoàn thành xây dựng các hệ thống xử lý nước thải sau:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 30 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 20 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý khí thải cho 03 lò hơi đốt bằng dầu than đá, mạt cưa, công suất 15 tấn hơi/giờ.
- Khu vực lưu chứa chất thải của dự án.

6.2. Trang thiết bị của Cơ sở:

Danh mục trang thiết bị sản xuất của Cơ sở được thống kê như sau:

Bảng 1.7: Danh mục trang thiết bị sản xuất của Cơ sở

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (CÁI)	XUẤT XỨ	TRÌNH TRẠNG	CÔNG SUẤT /giờ
1.	Máy nén khí	Cái	01	Mỹ	Mới 80%	50 HP
2.	Máy nén khí	Cái	03	Mỹ	Mới 80%	100 HP
3	Máy nén khí	Cái	01	Mỹ	Mới 80%	125 HP
4	Máy nén khí	cái	01	Mỹ	Mới 80%	150 HP
5	Tháp giải nhiệt	bộ	03	Đài loan	Mới 85%	-
6	Quạt trao đổi hơi nóng	Bộ	20	Đài loan	Mới 80%	-
7	Ong dẫn 2"	Cái	01	Nhật	Mới 80%	-
8	Ong dẫn 3"	Cái	01	Nhật	Mới 80%	-
9	Máy phân luồng bốc hơi	Bộ	02	Đài Loan	Mới 80%	-
10	Máy định hình mốp nhỏ	Cái	24	Đài Loan	Mới 90%	200
11	Máy định hình mốp trung	Cái	06	Đài Loan	Mới 90%	320
12	Máy định hình mốp lớn	Cái	14	Đài Loan	Mới 90%	340
13	Bơm chân không	Cái	06	Đài Loan	Mới 95%	-
14	Máy định hình ván nhỏ	Bộ	02	Ý	Mới 80%	-
15	Máy định hình ván lớn	Bộ	01	Ý	Mới 80%	-
16	Xe nâng	Xe	02	Đài Loan	Mới 80%	1,5 tấn
17	Xe nâng	Xe	01	Đài Loan	Mới 80%	2,5 tấn
18	Khuôn mẫu MOLD	Cái	150	Đài Loan	Mới 80%	-
19	Bình chân không để ép sản phẩm	Bộ	02	Đài Loan	Mới 95%	-
20	Máy hàn	Cái	01	Đài Loan	Mới 80%	25 Kv
21	Máy hàn	Cái	01	Đài Loan	Mới 80%	18 Kv
22	Máy bơm áp lực cao (nhỏ)	Cái	06	Đài Loan	Mới 80%	1,5 kv
23	Máy bơm áp lực cao (trung)	Cái	06	Đài Loan	Mới 80%	55 kv
24	Máy bơm áp lực cao (lớn)	Cái	08	Đài Loan	Mới 75%	350 kv
25	Súng nạp nhiên liệu	Cây	360	Đài Loan	Mới 80%	-

26	Vale áp lực đơn 400 m/m	Cái	20	Đài Loan	Mới 80%	-
27	Vale áp lực tự động 50 m/m	Cái	20	Đài Loan	Mới 80%	-
28	Vale kép 3"	Cái	20	Đài Loan	Mới 80%	-
29	Vale kép chữ T 3"	Cái	20	Đài Loan	Mới 80%	-
30	Máy biến áp	Cái	30	Đài Loan	Mới 80%	220v – 380v
31	Hộp điều khiển máy	Bộ	02	Đài Loan	Mới 80%	-
32	Máy cắt chỉ tự động	Bộ	03	Đài Loan	Mới 90%	-
33	Máy cắt lên xuống	Bộ	03	Đài Loan	Mới 80%	-
34	Máy cắt tự động	Bộ	03	Đài Loan	Mới 85%	-
35	Máy phát điện	Cái	02	Đài Loan	Mới 80%	1380,380 kv
36	Máy xay mốp xốp	Cái	01	Đài Loan	Mới 95%	-
37	Máy cắt hạt nhựa	Cái	01	Đài Loan	Mới 90%	-
38	Máy ép bản lớn	Cái	2	Ý	Mới 90%	-
39	Máy tạo hạt xốp	Cái	2	Đài Loan	Mới 90%	-
40	Máy gia công	Cái	2	Đài Loan	Mới 90%	-
41	Máy cắt tự động	Bộ	5	Đài Loan	Mới 90%	-
42	Lò hơi 15 tấn/giờ	Cái	3	Trung Quốc	Mới 90%	15 tấn/giờ

Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án nhà máy sản xuất mốp xốp công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam đã được cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1995/QĐ-UBND ngày 03/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4751/GXN-STNMT ngày 28/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Vì vậy, việc xây dựng của dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường tại Thành phố.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Đối với nước thải: Chủ dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 30m³/ngày.đêm, hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày đêm đạt QVCN 40:2011/BTNMT - cột B, K_q=0,9, K_f = 1,2 trước thải ra môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 25/GP-STNMT ngày 23/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

Về rác thải sinh hoạt: Công ty đã ký Hợp đồng thu gom số 2160-RTT/HĐ-KT/21 ngày 21/10/2023 với Chi nhánh Xử Lý Chất Thải- Công ty Cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương. Hợp đồng có hiệu lực từ 21/10/2021 đến hết ngày 20/10/2025. Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 19 kg/ngày. Tần suất lấy rác: 02 lần/tuần vào thứ 3,6 hàng tuần.

Về chất thải công nghiệp: Công ty đã ký Hợp đồng thu gom số 2160-RTT/HĐ-KT/21 ngày 21/10/2023 với Chi nhánh Xử Lý Chất Thải- Công ty Cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương. Hợp đồng có hiệu lực từ 21/10/2025 đến hết ngày 20/10/2023. Khối lượng rác công nghiệp phát sinh khoảng 311 kg/tháng. Tần suất lấy rác: 01 lần/tháng vào thứ 5 tuần thứ 2 hàng tháng.

Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được phân loại và chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn tên và mã số chất thải nguy hại tương ứng với từng loại chất thải, các thùng chứa được sắp xếp gọn gàng trong kho chứa. Kho chứa có biển báo cấm, có mái che, có vách tôn phân cách che mưa che nắng theo đúng yêu cầu

và quy định hiện hành. Công ty đã ký Hợp đồng với Chi nhánh Xử Lý Chất Thải- Công ty Cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương đến thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý có hiệu lực từ ngày 21/10/2021 đến hết ngày 20/10/2023, tần suất thu gom 1 lần/tháng vào thứ 04 thứ 02 của tháng. Khối lượng rác nguy hại khoảng 700 kg/năm.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

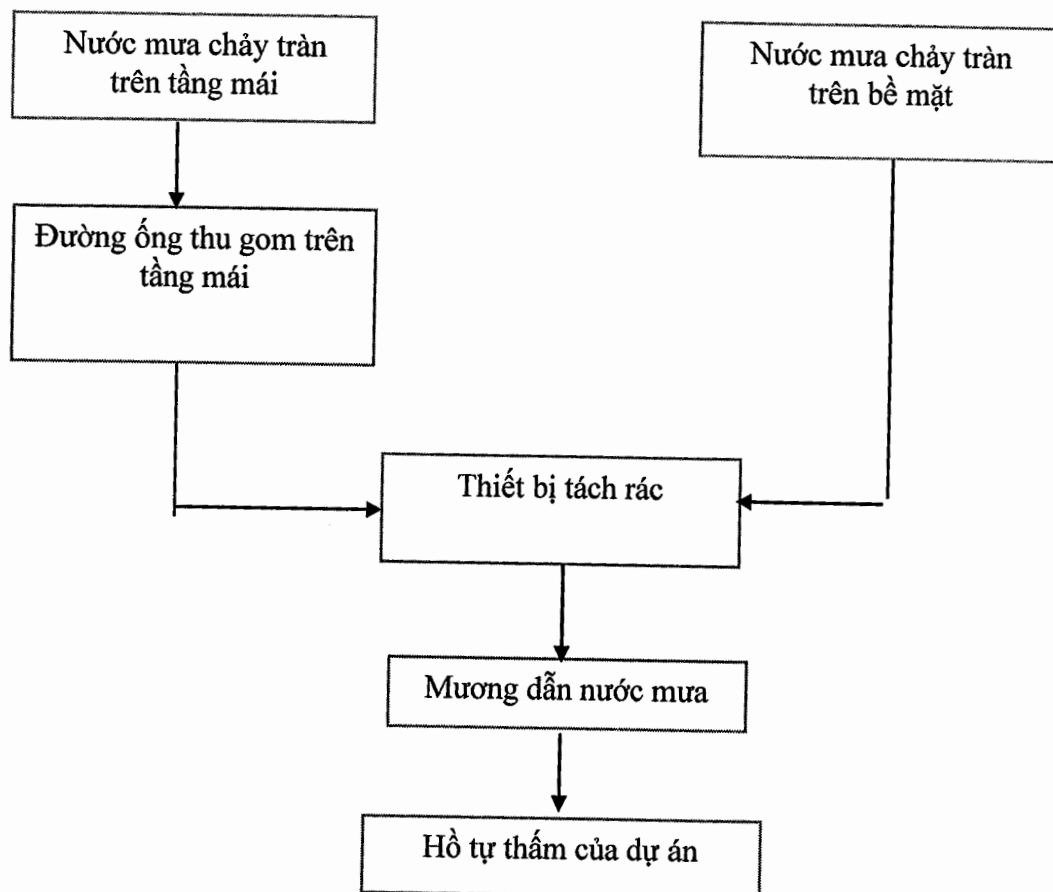
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

– Dự án có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh được thiết kế hoàn toàn riêng rẽ tách riêng khỏi hệ thống nước thải.

– Nước mưa được thu gom vào các cống thoát nước mưa trên các đường nội bộ và được đầu nối vào cống thoát nước dự án trước khi thải ra hồ.

– Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các mương hở, rãnh thoát nước xây dựng xung quanh nhà xưởng, thu nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống miệng hở bằng BTCT dùng cho việc thoát nước mưa đặt dọc theo nhà xưởng về 02 hồ tự thấm với thể tích khoảng 1000m³. Tại các hồ thu nước mưa có bộ phận chắn rác trước khi vào hệ thống cống và thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

– Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:



Hình 3.1: Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn

– Các thông số của hệ thống thoát nước mưa:

+ Kích thước nắp hố ga thoát nước mưa (mm): 900 mm x 900 mm. Hố ga

bằng bê tông. Khoảng cách hố ga từ 35 - 40m. Đáy hố ga sâu hơn cống/mương 500 mm để thu cặn.

- + Kích thước cống thoát nước mưa: ống Ø90.
- + Vật liệu hệ thống cống thoát nước mưa: BTCT.
- Biện pháp không chế ô nhiễm nguồn nước mưa:
 - + Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác, cặn lắng. Rác, cặn lắng được xử lý theo đúng quy định.
 - + Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh mặt đường, vỉa hè, kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa của nhà máy tránh hiện tượng xâm nhập các chất ô nhiễm vào hệ thống thoát nước.

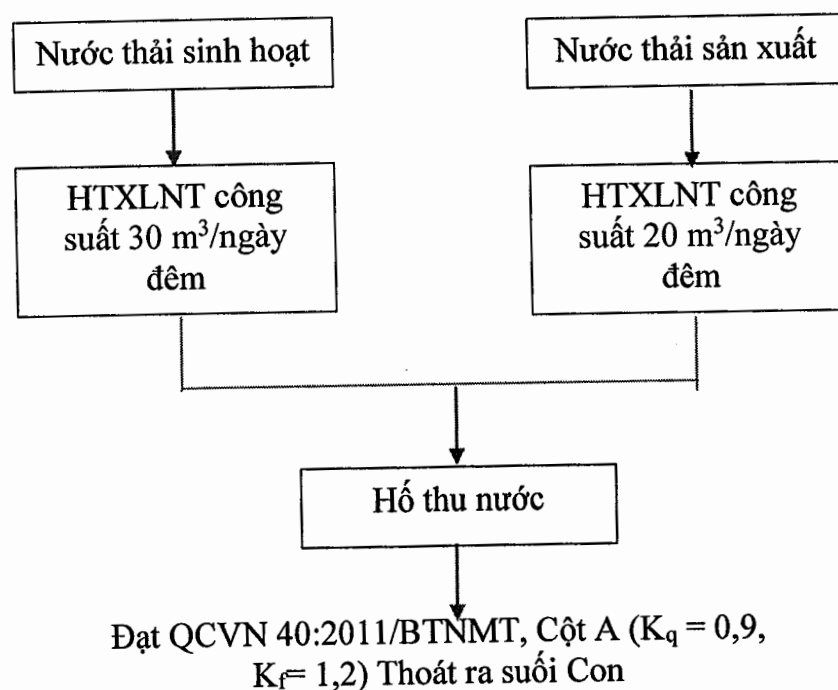
1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải:
 - + *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải phát sinh tại khu vực văn phòng, công nhân làm việc trong khu vực sản xuất, một số công nhân viên ở ký túc xá được thu gom theo đường ống PVC Ø 45 – 114 thu gom toàn bộ nước thải dẫn về hố thu của trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m³/ngày.
 - + *Nước thải sản xuất:*
 - Đối với nước thải từ quá trình làm mát thiết bị, máy móc phần lớn được tái sử dụng lại không thải ra bên ngoài, một phần nước chảy tràn sẽ được thu gom theo đường ống Ø90 đưa về hệ thống xử lý. Ngoài ra, Công ty đã cho lắp đặt thêm máng chắn rác, lưới lọc dùng để thu gom mùt xộp vụn chảy ra từ quá trình làm mát thiết bị đảm bảo cho quá trình thoát nước được dễ dàng, thông thoáng trong khu vực nhà xưởng sản xuất.
 - Nước thải phát sinh từ 03 lò hơi được tuần hoàn tái sử dụng lại trong các bể chứa xử lý khí thải, phần nước dư với lưu lượng khoảng 2m³/ngày được thu gom vào đường ống thoát nước thải sản xuất được lắp đặt bằng ống nhựa PVC Ø 45-114 đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - Nước thải vệ sinh nhà xưởng, máy móc phát sinh rất ít với lưu lượng khoảng 3m³/ngày, phần nước này được thu gom vào đường ống thoát nước bằng nhựa PVC Ø 45-114 được đặt âm đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau 02 HTXLNT được dẫn ra cống dẫn Ø 800 dẫn ra suối Con.
- Điểm xả nước thải sau xử lý:
 - + Điểm xả thải: suối Con – suối Cái – sông Đồng Nai
 - + Vị trí xả thải: Khu phố Tân Hóa phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 - + Tọa độ xả thải theo hệ tọa độ VN2000 là: X= 12.17.876; Y= 06.87.486

Như vậy toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất đã được chủ dự án lắp đặt đường ống bằng nhựa PVC, đường kính Ø 45-114 đặt âm, tách biệt với đường thu gom nước mưa thu gom về hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thoát ra suối Con cách dự án 600 m.

- Sơ đồ thu gom nước thải:



Hình 3.2. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

1.3. Xử lý nước thải:

Chủ dự án đã đầu tư xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải tổng công suất 50 m³/ngày, với công nghệ xử lý chính là kết hợp sinh học hiếu khí dạng mẻ SBR. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

1.3.1. Hệ thống xử lý nước thải:

a. Bể tự hoại

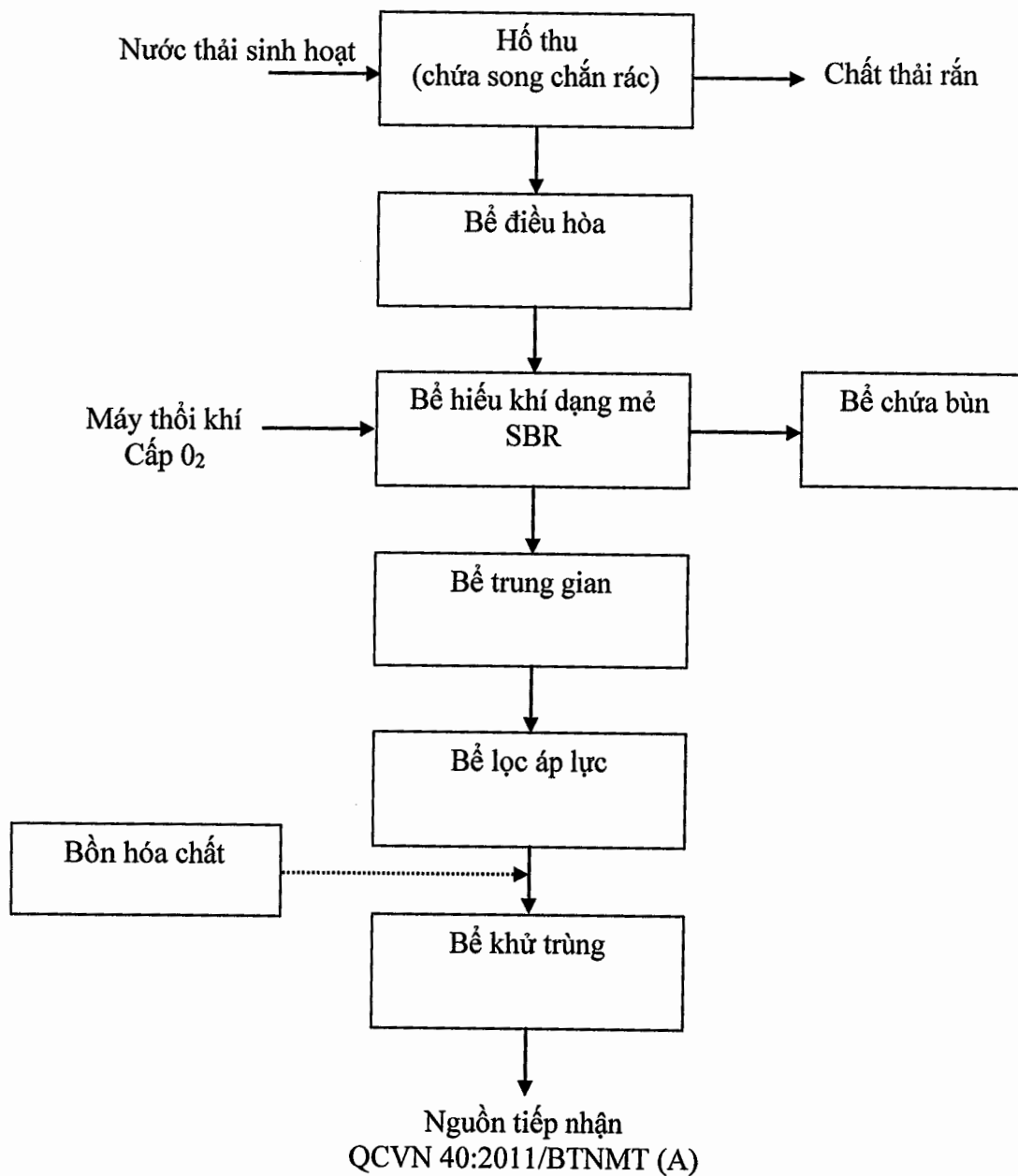
- Số lượng: 02 bể

- Mỗi bể có thể tích 60 m³ và 01 bể có thể tích 52,5 m³.
- Vật liệu: Nắp và đáy đổ BTCT, thành xây gạch thẻ.

b. Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

➤ *Nước thải sinh hoạt*

Chủ dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 30 m³/ngày với quy trình như sau:



Hình 3.3. Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

Thuyết minh dây chuyền công nghệ:

Với sơ đồ công nghệ như trên, quá trình sinh học hiếu khí - bể hiếu khí dạng mẻ (SBR) kết hợp với quá trình cơ học đóng vai trò quyết định đến hiệu quả xử lý của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt được dẫn vào hố thu có đặt thiết bị lược rác gọi là song chắn rác nhằm giữ lại các vật thể rắn có trong nước thải, tránh các sự cố về bơm (gây nghẹt bơm, gãy cánh bơm).

Tiếp theo nước thải được bơm qua bể điều hòa, bể điều hòa có nhiệm vụ điều tiết lưu lượng và nồng độ nước thải ổn định cho các công trình đơn vị phía sau.

Nước thải sau khi ra bể điều hòa, sẽ được bơm vào bể hiếu khí dạng mẻ (SBR) tại đây các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ được xử lý triệt để. Thiết bị thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Bể SBR làm việc theo từng mẻ, quá trình thực hiện một mẻ gồm 5 giai đoạn tiếp nhau:

Giai đoạn 1: Đưa nước thải vào bể SBR, nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể SBR đến mực nước định trước bằng role phao và role phao có nhiệm vụ phát tín hiệu tự động đóng bơm cấp nước vào bể SBR.

Giai đoạn 2: Xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải nhờ vào các vi sinh vật hiếu khí. Nước thải sau khi được bơm vào bể SBR sẽ được hệ thống phân phối khí (gồm hệ thống đĩa phân phối và máy thổi khí) vận hành liên tục để xáo trộn và cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động, đồng thời tạo điều kiện tối ưu cho các quá trình phân hủy các chất hữu cơ xảy ra.

Giai đoạn 3: Lắng trong nước và giữ lại phần bùn vi sinh, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh, hiệu quả lắng thủy lực của bể có thể đạt 90 – 95%. Giai đoạn này xảy ra quá trình lắng tách pha các cặn lơ lửng trong nước thải. Phần nước trong sau khi lắng và phần bùn lắng được tách thành hai vùng, phần nước phía trên và phần bùn lắng phía dưới đáy bể.

Giai đoạn 4: Bơm phần nước trong sau lắng phía trên qua bể lọc áp lực, sau đó nước thải được dẫn qua bể trung gian.

Giai đoạn 5: Chờ để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành 4 qui trình trên và tùy thuộc vào lưu lượng nước trong bể điều hòa.

Từ bể trung gian, nước thải được bơm qua bể lọc áp lực, tại đây các cặn lơ lửng còn lại trong nước sẽ được xử lý triệt để nhờ quá trình lọc cơ học. Sau đó, nước thải tiếp tục được dẫn qua thiết bị khử trùng để xử lý các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh như Ecoli, Coliform,...

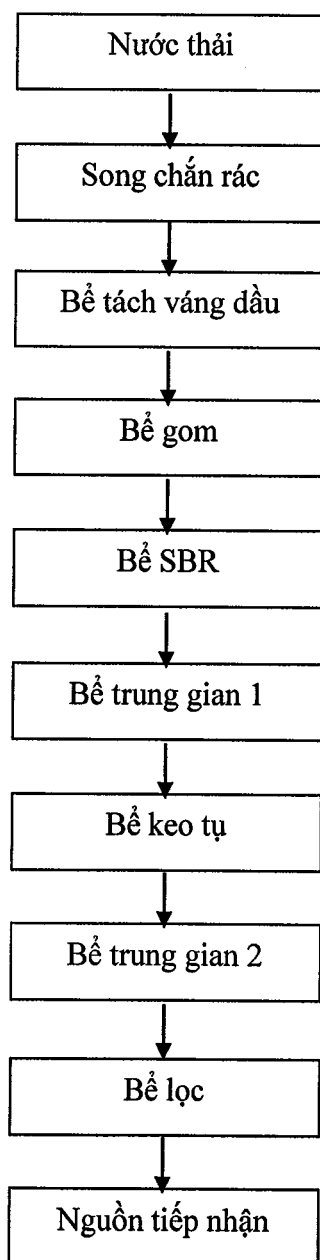
Lượng bùn từ bể SBR sẽ được xả vào bể chứa bùn, nước tách pha từ bể chứa bùn được bơm tuần hoàn lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Với qui trình công nghệ như trên, hiệu quả xử lý sẽ rất cao, đảm bảo nước thải sau xử lý sẽ đạt qui chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xác nhận việc xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại văn bản số 1421/STNMT-MT ngày 13 tháng 08 năm 2008 (công văn đính kèm phụ lục).

➤ *Nước thải sản xuất*

Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất được chủ dự án xây dựng hệ thống xử lý với quy trình như sau:



Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất

Thuyết minh quy trình

Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, nhà xưởng, nước chảy tràn được

dẫn vào hồ thu có đặt thiết bị lược rác gọi là song chắn rác nhằm giữ lại các vật thể rắn có trong nước thải, tránh các sự cố về bơm (gây nghẹt bơm, gãy cánh bơm).

Tiếp theo nước thải được bơm qua bể tách dầu tách phần dầu nhiễm trong nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý

Nước thải sau khi ra bể tách dầu, sẽ được bơm vào bể hiếu khí dạng mẻ (SBR) tại đây các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ được xử lý triệt để. Thiết bị thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Bể SBR làm việc theo từng mẻ, quá trình thực hiện một mẻ gồm 5 giai đoạn tiếp nhau:

Giai đoạn 1: Đưa nước thải vào bể SBR, nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể SBR đến mực nước định trước bằng role phao và role phao có nhiệm vụ phát tín hiệu tự động đóng bơm cấp nước vào bể SBR.

Giai đoạn 2: Xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải nhờ vào các vi sinh vật hiếu khí. Nước thải sau khi được bơm vào bể SBR sẽ được hệ thống phân phối khí (gồm hệ thống đĩa phân phối và máy thổi khí) vận hành liên tục để xáo trộn và cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động, đồng thời tạo điều kiện tối ưu cho các quá trình phân hủy các chất hữu cơ xảy ra.

Giai đoạn 3: Lắng trong nước và giữ lại phần bùn vi sinh, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh, hiệu quả lắng thủy lực của bể có thể đạt 90 – 95%. Giai đoạn này xảy ra quá trình lắng tách pha các cặn lơ lửng trong nước thải. Phần nước trong sau khi lắng và phần bùn lắng được tách thành hai vùng, phần nước phía trên và phần bùn lắng phía dưới đáy bể.

Giai đoạn 4: Bơm phần nước trong sau lắng phía trên qua bể lọc áp lực, sau đó nước thải được dẫn qua bể trung gian.

Giai đoạn 5: Chờ để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành 4 qui trình trên và tùy thuộc vào lưu lượng nước trong bể điều hòa.

Từ bể trung gian 1, nước thải được bơm qua bể keo tụ mục đích keo tụ các chất ở dạng keo và huyền phù mà không thể lắng đồng thời điều chỉnh pH trước khi thải ra bên ngoài, nước thải tiếp tục qua bể trung gian 2, bể lọc tại đây các cặn lơ lửng còn lại trong nước sẽ được xử lý triệt để nhờ quá trình lọc cơ học. Lượng bùn từ bể SBR sẽ được xả vào bể chứa bùn, nước tách pha từ bể chứa bùn được bơm tuần hoàn lại

bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Với qui trình công nghệ như trên, đảm bảo nước thải sau xử lý sẽ đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải sản xuất tại văn bản số 1264/STNMT-CCBVMT ngày 13 tháng 05 năm 2011(công văn đính kèm phụ lục).

Tổng lưu lượng xả thải đối với nước thải sinh hoạt và sản xuất trung bình khoảng 17 m³/ngày (theo sổ theo dõi lưu lượng xả thải đính kèm phụ lục). Ngoài ra, Công ty được UBND tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 25/GP-STNMT ngày 23 tháng 02 năm 2021 với lưu lượng xả thải lớn nhất 50 m³/ngày. (giấy phép đính kèm phụ lục).

c. Các hạng mục xây dựng của hệ thống xử lý nước thải:

Kích thước các công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.1: Các thông số kỹ thuật của công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể thu gom nước thải (B01)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 1,5 x 1,5 x 4,0
2	Bể điều hòa (B02)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 3,8 x 2,0 x 2,2 - Thời gian lưu nước: 12 h - Lưu lượng trung bình: 1,25 m ³ /h - Vật liệu: BTCT
3	Bể SBR (B03)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 3,0 x 1,5 x 3,0 - Thời gian lưu nước: 8,5h - Số đơn nguyên: 2 - Lưu lượng trung bình: 1,25 m ³ /h - Vật liệu: BTCT
4	Bể trung gian (B04)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 2,0 x 1,0 x 2,2 - Thời gian lưu nước: 3,2h - Lưu lượng trung bình: 1,25 m ³ /h - Vật liệu: BTCT
5	Bể lọc áp lực (B05)	Bể	1	- Đường kính: 0,5 m - Chiều cao: 2,0 m - Thể tích chứa nước: 3,0 m ³

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				- Thời gian lưu nước: 2,5 h - Lưu lượng trung bình: 1,25 m ³ /h - Vật liệu: thép CT3 dày 3mm
6	Thiết bị khử trùng (B06)	Bộ	1	- Vật liệu: SUS304 - Kích thước: L x H = 0,168 x 1,2 - Xuất xứ: VLC - Việt Nam
7	Bể chứa bùn (B07)	Cái	1	- Vật liệu: nhựa, kiểu đứng - Thể tích: 1000 lít - Xuất xứ: Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

Bảng 3.2: Các thông số kỹ thuật của công trình hệ thống xử lý nước thải sản xuất

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể thu gom nước thải (T01)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 0,8 x 0,8 x 1,2 - Vật liệu: BTCT
2	Bể tách váng dầu (T02)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 2,2 x 0,8 x 1,2 - Vật liệu: BTCT
3	Bể gom (T03)	Bể	1	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 0,8 x 0,8 x 1,2 - Vật liệu: BTCT
4	Bể SBR (T04 A/B)	Bể	2	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 3,2 x 2,0 x 2,4 - Vật liệu: BTCT
5	Bể trung gian (T05)	Bể	2	- Kích thước bể: L x B x H (m) = 0,8 x 0,8 x 1,2 - Vật liệu: BTCT
6	Bể keo tụ trùng (T06)	Bể	1	- Vật liệu: thép CT3 - Kích thước: L x H = 0,168 x 1,2 - Xuất xứ: VLC - Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.3: Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hồ thu			
1.1	Song chắn rác	cái	1	Kiểu: tĩnh

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Kích thước L x B x H (m): 0,3 x 0,2 x 0,3 Vật liệu: SUS 304 Xuất xứ: VLC- Việt Nam
1.2	Bơm nước thải	cái	2	Loại bơm chìm Q= 2-4 m ³ /giờ; H= 6m Điện áp: 220V/50Hz/1pha/0,5HP Xuất xứ: Đài Loan
2	Bể điều hòa			
2.1	Bơm nước thải	cái	2	Loại bơm chìm Q= 2-4 m ³ /giờ; H= 6m Điện áp: 220V/50Hz/1pha/0,5HP Xuất xứ: Đài Loan
3	BỂ SBR			
3.1	Đầu dò mực nước	cái	1	Kiểu phao Xuất xứ: Đài Loan
3.2	Máy thổi khí	cái	1	Q= 1,22 m ³ /phút; H= 3m Công suất: 1,2kW Điện áp: 220V/50Hz/3 pha Xuất xứ: Nhật
3.3	Hệ thống đĩa phân phối khí	cái	1	Dạng: đĩa Vật liệu: EDPM hoặc PTFE Kích thước D=270mm Xuất xứ: Mỹ
4.	Bể trung gian			
4.1	Bơm nước thải	cái	2	Loại bơm trục ngang Q= 2-4 m ³ /giờ; H= 15-20m Điện áp: 220V/50Hz/1pha/1HP Xuất xứ: Đài Loan
5	Thiết bị trộn tĩnh			
5.1	Bồn chứa hóa chất	Cái	1	Kiểu đứng Vật liệu: nhựa Thể tích 300 lít Xuất xứ: Việt Nam
5.2	Bơm định lượng	Cái	1	Q= 30l/h; H= 8m Công suất: 25W Điện áp: 220V/50Hz/1 pha
6	Các thiết bị khác			
6.1	Tủ điều khiển	ht	1	Vật liệu: thép sơn tĩnh điện dày

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				1mm Xuất xứ: Việt Nam Linh kiện điện: Đài Loan – Hàn Quốc
6.2	Hệ thống đường ống + van kỹ thuật	ht	1	Vật liệu: nhựa Xuất xứ: Việt Nam Đài Loan

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

Bảng 3.4: Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sản xuất

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hồ thu			
1.1	Song chắn rác thô	cái	1	Kiểu: tĩnh Vật liệu: SUS 304 Xuất xứ: VLC- Việt Nam
2	Bể thu gom			
2.1	Bơm nước thải	cái	2	Loại bơm chìm Q= 4 m ³ /giờ; H= 6m Điện áp: 380V/50Hz/3pha/0,37kW Xuất xứ: Đài Loan
2.2	Thiết bị đo mực nước	cái	1	Kiểu: phao
3	Bể SBR			
3.1	Máy thổi khí	cái	1	Q= 1,0 m ³ /phút; H= 5m Công suất: 3,7kW Điện áp: 380V/50Hz/3 pha Xuất xứ: Nhật
3.2	Hệ thống đĩa phân phối khí	cái	16	Dạng: đĩa Vật liệu: EDPM hoặc PTFE Kích thước D=270mm Xuất xứ: Mỹ
3.3	Thiết bị đo mực nước	cái	1	Kiểu: phao
4.	Bể trung gian			
4.1	Bơm nước thải	cái	2	Loại bơm trục ngang Q= 4 m ³ /giờ; H= 6m Điện áp: 380V/50Hz/3pha/0,37 kW

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Xuất xứ: Đài Loan
5	Bể keo tụ			
5.1	Bơm định lượng	Cái	2	Kiểu màng Vật liệu: nhựa Q = 50 lít/h Điện áp: 220V/50Hz/1 pha/45w Xuất xứ: Mỹ
5.2	Bồn hoá chất	Cái	2	Kiểu đứng Vật liệu: nhựa Thể tích 300 lít Xuất xứ: Việt Nam
6	Bể trung gian 2			
6.1	Bồn trung gian	Cái	1	Kiểu đứng Vật liệu: nhựa Thể tích 1000 lít Xuất xứ: Việt Nam
6.2	Bơm cao áp	Cái	2	Kiểu bơm trục ngang Vật liệu: nhựa Q = 4 m ³ /h Điện áp: 380V/50Hz/3 pha/1,5kW Xuất xứ: Mỹ
6.3	Thiết bị đo mực nước	cái	1	Kiểu: phao
7	Thiết bị lọc			
7.1	Thiết bị lọc	cái	1	Kích thước: L x B (m) = 0,25 x 1,8
8	Cụm khử trùng			
8.1	Bơm định lượng	cái	1	Kiểu màng Vật liệu: nhựa Q = 50 lít/h Điện áp: 220V/50Hz/1 pha/45w Xuất xứ: Mỹ
8.2	Bồn hoá chất	Cái	1	Kiểu đứng Vật liệu: nhựa Thể tích 300 lít Xuất xứ: Việt Nam
9	Đồng hồ đo lưu lượng	cái	1	Model: MNK –RP Qn15 DN50

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Dạng: Lắp ren Xuất xứ: Trung Quốc

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở:



Hình 3.2: Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải

d. Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành

Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như bảng dưới:

Bảng 3.5: Hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	NaOH	1,0 kg/ngày	Chất keo tụ tạo bông
2	Clorine	3,0 kg/ngày	Khử trùng
3	Mật ri	2,0 kg/ngày	Bổ sung bề vi sinh

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

e. Điện năng tiêu thụ: Trung bình từ 26 Kw/ngày $\approx$ 780 Kw/tháng.

f. Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

❖ CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VẬN HÀNH

I. Pha hoá chất

Hoá chất cần chuẩn bị để vận hành hệ thống xử lý nước thải là: dung dịch clorine.

Khi pha hoá chất, cần bộ vận hành cần lưu ý:

- Luôn luôn cho nước sạch vào thùng nước, cho hoá chất vào sau với liều lượng tăng dần đến khi đủ lượng cần thiết nhằm tránh hiện tượng phản ứng đột ngột (toả nhiệt, bốc hơi) gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của nhân

viên vận hành.

- Mở công tắc các Motor để khuấy trộn đều hoá chất đến khi dung dịch đồng nhất mới đưa vào sử dụng.
- Cần thận khi pha hoá chất, người pha chế phải chú ý đến an toàn kỹ thuật lao động như phải đeo găng cao su dài tay, kính bảo hộ, khẩu trang, mũ, mang ủng cao su có cổ cao, tạp dề cao su hoặc nhựa,...các trang bị, phòng hộ sau khi dính hoá chất phải được rửa ngay dưới vòi nước chảy mạnh và thay giặt quần áo ngay.
- Khi pha hoá chất phải có ít nhất 02 người để phòng ngừa nếu cần để có thể cứu giúp nhau. Phải chuẩn bị sẵn một vòi nước sạch để rửa tay khi cần

II. Chuẩn bị máy móc, thiết bị:

- Kiểm tra tình trạng hoạt động của tất cả các máy móc thiết bị trong hệ thống như: các máy bơm nước thải, các máy thổi khí, bơm hoá chất,...
- Kiểm tra các thùng chứa và thùng pha chế hoá chất: lượng hoá chất phải chuẩn bị đủ cho hệ thống làm việc trong 2 ca.
- Kiểm tra các đường ống dẫn hoá chất, các van khoá đường ống dẫn hoá chất từ bồn đến bơm chuẩn bị sử dụng phải được mở.

III. Kiểm tra tủ điều khiển

- Đối với chế độ hoạt động bằng tay cần kiểm tra như sau: Đóng điện động lực của tất cả các thiết bị và điện điều khiển cho tủ điện. Chuyển công tắc lựa chọn sang chế độ MAN. Nhấn nút của từng máy và kiểm tra hoạt động.
- Đối với chế độ hoạt động tự động cần kiểm tra: Ngắt hết điện động lực và chỉ duy trì điện điều khiển của tủ điện. Chuyển công tắc lựa chọn sang chế độ AUTO. Sử dụng tín hiệu giả bằng cách đóng ngắt công tắc phao để kiểm tra hoạt động của bơm nước thải, bơm bùn, bơm nước dư.
- Đối với khả năng bảo vệ thiết bị và báo sự cố cần thực hiện kiểm tra như sau: ngắt động lực và chỉ duy trì điện điều khiển, sử dụng tín hiệu giả (làm cho dòng định mức nhỏ hơn dòng làm việc hoặc gạt cho role nhảy trực tiếp) để kiểm tra ngắt mạch của contactor.

❖ . THAO TÁC VẬN HÀNH

I. Hồ thu nước thải

- Hàng ngày vận hành máy bơm chìm để bơm nước thải vào bể điều hoà. Bơm được cài đặt theo chế độ tự động đầy bơm – cạn tắt.

II. Bể điều hòa

- Sục khí trộn đều nước thải trong bể điều hoà trước khi vận hành máy bơm
- Vận hành 01 bơm chìm để bơm nước thải trong bể điều hoà vào bể hiếu khí dạng mẻ SBR đến mức định trước bằng role phao. Role phao phát tín hiệu để tự động đóng bơm.
- Lấy mẫu định kỳ mỗi ngày để phân tích các chỉ tiêu đầu vào như: pH, COD, SS.

* Luôn luôn chú ý đến những âm thanh trong lúc đang hoạt động. Nếu bạn nghe những tiếng động bất thường, kiểm tra nhanh sự cố.

III. Bể sinh học hiếu khí dạng mẻ

- Mỗi ngày sẽ xử lý 2 mẻ thời gian nghỉ giữa 2 mẻ khoảng 1h.
- Vận hành máy thổi khí lúc bắt đầu bơm nước từ bể điều hoà vào bể SBR nhằm xáo trộn và cung cấp oxi cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động, đồng thời tạo điều kiện tối ưu cho các quá trình phân hủy chất hữu cơ xảy ra. Sau khi kết thúc 2 giai đoạn làm đầy và phản ứng trong bể SBR (khoảng 7h) thì tắt máy thổi để cho giai đoạn lắng xảy ra (khoảng 1h).
- Trong giai đoạn đầu, lấy mẫu 1 lần/ngày và trong giai đoạn ổn định, lấy mẫu 1 lần/tuần.
- Lưu ý: nồng độ oxi (DO) trong bể sinh học hiếu khí phải luôn luôn cao hơn 2 mg/l.

IV. Bể trung gian

- Vận hành 2 bơm trục ngang luân phiên qua bể lọc áp lực sau khi nước từ bể SBR được xả vào bể trung gian.
- Bơm được cài đặt theo chế độ tự động đầy bơm – cạn tắt, tuy nhiên phải phối hợp với quy trình vận hành bể lọc áp lực.

V. Bể lọc áp lực

- Lọc giữ lại các phần cặn có trong nước thải, đảm bảo nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn tiếp nhận.
- Công tác vận hành bể lọc áp lực được thực hiện theo trình tự (1) rửa lọc ngược (2) xả bỏ nước lọc ban đầu và (3) lọc xử lý nước.

VI. Thiết bị khử trùng

- Vận hành máy bơm hóa chất để cung cấp dung dịch NaOCl với lưu lượng đã được xác định vào thiết bị khử trùng.
- Lấy mẫu định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra Ecoli, coliform và các chỉ tiêu đầu ra

của hệ thống xử lý.

❖ AN TOÀN VẬN HÀNH

I. An toàn khi làm việc gần các bể

Bất cứ khi nào bạn làm việc quanh các bể, các thủ tục về an lao động phải tuyệt đối chấp hành:

- Đi ủng để di chuyển cho nhanh nhẹn. Đế giày có đinh mũ thép tăng khả năng chống trượt.
- Mặc áo phao khi làm việc xung quanh bể không có lan can bảo vệ. Khi ngã xuống bể thông khí lúc đang thông khí thì hầu như khó tránh khỏi bị chết đuối trừ khi mặc áo phao.
- Sự sinh sôi của tảo trơn trên sàn thao tác phải được cạo rửa bất cứ khi nào chúng xuất hiện. Giữ gìn sạch sẽ khu vực xử lý khỏi dầu mỡ chảy ra.
- Không để rơi dụng cụ, thiết bị và vật liệu mà có thể tạo ra ảnh hưởng tới quá trình vận hành.
- Khu vực xử lý phải có đủ ánh sáng để làm việc vào buổi tối, đặc biệt là lúc có sự cố xảy ra.

II. An toàn khi làm việc với hóa chất

Phải có đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động khi pha chế hóa chất. Phải thực hiện đúng các bước chỉ dẫn khi pha chế hóa chất.

Tránh để hóa chất tiếp xúc với nước trong quá trình lưu trữ và bảo quản. Khi đưa hóa chất vào thùng pha chế, nên đổ từ từ và từng tí một. Tránh bụi hóa chất bay lên và khả năng văng phầy dung dịch hoá chất.

Tránh để dung dịch axit tiếp xúc với nước. Vì axit đậm đặc khi gặp nước sẽ sinh nhiệt, làm biến dạng thùng chứa, tràn axit dẫn ăn mòn các thiết bị. Dùng nước sạch vệ sinh khu vực pha chế hóa chất.

(1). Natri hydroxyt

- Tên hóa học: Natri hydroxyt
- Công thức hóa học: NaOH
- **Tính chất**: Là một hợp chất vô cơ, chất lỏng không màu.
- **Pha chế**: Dung dịch NaOH có sẵn ở dạng dung dịch, chỉ việc mua và sử dụng.
- **Liều lượng sử dụng**: phụ thuộc vào tính chất và pH của nước thải.
- **Mức độ nguy hiểm**: Natri hydroxyt – NaOH có tính ăn mòn mạnh, có thể ăn sâu xuống dưới da và gây viêm loét nhiễm trùng. Đặc biệt, khi tác dụng với nước phản ứng tỏa nhiệt rất lớn.

Những điều cần chú ý khi làm việc với natri hydroxyt:



- Khi làm việc với NaOH cần sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân: quần áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng, kính bảo hộ... Phải hết sức chú ý tránh để NaOH rơi vào người, đặc biệt là mắt.



Nếu bị NaOH bắn vào da hoặc mắt phải lập tức rửa ngay bằng nhiều nước sạch, sau đó đưa ngay đến trung tâm y tế gần nhất.

(2). Clorine

- Tên hóa học: Calcium Hypochlorite. Công thức hóa học: $\text{Ca}(\text{OCl})_2$
- **Tính chất:** là một hợp chất được dùng để khử trùng nước thải
- **Pha chế:** Dung dịch natri hypochlorit 10% có sẵn ở dạng dung dịch, chỉ việc mua và sử dụng.
- **Liều lượng sử dụng:** 2kg/ngày.

Những điều cần chú ý khi làm việc với Clorine:



- Khi làm việc cần sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân: quần áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng ...
- Lưu ý: Clorine có tính ăn mòn cao, tránh để Clorine tiếp xúc trực tiếp với các dụng cụ bằng kim loại.

III. An toàn khi làm việc máy thổi khí

- Trước khi khởi động bất kỳ máy thổi khí nào, phải chắc rằng tất cả van vào và ra đã được mở thông suốt toàn hệ thống.
- Loại bỏ tất cả các vật chất khỏi máy thổi khí. Tất cả các công nhân vận hành phải vệ sinh sạch máy thổi khí trước khi khởi động.
- Bất cứ khi nào một máy thổi khí tắt đi để bảo dưỡng và sửa chữa thì phải chắc rằng nguồn điện chính đã được ngắt, đóng cửa lại và dán nhãn chú ý.
- Khi bảo dưỡng máy cần phải tắt máy trước đó ít nhất là 30 phút để nhiệt độ của máy hạ xuống vì máy hoạt động sẽ rất nóng có thể gây bỏng.
- Nếu có trục trặc về điện của mô tơ chỉ có các thợ điện có chuyên môn mới được phép sửa chữa và khắc phục sự cố.

IV. An toàn khi làm việc với bơm

- Trước khi khởi động bất kỳ bơm nào, phải chắc rằng tất cả van vào và ra đã được mở thông suốt toàn hệ thống.

- Loại bỏ tất cả các vật rắn có thể bị cuốn vào đầu hút của bơm. Tất cả các công nhân vận hành phải vệ sinh sạch các bể chứa trước khi khởi động.
- Bất cứ khi nào một bơm nào tắt đi để bảo dưỡng và sửa chữa thì phải chắc rằng nguồn điện cấp cho bơm đã được ngắt và dán nhãn chú ý tại vị trí nhà điều hành.
- Nếu có trục trặc về điện của mô tơ chỉ có các thợ điện có chuyên môn mới được phép sửa chữa và khắc phục sự cố.

V. An toàn khi làm việc với điện

(1). An toàn về điện:

- Công nhân vận hành cần phải nắm vững các biện pháp an toàn, cách xử lý sự cố và phương pháp cấp cứu tại nạn điện giật.
- Cần thường xuyên tiến hành kiểm tra sự an toàn của các thiết bị điện, các dây dẫn, ổ cắm, các lớp bảo vệ chống tiếp xúc, kiểm tra điện rò. Sửa chữa, bổ sung và thay thế hệ thống đường dây và thiết bị điện khi cần thiết.
- Trước khi tiến hành sửa chữa đường dây hay thiết bị điện phải cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực có liên quan. Khi sửa chữa phải tuyệt đối tuân thủ các quy định an toàn điện và có trang bị an toàn thích hợp (thử điện trước khi sửa chữa bằng bút thử điện, đeo găng tay, đi ủng cách điện...), dùng vật liệu cách điện để che chắn các bộ phận thiết bị xung quanh có khả năng dẫn điện.
- Khi cắt điện để sửa chữa phải có người canh cầu dao hoặc có biển báo hiệu **“cấm đóng điện, có người làm việc”** để đề phòng những người khác vô tình đóng cầu dao. Tránh để các vật có khả năng gây cháy nổ, dẫn điện và nước bắn vào trong tủ điện điều khiển.
- Khi có sự cố cháy, nổ, chập điện thì người vận hành phải lập tức nhấn nút POWER OFF trên mặt tủ điện để ngừng ngay hoạt động.

(2). Biện pháp cấp cứu:

a. Nguyên tắc

- Khi xảy ra tai nạn điện giật, việc đầu tiên là phải nhanh chóng cắt dòng điện qua cơ thể nạn nhân.
- Phải đảm bảo an toàn cho người đến cứu, vì nếu không người đến cứu dễ bị điện giật lây đồng thời nạn nhân còn bị nguy hiểm nặng hơn. Do đó, khi có người bị điện giật, người đến cứu phải hết sức bình tĩnh và thực hiện đúng các thao tác cần thiết, không tiếp xúc trực tiếp với nạn nhân mà phải thông qua các vật cách điện.

b. Những việc cụ thể phải được thực hiện ngay

- Cắt điện khu vực xảy ra tai nạn (ngắt cầu dao, rút phích cắm, rút cầu chì...).
- Tách nạn nhân ra khỏi dòng điện: dùng vật liệu cách điện (sào, gỗ, thanh nhựa... khô) gạt dây điện hoặc thiết bị điện ra khỏi nạn nhân.
- Dùng chăn, đệm, bạt nilông (tất cả đều phải khô) để đẩy nạn nhân ra khỏi vật mang điện.
- Nếu nạn nhân còn tỉnh táo cần giữ nạn nhân nghỉ ngơi, không cho đi lại hoạt động ngay, vì do triệu chứng sốc thần kinh nên có thể một lúc sau nạn nhân mới chuyển dần sang trạng thái mê sảng, tê liệt.
- Nếu nạn nhân bất tỉnh nhưng còn thở, tim còn đập thì đặt nạn nhân nằm nghỉ nơi thoáng, đầu để hơi thấp để tránh thiếu máu não, giữ ấm cơ thể nạn nhân và tránh gió lùa. Cởi các dây buộc, nút, cúc áo và hạn chế cử động của các cơ ngực, bụng. Có thể cho người amoniac loãng để nạn nhân mau tỉnh. Tuyệt đối không vẩy nước lên mặt nạn nhân vì có thể gây xung huyết não do lạnh đột ngột. Theo dõi nạn nhân để nếu cần thiết thì tiến hành hô hấp nhân tạo và xoa bóp tim kịp thời.
- Nếu nạn nhân đã ngừng thở nhưng tim còn đập thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo ngay.
- Nếu tim nạn nhân ngừng đập thì tiến hành xoa bóp tim ngoài lồng ngực. Sau khi có dấu hiệu tim đập lại cần tiếp tục hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim khoảng 5 – 10 phút rồi gọi bác sĩ hoặc đưa tới bệnh viện gần nhất.

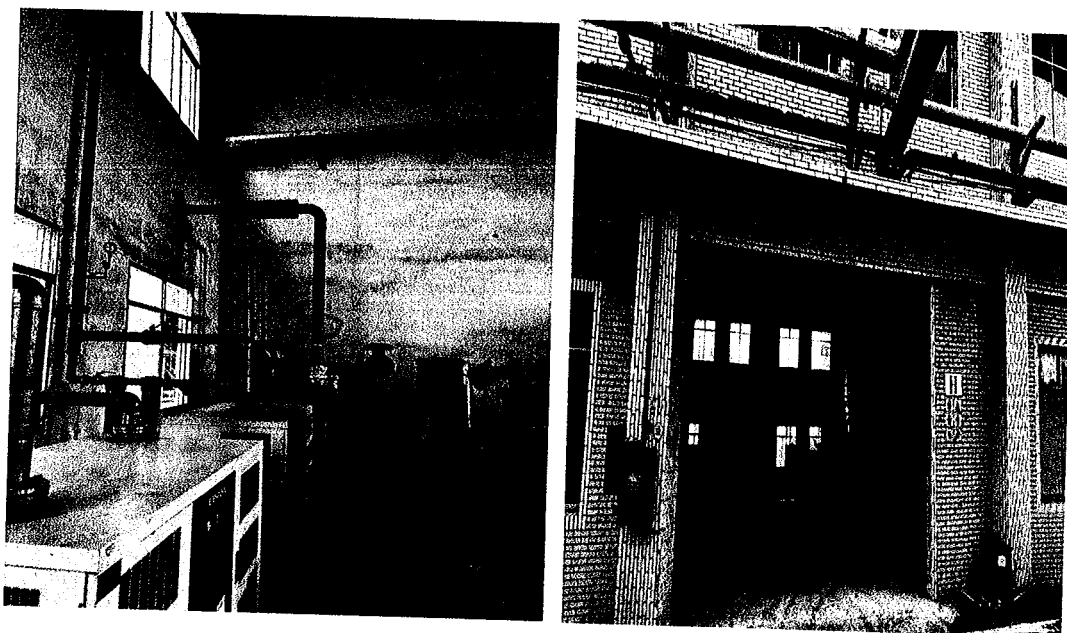
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải máy phát điện dự phòng

Nhà máy sử dụng 02 phát điện dự phòng công suất 1380 KVA và 380 KVA sử dụng dầu DO. Các biện pháp bảo vệ môi trường cho máy phát điện dự phòng, cụ thể:

– Khu vực máy phát điện được bố trí cách biệt với các khu vực sản xuất và được bố trí chung với máy móc thiết bị của nhà máy. Khu vực bố trí máy phát điện diện tích khoảng 200 m². Sàn được đúc bằng bê tông xi măng rắn chắc, phía dưới để máy đặt một lớp cao su để giảm thiểu độ rung.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải khi máy phát điện hoạt động là lắp ống khói cao hơn mái 4m tính từ mái che.



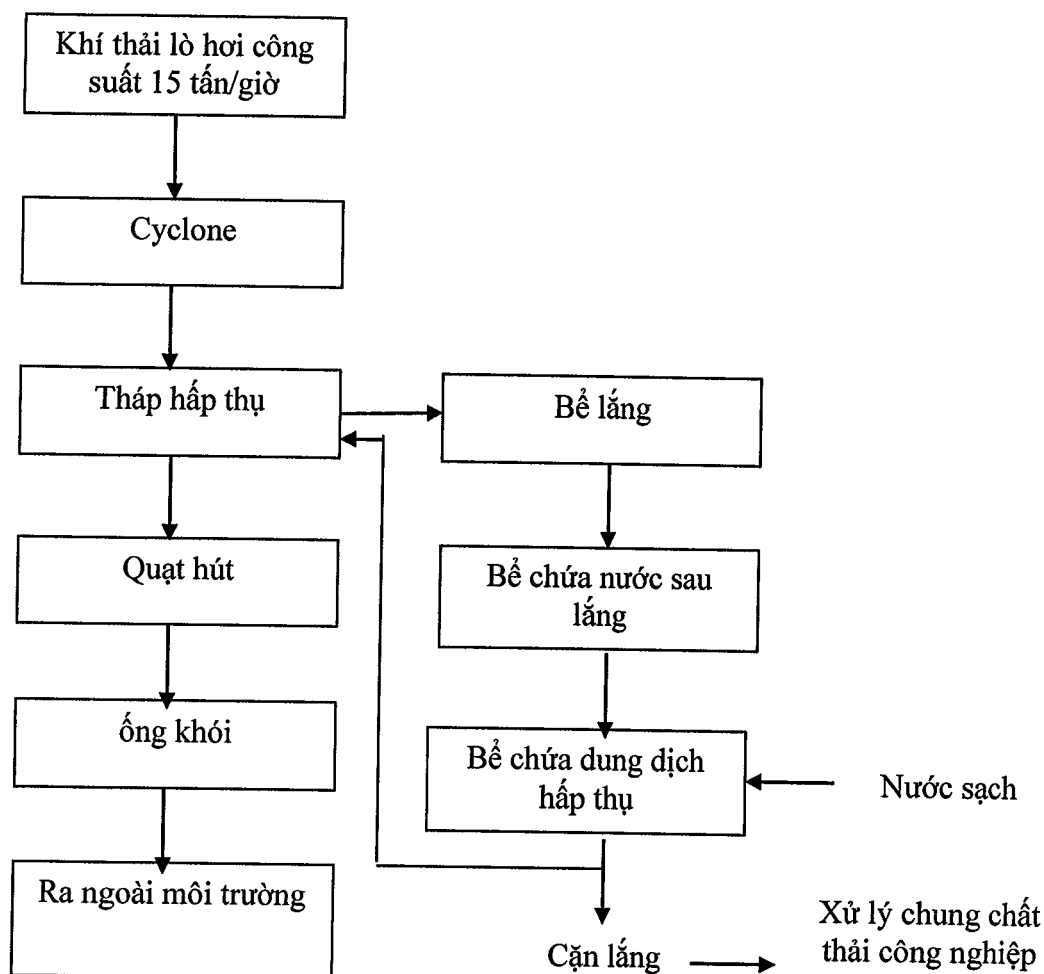
Hình 3.6: Nhà để máy phát điện dự phòng

1.4. Công trình xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt lò hơi

a. Thông tin chung

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất bao gồm: 1 lò hơi công suất 8 tấn/h, 1 lò hơi 10 tấn/h và 03 lò hơi 15 tấn/h với nhiên liệu đốt là mạt cưa và than. Nhưng hiện tại dự án chỉ có 03 lò hơi 15 tấn/h hoạt động luân phiên, lò hơi 8 tấn/h, 10 tấn/h đã ngưng hoạt động.

- ❖ Quy trình xử lý khí thải 02 lò hơi (đốt bằng mạt cưa) được chủ dự án xây dựng như sau:



Hình 3.7. Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi đốt mạt cưa

Thuyết minh công nghệ:

Khói thải từ 02 lò hơi công suất 15 tấn/giờ sau khi đốt ra khỏi buồng đốt được dẫn vào thiết bị làm nguội. Thiết bị làm nguội có nhiệm vụ làm giảm nhiệt độ của khí thải trước khi đi vào thiết bị xử lý. Khí thải sau khi ra khỏi thiết bị làm nguội theo ống khói và được dẫn vào thiết bị xử lý là tháp hấp thụ.

Tháp hấp thụ sẽ xử lý các hạt bụi có kích thước nhỏ (rửa bụi) và các thành phần khí độc hại bằng cơ chế hấp thụ. Sau khi qua tháp hấp thụ, khí thải đã được xử lý được phát tán ra môi trường không khí bên ngoài nhờ hệ thống ống khói và quạt hút.

Trong tháp hấp thụ, xảy ra đồng thời các quá trình xử lý cơ học và hóa lý, cụ thể như sau: Tại tháp hấp thụ dung dịch hấp thụ (bằng nước) được bơm liên tục từ đỉnh

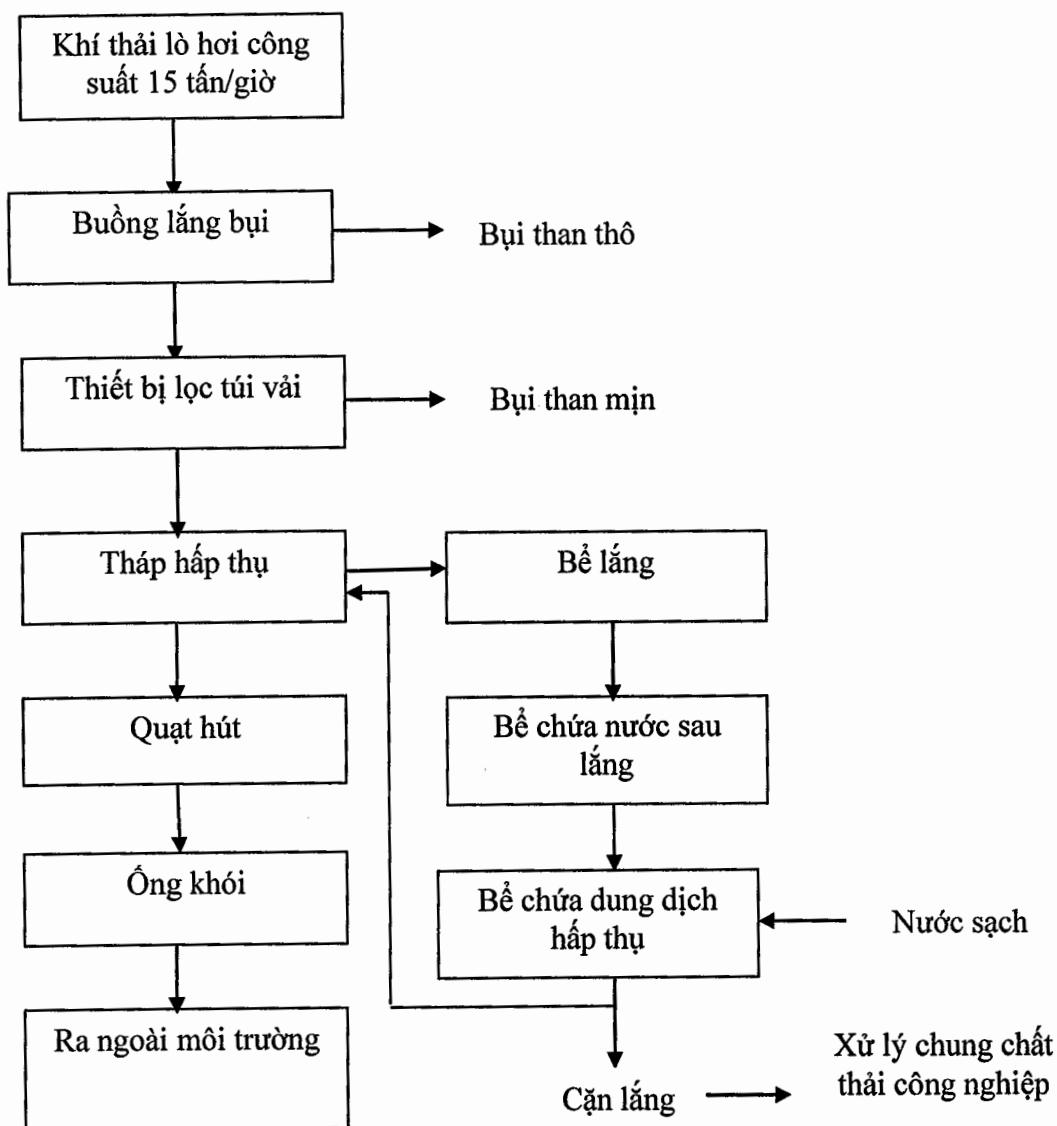
tháp xuống lớp vật liệu đệm, khói thải chứa các chất ô nhiễm như SO_x , NO_x , tro bụi... được dẫn từ dưới lên.

Tháp hấp thụ được thiết kế với vật liệu đệm bổ sung nhằm tăng diện tích tiếp xúc giữa dung dịch hấp thụ và khí thải. Nhờ lớp vật đệm có độ xốp rất cao, diện tích bề mặt lớn nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng giúp quá trình hấp thụ diễn ra dễ dàng. Đồng thời dung dịch hấp thụ được cấp vào tháp hấp thụ dưới dạng phun sương nhờ hệ thống bơm cao áp và hệ thống ống phân phối bên trong tháp làm tăng khả năng hấp thụ khí của dung dịch, tăng hiệu quả xử lý khí thải.

Dung dịch hấp thụ được pha chế tại bể chứa dung dịch hấp thụ, sau đó được cấp vào tháp hấp thụ với nồng độ thích hợp. Sau khi qua tháp hấp thụ, dung dịch này sẽ được dẫn về bể lắng. Phần cặn lắng dưới đáy bể được xả định kỳ với cặn lắng và sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại trong nhà máy. Phần dung dịch trong bể lắng sẽ được tuần hoàn về bể chứa dung dịch hấp thụ theo cơ chế bình thông nhau.

Khí ra khỏi thiết bị hấp thụ là không khí sạch được hút qua quạt ly tâm sau đó được đẩy vào ống khói tập trung và phát tán ra môi trường bên ngoài với ống khói cao 18 m đường kính 80 cm . Với phương án công nghệ như trên, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn tiếp nhận QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

- ❖ Quy trình xử lý khí thải lò hơi (đốt bằng than) được chủ dự án xây dựng như sau



Hình 3.8. Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi đốt than

➤ *Thuyết minh công nghệ*

Khói thải từ lò hơi công suất 15 tấn/giờ sau khi đốt ra khỏi buồng đốt được dẫn vào thiết bị làm nguội. Thiết bị làm nguội có nhiệm vụ làm giảm nhiệt độ của khí thải trước khi đi vào thiết bị xử lý. Dòng khí và bụi qua hệ thống ống thu bụi và khí đưa về buồng lắng bụi. Tại đây dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi lớn sẽ bị tách ra khỏi dòng khí sẽ va vào thành vách ngăn và rơi xuống đáy của thiết bị và định kỳ được thu ra ngoài. Dòng khí và bụi mịn sẽ đi lên phía trên của thiết bị và được đưa vào thiết bị lọc túi vải. Dưới tác dụng của quạt hút dòng khí và bụi mịn được đưa qua thiết bị lọc túi vải các hạt bụi có kích thước lớn hơn đường kính túi vải sẽ được

giữ lại và định kỳ được thu ra ngoài. Dòng khí đi qua túi vải sẽ được quạt hút đưa qua tháp hấp thụ.

Tháp hấp thụ sẽ xử lý các hạt bụi có kích thước rất nhỏ (rửa bụi) và các thành phần khí độc hại bằng cơ chế hấp thụ. Sau khi qua tháp hấp thụ, khí thải đã được xử lý được phát tán ra môi trường không khí bên ngoài nhờ hệ thống ống khói và quạt hút.

Trong tháp hấp thụ, xảy ra đồng thời các quá trình xử lý cơ học và hóa lý, cụ thể như sau: Tại tháp hấp thụ dung dịch hấp thụ (bằng nước) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống lớp vật liệu đệm, khói thải chứa các chất ô nhiễm như SO_x , NO_x , tro bụi... được dẫn từ dưới lên.

Tháp hấp thụ được thiết kế với vật liệu đệm bổ sung nhằm tăng diện tích tiếp xúc giữa dung dịch hấp thụ và khí thải. Nhờ lớp vật đệm có độ xốp rất cao, diện tích bề mặt lớn nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng giúp quá trình hấp thụ diễn ra dễ dàng. Đồng thời dung dịch hấp thụ được cấp vào tháp hấp thụ dưới dạng phun sương nhờ hệ thống bơm cao áp và hệ thống ống phân phối bên trong tháp làm tăng khả năng hấp thụ khí của dung dịch, tăng hiệu quả xử lý khí thải.

Dung dịch hấp thụ được pha chế tại bể chứa dung dịch hấp thụ, sau đó được cấp vào tháp hấp thụ với nồng độ thích hợp. Sau khi qua tháp hấp thụ, dung dịch này sẽ được dẫn về bể lắng. Phần cặn lắng dưới đáy bể được xả định kỳ với cặn lắng và sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại trong nhà máy. Phần dung dịch trong bể lắng sẽ được tuần hoàn về bể chứa dung dịch hấp thụ theo cơ chế bình thông nhau.

Khí ra khỏi thiết bị hấp thụ là không khí sạch được hút qua quạt ly tâm sau đó được đẩy vào ống khói tập trung và phát tán ra môi trường bên ngoài với ống khói cao 18 m đường kính 80cm . Với phương án công nghệ như trên, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn tiếp nhận QCVN 19:2009/BTNMT cột B.



Hình 3.3: Khu vực lò hơi

Khu vực bố trí lò hơi và kho nhiên liệu có diện tích khoảng 2000 m² được bố trí tại khu đất. Khí thải từ lò hơi được xả trực tiếp vào môi trường qua 03 ống khói thải. Ống khói thải lò hơi cao 18m, đảm bảo cao hơn khối công trình cao nhất của dự án theo quy định. Theo kết quả quan trắc định kỳ khói thải lò hơi đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B) trước khi xả thải ra môi trường bên ngoài.

b. Chế độ vận hành:

Hệ thống xử lý khí thải 03 lò hơi được hoạt động luân phiên được vận hành liên tục 06/24 giờ.

c. Điện năng tiêu thụ:

Trung bình từ 10 – 15 Kw/ngày $\approx$ 300 – 450 Kw/tháng.

d. Kích thước, đặc điểm kỹ thuật của hệ thống lò hơi

Kích thước, đặc điểm kỹ thuật, trang thiết bị của hệ thống lò hơi tại Nhà máy được liệt kê ở bảng sau:

Bảng 3.6: Kích thước, đặc điểm kỹ thuật, trang thiết bị của hệ thống lò hơi tại Nhà máy

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT
1	LÒ HƠI ĐỐT THAN		1	Cái
1.1	Thông số kỹ thuật về lò hơi + Nhân hiệu: HEW-150 ⁰ C –S + Số chế tạo: 15005-W12(BW42420) + Kiểu lò: Lò nằm, ống lò + Công suất: 13,5 tấn hơi/h + Áp suất làm việc max: 8 Bar + Áp suất thiết kế: 10 Bar	Nhập khẩu tại Taiwan	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT
	+ Nhiệt độ hơi bão hòa: 183 ⁰ C + Nhiên liệu đốt: than đá + Chế độ vận hành: Tự động cấp nước, tắt đầu đốt khi đủ áp suất, tự động chạy lại đầu đốt khi áp suất trong lò xuống dưới mức quy định.			
2	LÒ HƠI ĐỐT MẠC CƯA			
	Thông số kỹ thuật về lò hơi + Nhãn hiệu: WNS15-1.15, CF-1014 + Số chế tạo: 355BW00659, 04529 + Kiểu lò: Lò nằm, ống lò + Công suất: 15 tấn hơi/h + Áp suất làm việc max: 8 Bar + Áp suất thiết kế: 10 Bar + Nhiệt độ hơi bão hòa: 183 ⁰ C + Nhiên liệu đốt: mạc cưa + Chế độ vận hành: Tự động cấp nước, tắt đầu đốt khi đủ áp suất, tự động chạy lại đầu đốt khi áp suất trong lò xuống dưới mức quy định.	Nhập khẩu tại Taiwan	2	Cái

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)

➤ **Hướng dẫn vận hành lò hơi**

Bước 1 : Khởi động

1. Mở công tắc chính (Áp tômát) từ vị trí (OFF) sang vị trí (ON), đèn báo nguồn bật sáng, các tín hiệu sự cố báo cho công nhân vận hành biết để xử lý. Lúc này nếu nước trong nồi hơi thấp, đèn báo cạn nước sáng, còi kêu.

2. Xử lý các sự cố ban đầu bằng cách:

– Bật công tắc bơm nước sang vị trí chạy tay, bơm nước sẽ hoạt động cung cấp đủ nước cho nồi hơi, khi nước đạt yêu cầu đèn (O) sẽ tắt.

– Chú ý : Tắt còi bằng công tắc .

3. Khởi động :

– Khi các đèn báo sự cố tắt hết, nồi hơi sẵn sàng hoạt động ở chế độ đốt tự động

– Mở công tắc của bơm nước, hệ thống đốt, cấp liệu về vị trí chạy tự động.

– Khi thấy hơi nước thoát nhẹ ra ở van xả khí, khoá chặt van lại tiếp tục vận hành nồi đến áp suất quy định.

↳ Chuyển chế độ đốt :

* Khi áp suất gần đạt định mức, nồi hơi chuyển sang chế độ đốt nhỏ.

* Khi áp suất vượt quá định mức, nồi hơi ngưng hoạt động, đèn báo cháy (O) chế độ tự động tắt. Khi đó áp suất hơi đạt giá trị lý thuyết (đạt định mức), đèn báo ngưng áp suất (0) sáng.

* Khi bên sử dụng hơi không tăng giảm đột ngột (do bên sử dụng hơi đều) chế độ đốt của nồi hơi có thể ổn định.

a) Trong quá trình nồi hơi hoạt động :

Công nhân vận hành thường xuyên theo dõi tín hiệu báo hiệu trong bảng báo sự cố để xử lý kịp thời. Ngoài ra còn phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra các bộ phận sau:

- Bộ phận chỉ mực nước
- Bộ phận cung cấp liệu
- Các thiết bị đo lường.
- Các thiết bị an toàn như van an toàn, van xả đáy và van xả khí..

b) Cung cấp hơi cho các phân xưởng sử dụng :

- Kiểm tra các van trên đường cấp hơi nhánh.
- Mở van cấp hơi theo yêu cầu sử dụng.

Bước 2 : Ngưng hoạt động

1. Xoay công tắc chính từ vị trí (ON) sang vị trí (OFF hay về 0).
2. Tắt hệ thống cấp dầu, đóng các van trên đường hút và đẩy.
3. Tắt bơm nước trung gian (nếu có), đóng các van trên đường hút và đẩy..
5. Cắt cầu dao điện (hoặc áp tô mát) ngưng cung cấp điện cho tủ điều khiển.
6. Kiểm tra lại toàn bộ, vệ sinh thiết bị, ghi sổ theo dõi vận hành.
7. Làm các thủ tục bàn giao ca tại chỗ (theo quy định).

* Khi ngưng lò hơi dài hạn , phải có kế bảo dưỡng, vệ sinh và biện pháp phòng mòn trong ,ngoài nồi.

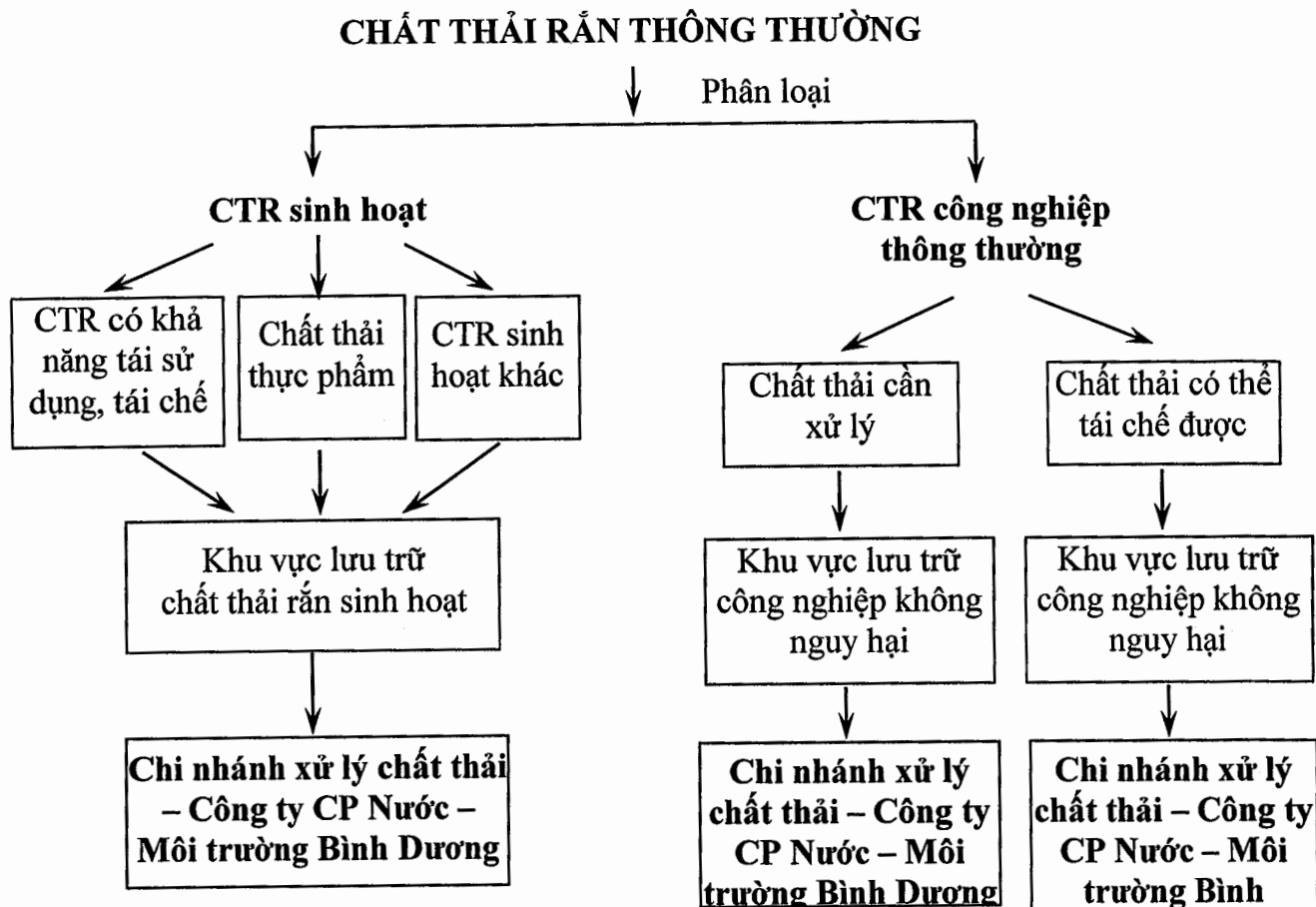
❖ Mùi hôi từ quá trình tái chế mốp xốp thành hạt nhựa

Trong dây chuyền tái chế mốp xốp thành hạt nhựa có phát sinh bụi, dung môi, các hợp chất bay hơi vào không khí. Bụi mốp xốp phát sinh từ công đoạn cắt hạt trong dây chuyền tái chế mốp xốp phế phẩm có tính chất nhỏ, nhẹ và dễ phát tán kích thước thay đổi tùy thuộc vào từng công đoạn cắt khác nhau. Do đó tại công đoạn xay mốp xốp vụn chủ dự án có lắp đặt quạt hút nên toàn bộ lượng mốp xốp phát sinh trong quá trình xay được quạt hút vào máy gia nhiệt nên lượng bụi phát sinh tại

công đoạn này là không đáng kể vẫn đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công tác quản lý chất thải rắn thông thường tại Cơ sở được tóm tắt như hình sau:



2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

– Chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện phân loại tại nguồn phát sinh từ tất cả các khu vực trong dự án nhằm tách chất thải rắn thành 03 loại riêng biệt:

- + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: gồm giấy, nhựa, lon đồ hộp, chai thủy tinh, cao su, ni lông;
- + Chất thải thực phẩm: rau, củ, quả, thức ăn thừa;
- + Chất thải rắn sinh hoạt khác: lá cây, bao bì thực phẩm, vỏ bánh kẹo,...

– Bố trí 03 loại thùng rác dung tích các thùng rác 60 lít tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh có dán nhãn phân loại riêng biệt để công nhân viên thực hiện phân loại rác tại nguồn.

– Vào giờ quy định của mỗi ngày, nhân viên phụ trách vệ sinh thu gom đưa xuống tập trung lưu trữ tại các thùng chứa 160 lít tương ứng với loại đã phân loại được đặt tại khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt.

– Hàng ngày, Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương đến thu gom và mang đi xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom được đính kèm tại Phụ lục*).

– Khu vực chứa thùng rác sinh hoạt có diện tích 3,0 m², được bố trí cuối xưởng sản xuất gần khu vực nhà vệ sinh. Khối lượng phát sinh thực tế: 20kg/ngày.

– Khu vực lưu trữ chất thải được lợp mái tôn, nền được tráng xi măng đảm bảo chống thấm.

2.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

– Chất thải rắn được phân thành 02 loại:

+ Chất thải thông thường: Là những chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của cơ sở không chứa các yếu tố nguy hại.

+ Chất thải có thể tái chế được: Là chất thải có thể chế biến lại để sử dụng với mục đích khác nhau ngoài mục đích làm thực phẩm cho người.

Bảng 3.7 : Danh mục và khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại trong quá trình sản xuất

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng/tháng
Lượng chất thải rắn sản xuất hiện tại			
1	Bùn thải, tro xỉ từ hệ thống xử lý khí thải, bao bì, nylon, giấy, ...	Rắn	311 kg
Tổng cộng			311 kg

[Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam]

– Tại mỗi bộ phận sản xuất phải bố trí vị trí đặt dụng cụ chứa chất thải được phân loại, sử dụng các thùng rác 240 lít. Các thùng chứa đầy sẽ được nhân viên vận chuyển ra khu vực tập trung chất thải rắn, chuyển sang các thùng 660 lít và trả các thùng rỗng về vị trí sản xuất.

– Lượng chất thải công nghiệp được thu gom hằng ngày và mang đến nơi xử lý theo quy định.

– Hiện nay công ty đang ký kết hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương để thu gom và xử lý (*Hợp đồng thu gom được đính kèm tại Phụ lục*).

– Khu vực tập trung chất thải sản xuất có diện tích 40 m², được bố trí phía cuối nhà xưởng sản xuất. Khu vực lưu trữ chất thải được lợp mái tôn, nền được tráng xi

măng đảm bảo chống thấm, bên trong được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

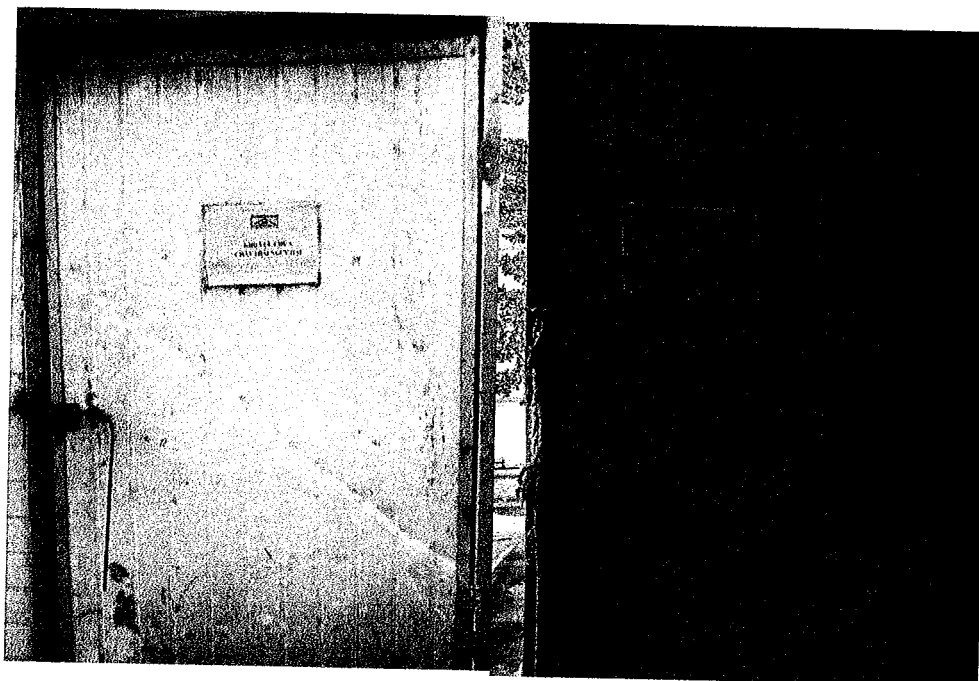
- Phân loại CTNH: công ty thực hiện phân loại CTNH ngay tại nguồn.
- Thu gom: nhà máy thu gom tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh trong dây chuyền sản xuất để lưu giữ, chờ đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH tiếp nhận. Sau khi thu gom chất thải được phân loại, sắp xếp và đặt riêng biệt các loại CTNH trong khu vực lưu trữ CTNH riêng biệt, mỗi loại CTNH được lưu giữ đều phải có thùng lưu chứa và dán nhãn theo quy định.
- Lưu trữ: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích tối thiểu 6,0 m² với kết cấu như sau:
 - + Mái được làm bằng tole có khả năng che mưa, che nắng.
 - + Nền được tráng xi măng đảm bảo chống thấm và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - + Tại khu vực nhà lưu trữ CTNH được bố trí dụng cụ phòng cháy chữa cháy và vật liệu hấp thụ (cát, giẻ lau) để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải ở thể lỏng.
- Dán nhãn và sử dụng biển báo CTNH: Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa và mã số chất thải được tuân theo TCVN 6707-2009. Dán các biển cảnh báo CTNH trên các thùng lưu chứa CTNH theo đúng đặc tính nguy hại của chất thải. Kích cỡ các biển báo đảm bảo trong khoảng cách thấy được.
- Xử lý: Công ty ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành (*Hợp đồng thu gom được đính kèm tại Phụ lục*).

Bảng 3.8: Danh mục chất thải nguy hại phát sinh hiện tại của dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn /lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã số CTNH
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	50	170601
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	440	170203
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị	Rắn	160	180201

	nhiệm các thành phần nguy hại			
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	160106
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	1	190601
6	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	080204
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18,5	180102
Tổng			700	

(Nguồn: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam)



Hình 3.4: Khu vực tập trung chất thải của Nhà máy

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

4.1. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của các thiết bị, máy móc sản xuất

– Đối với tất cả các loại máy móc phát sinh ra tiếng ồn và độ rung thì bộ phận của đế máy được lắp đặt bằng vật liệu dẻo như cao su và các vật liệu khác nhằm giảm độ rung và tiếng ồn khi vận hành.

– Máy móc, thiết bị được kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng. Giữ cho các máy ở trạng thái hoàn thiện: siết chặt

bulông, đinh vít, tra dầu mỡ thường xuyên.

- Các phương tiện vận chuyển thực hiện chế độ tắt máy khi thực hiện bốc, dỡ hàng hóa, chất thải,...

- Công nhân được trang bị nút bịt tai chống ồn khi làm việc tại các khu vực phát sinh ra tiếng ồn cao. Đối với công nhân làm việc tại khu vực có tiếng ồn cao sẽ không làm việc liên tục quá 4h, sẽ được luân chuyển qua bộ phận khác để làm.

4.2. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của máy phát điện dự phòng

Để chống ồn, rung từ máy phát điện, khu vực đặt máy phát điện được đặt riêng trong một phòng kín gần khu vực sản xuất. Máy phát điện được đầu tư mới 100% nên khi mua sẽ đi kèm với lớp vỏ cách âm dành riêng cho máy (*lớp vỏ cách âm đảm bảo tiếng ồn khi máy phát điện vận hành đủ tải trong khoảng cách 7m nhỏ hơn 75dBA*) và bộ lọc khói thô.

Chủ dự án sẽ lắp thêm một lớp đệm nhằm chống phát sinh chấn động tạo độ rung và gây ồn, bảo đảm tiếng ồn không vượt quá 70dBA. Ngoài ra, tường phòng máy phát điện là tường dày nên cũng giảm thiểu tiếng ồn đáng kể.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án:

5.1. Biện pháp an toàn lao động

Để giảm thiểu tai nạn trong quá trình lao động, công ty đã thực hiện các chính sách về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên nhà máy, cụ thể như sau:

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ và phù hợp cho cán bộ, nhân viên nhà máy. Đề ra các nội quy an toàn lao động, nội quy vận hành máy móc, thiết bị, hướng dẫn sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động,...

- Kiểm tra thường xuyên việc tuân thủ các nội quy về an toàn trong lao động như: trang bị đủ bảo hộ lao động trước khi làm việc, vận hành máy móc thiết bị đúng quy trình,...

- Bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý.

- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho công nhân nhà máy

- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc, thiết bị của dự án.

- Thường xuyên tổ chức các lớp học định kỳ đào tạo và hướng dẫn về an toàn lao động, sức khỏe môi trường, vận hành an toàn máy móc thiết bị, biện pháp phòng tránh khi có sự cố xảy ra.

5.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Cháy và nổ có thể xảy ra đối với bất kỳ hoạt động sản xuất nào. Công ty sẽ xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy đồng thời phối hợp chặt chẽ với bộ phận PCCC của khu vực để lập kế hoạch triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn cho công tác phòng chống cháy nổ. Một số công việc cụ thể như:

a) Các biện pháp

- Trong nhà xưởng sản xuất đều có trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, các phương tiện PCCC được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng,

- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, được đo đạc và theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Thực hiện việc bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ khoảng 1 tháng/lần,

- Cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển...

- Bình khí nén phải đặt xa nguồn nhiệt ít nhất 5 mét, không đặt ở những nơi dễ cháy, nổ; Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của bình, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn, rơ le khống chế áp suất. Vận hành bình một cách an toàn theo đúng quy trình của đơn vị.

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị phải luôn có mặt tại vị trí của mình và phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật.

- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho công nhân viên

Hiện tại hệ thống phòng chống cháy nổ tại công ty được thực hiện rất tốt, tuy nhiên khi dự án nâng công suất có đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất nên chủ dự án sẽ lắp đặt thêm một số hệ thống phòng chống cháy nổ tại các khu vực này đảm bảo an toàn khi dự án đi vào hoạt động.

b) Lắp đặt hệ thống nối đất và chống sét

Việc lắp đặt hệ thống chống sét hiệu quả là cần thiết. Vị trí lắp đặt trên mái nhà xưởng, ống khói các tháp cao vị trí kho chứa nhiên liệu.... Máy móc sẽ nối đất theo đúng quy định N° 76 VT/QĐ ban hành ngày 02/3/1983 (Bộ Vật tư).

c) *Phương án phòng chống cháy nổ tại chỗ đã được chủ dự án trang bị như sau:*

➤ *Đối với lực lượng PCCC*

- Người phụ trách: 01 người
- Có 01 đội chia làm 03 tổ, số đội viên PCCC gồm 39 người
- Trong giờ làm việc có mặt 12 người
- Ngoài giờ làm việc 05 người

➤ *Phương tiện chữa cháy*

TT	Tên phương tiện	Số lượng	Vị trí
1	Hạng nước chữa cháy vách tường	41	Đặt trong xưởng
2	Bình CO2	03	Xưởng + văn phòng
3	Bình MFT – 35		
4	Máy bơm	03	Đặt tại hồ nước
5	Hệ thống chữa cháy tự động		
6	Bình MFZ – 8	200	Xưởng, văn phòng, kho

5.3. Phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu

Để phòng chống và cấp cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu dạng lỏng hay khí, chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật trong kho chứa, phương tiện vận tải và lập phương án ứng cứu sự cố như sau:

- Đối với hệ thống kho bể chứa: hệ thống kho chứa nguyên liệu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (bao gồm các hệ thống làm mát, van thoát hơi, hệ thống chống sét, hệ thống cứu hỏa, ...).
- Phương án xử lý sự cố rò rỉ: chủ đầu tư cùng với các cơ quan chức năng lập phương án cấp cứu xử lý sự cố rò rỉ, tổ chức, thực hiện diễn tập công tác cấp cứu khi xảy ra sự cố thường xuyên.
- Chủ đầu tư cùng với các cơ quan chức năng lập phương án cấp cứu xử lý sự cố rò rỉ, tổ chức, thực hiện diễn tập công tác cấp cứu khi xảy ra sự cố thường xuyên. Sự cố rò rỉ chủ yếu xảy ra do các tuyến cống thoát nước mưa và nước thải đến trạm xử lý tập trung và thoát ra nguồn tiếp nhận. Chủ dự án sẽ có kế hoạch kiểm tra định kỳ các tuyến cống, kịp thời sửa chữa, thay thế khi xảy ra sự cố.

5.3. Môi trường làm việc và an toàn lao động

Các quy định về môi trường làm việc và an toàn lao động (Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động của Bộ Y tế – Quyết định số 3733/2002/QĐ – BYT ngày 10/10/2002):

- Tiêu chuẩn chiếu sáng.
- Tiêu chuẩn vi khí hậu.
- Tiêu chuẩn bụi.
- Tiêu chuẩn tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn rung.
- Hóa chất – Giới hạn cho phép trong không gian làm việc.

Để đảm bảo cho công tác vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân, Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp hỗ trợ sau:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động như trang bị khẩu trang, găng tay, nút tai chống ồn, ...
- Vệ sinh Nhà máy sạch sẽ, không có các chất dễ cháy rơi vãi. Qua đó ngừa được nguy cơ cháy, đồng thời tạo được môi trường hoạt động tốt và dễ chịu hơn,
- Vệ sinh, sửa chữa các máy móc, thiết bị: có tác dụng bảo quản tốt tài sản, dẫn đến sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động,
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu cho môi trường làm việc và điều kiện vệ sinh lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ y tế ban hành. Khống chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn môi trường quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.
- Trong quá trình hoạt động sản xuất, dự án sẽ đề ra nội quy vệ sinh lao động, nhằm tạo môi trường không khí trong lành cho công nhân, vừa tránh được tai nạn lao động, vừa nâng cao năng suất làm việc.
- Thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên của công ty định kỳ 1 năm/ 2lần; Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho công nhân.
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về an toàn và vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà xưởng.

5.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ công trình xử lý nước thải

5.4.1. Đối với hệ thống đường ống thoát nước thải

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.

- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

5.4.2. Đối với bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

5.4.3. Biện pháp phòng chống sự cố hệ thống xử lý nước thải

➤ Biện pháp phòng ngừa sự cố cho trạm xử lý nước thải tập trung

Xây dựng công trình xử lý nước thải theo đúng công suất thiết kế. Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.

Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.

Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Đầu tư dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng như máy bơm (1 máy hoạt động, 1 máy dự phòng), nhằm sẵn sàng thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành liên tục.

Bổ trí nhân viên quản lý vận hành trạm XLNT tập trung. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình XLNT phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật khi vận hành công trình XLNT.

Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải của trạm xử lý nước thải.

Công tác bảo trì thiết bị, đường ống sẽ được tiến hành thường xuyên để đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động tốt. Các công tác bảo trì hệ thống bao gồm:

- Hệ thống đường ống: Thường xuyên kiểm tra các đường ống trong hệ thống xử lý, nếu có rò rỉ hoặc tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý kịp thời.
- Các thiết bị dễ gặp sự cố như:
 - + Máy bơm: Hàng ngày vận hành máy bơm nên kiểm tra bơm có đẩy nước lên được hay không; Khi bơm phát ra tiếng kêu lạ cần ngừng bơm ngay lập tức và

tìm các nguyên nhân để khắc phục sự cố trên. Cần sửa chữa bơm theo từng trường hợp cụ thể.

- + Động cơ khuấy trộn: Kiểm tra thường xuyên hoạt động của các động cơ khuấy trộn; Định kỳ 6 tháng kiểm tra ổ bi và thay thế dây cu-roa.
- + Các thiết bị khác: Định kỳ khoảng 3 tháng vệ sinh xúc rửa các thiết bị, tránh tình trạng đóng cặn trên thành thiết bị.

➤ Biện pháp ứng phó khi có sự cố xảy ra ở trạm xử lý nước thải tập trung

Bước 1: Tạm thời ngưng toàn bộ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời, tiến hành hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại (*hồi lưu nước thải bằng bơm sẵn có trong hệ thống xử lý nước thải hoặc bơm dự phòng nếu cần thiết*).

Bước 2: Xác định nguyên nhân

Do chất lượng nước thải đầu vào đã được Chủ dự án kiểm soát một cách rất chặt chẽ. Chính vì vậy, sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận chỉ có thể do hai nguyên nhân sau:

- Lỗi do quá trình vận hành hệ thống XLNT không đúng yêu cầu thiết kế.
- Thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng.

Bước 3: Xử lý sự cố

- Nếu lỗi do quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng yêu cầu thiết kế thì: tiến hành hiệu chỉnh lại chế độ vận hành, các thông số vận hành của hệ thống xử lý nước thải cho đúng với tiêu chuẩn thiết kế. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (*chỉ khoảng 30 phút*), vì thông thường sự cố này là do sự thiếu trách nhiệm của ca trực vận hành nên sự cố trong trường hợp này Chủ dự án hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận nước thải. Đồng thời, Chủ dự án cũng sẽ có biện pháp xử lý kỷ luật đối với ca trực vận hành để xảy ra sự cố này.
- Nếu lỗi do thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng: tiến hành ngay việc thay thế bằng thiết bị dự phòng, đồng thời đem thiết bị bị hư hỏng đi sửa chữa ngay lập tức. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (*tối đa chỉ khoảng 60 phút*) vì tại trạm đã có cán bộ chuyên môn, việc phối hợp sửa chữa nhịp nhàng nên sự cố trong trường hợp này Chủ dự án hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn.

Bước 4: Đưa hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định bình thường trở lại, sau đó báo cáo Ban giám đốc về kết quả xử lý sự cố.

Trường hợp đã xả thải nước thải xử lý chưa đạt yêu cầu vào nguồn tiếp nhận, công ty sẽ lên kế hoạch khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; Tiến hành đền bù đối với các cơ sở, hộ dân chịu ảnh hưởng do sự cố xả nước thải của dự án gây ra; Thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường và nộp phạt đầy đủ theo quy định hiện hành.

Với các biện pháp trên, Công ty đảm bảo trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố thì sẽ nhanh chóng được khắc phục để đưa vào hoạt động lại bình thường đồng thời xử lý hết được lượng nước thải từ hoạt động của dự án theo đúng quy định trước khi thoát ra môi trường. Ngoài ra, Công ty thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong quá trình vận hành, người vận hành thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nếu hệ thống xử lý hoạt động tốt thì hệ thống được vận hành xử lý nước thải theo đúng quy trình và nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra môi trường.

5.5. Phòng ngừa ứng phó sự cố trong quá trình vận hành lò hơi

Để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, đối với lò hơi hơi đốt than, mặc dù ngoài việc xử lý các sự cố thông thường như các loại nồi hơi khác, người thợ vận hành cần nắm chắc cấu tạo, nguyên lý hoạt động của nồi hơi để kịp thời xử lý những sự cố khác đặc trưng cho lò hơi.

Sau đây là một số sự cố thường xảy ra trong quá trình nồi hơi hoạt động, nguyên nhân và cách xử lý:

(1). *Cạn nước nghiêm trọng:*

a/ Hiện tượng :

- Ống thủy sáng không còn nước mà chỉ còn một màu sáng óng ánh khi quan sát.
- Mở van thấp nhất của ống thủy tối không có nước chảy ra mà chỉ có hơi phụt ra.
- Áp suất tăng nhanh, van an toàn tác động liên tục.
- Toàn bộ nồi hơi nóng hơn mức bình thường (trên 250°C).

b/ Nguyên nhân :

- Hệ thống bơm cấp nước tự động bị lỗi do không lấy được tín hiệu mực nước trong lò.
- Công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời.
- Van xả đáy không kín.
- Bơm cấp nước hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được nồi hơi.
- Hệ thống ống cấp nước bị tắc hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng.

c/ Cách xử lý :

- Tắt toàn bộ điện hệ thống đầu đốt và bơm cấp nước.
- Tiến hành thông rửa ống thủy.
- Nếu thấy nước lấp ló chân ống thủy sáng thì nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng.

Trường hợp này tiến hành cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, đồng thời giảm cường độ đốt bằng cách giảm lượng dầu cung cấp cho béc đốt hoặc ngừng béc đốt ngay. Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, cho nồi hơi trở lại hoạt động.

- Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy tối cũng chỉ thấy hơi phụt ra mà không có nước thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cấm tuyệt đối cấp nước bổ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng máy sự cố như sau :

+ Tắt béc đốt, ngừng cung cấp dầu cho béc đốt.

+ Đóng van hơi chính .

+ Cúp điện toàn bộ tủ điện điều khiển lò hơi.

+ Khóa toàn bộ van cấp nước vào lò hơi.

- Sau khi ngừng lò có sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm về 0 kG/cm², nhiệt độ trong lò hơi nhỏ hơn 60°C thì cần kiểm tra các bộ phận liên quan, siêu âm, kiểm tra lại mối hàn thân lò, đặc biệt các bề mặt tiếp nhiệt, sau đó tiến hành thử thủy lực toàn bộ thân lò hơi ở 15kG/cm² trong thời gian 30 phút, nếu áp suất trong lò không bị tụt áp thì tiến hành xử lý như trường hợp trên.

- Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bơm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.

(2). Đầy nước quá mức

a/ Hiện tượng :

- Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong nồi hơi.
- Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp tiêu thụ lẫn nhiều nước ngưng.

b/ Nguyên nhân :

- Hệ thống lấy tín hiệu từ cọc dò mực nước bị chạm, bơm cấp nước liên tục.
- Khi tiến hành cấp nước bổ sung nước cho nồi hơi, công nhân không quan sát ống thủy sáng để ngưng bơm kịp thời.

- Cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng hơi. Trong trường hợp này mức nước trung bình của ống thủy có thể vượt quá mức cho phép cao nhất.

c/ Cách xử lý :

Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước trở lại bình thường. Xả nước trên đường cấp hơi, sau đó cho nồi hơi hoạt động trở lại.

(3). Ống thủy báo mức nước ảo:

a/ Hiện tượng :

- Mức nước trong ống thủy đứng yên, không giao động lên xuống.
- Hai ống thủy sáng báo hai mức nước khác nhau.

b/ Nguyên nhân :

- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy.
- Ống thủy bị tắc sau khi thông rửa.

c/ Cách xử lý :

Tiến hành thông rửa ống thủy, sau khi thông, mức nước trong ống thủy phải dao động. Căn cứ vào mức nước này, ta biết nồi hơi đang trong tình trạng nào để xử lý tiếp, theo từng trường hợp cụ thể .

d/ Đặc biệt chú ý :

- Mỗi ca vận hành cần thông rửa ống thủy đầu ca và giữa ca như quy định trong quy trình vận hành.
- Mức nước ảo trong ống thủy nếu không được phát hiện kịp thời sẽ dẫn đến các sự cố đầy nước quá mức hoặc cạn nước nghiêm trọng, nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến hậu quả phá vỡ nồi hơi.

(4). Áp suất tăng quá mức cho phép:

a/ Hiện tượng:

Van an toàn tác động liên tục, đồng hồ áp lực chỉ trị số cao hơn áp suất làm việc bình thường.

b/ Nguyên nhân:

- Nơi tiêu thụ hơi ngừng việc lấy hơi mà không báo cho bên cung cấp biết.
- Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động không hết công suất do kẹt.
- Cường độ đốt tăng quá mức bình thường.
- Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.

c/ Cách xử lý :

- Giảm cường độ đốt hoặc ngưng ngay quá trình đốt.
- Mở van xả khí hoặc mở cưỡng chế van an toàn (kéo van an toàn bằng tay)
- Xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.

(5). Phòng, nổ ống lửa của phần trao đổi nhiệt (ống lửa, ống nước, ống sinh hơi, ống lò v.v.):

a/ Hiện tượng :

Nhìn qua cửa kiểm tra vào buồng đốt thấy bộ phận của diện tích tiếp nhiệt bị phồng. Hoặc nghe thấy tiếng nổ ống sinh hơi (ống lò, ống lửa) bên trong lò hơi, hơi nước thoát ra ống khói, áp suất tụt nhanh.

b/ Nguyên nhân :

- Trong các đợt định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, không làm vệ sinh sạch cặn cặn, bẩn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng.
- Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước.
- Chất lượng nước cấp không bảo đảm.
- Nồi hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng.

c/ Cách xử lý :

- Tiến hành thao tác ngừng lò sự cố bằng cách tắt béc đốt (đầu đốt lò hơi).
- Khi nồi hơi có chỗ phồng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn.
- Để nguội lò hơi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phồng.

(6). Nổ vỡ ống thủy tinh

a/ Hiện tượng :

Nghe tiếng nổ vỡ ống thủy tinh, nước và hơi bốc ra mù mịt .

b/ Nguyên nhân :

- Lắp ống thủy tinh đồng tâm nên ống thủy tinh bị nứt tế vi.
- Do nước lạnh bắn vào hoặc do vật cứng va vào.

c/ Cách xử lý :

- Đóng các đường hơi và đường nước để thay ống thủy tinh mới.
- Không có ống thủy tinh dự trữ thì ngừng hoạt động của nồi hơi.

(7). Áp kế bị hỏng hoặc không chính xác :

a/ Hiện tượng :

- Mặt kính bị vỡ.
- Khi kiểm tra áp kế, lúc ngắt kim không trở về vị trí số 0 mà lệch với vị trí “0” trị số lớn hơn $\frac{1}{2}$ trị số cho phép.
- Hơi và nước tràn đầy mặt kính.

b/ Nguyên nhân :

- Không kiểm định đồng hồ theo quy định.
- Do tác dụng của ngoại lực.

c/ Cách xử lý :

- Trong trường hợp mặt kính vỡ, nhưng áp kế vẫn hoạt động tốt cho phép làm việc đến hết ca.
- Các trường hợp khác phải thay áp kế mới.

(8). Van an toàn hỏng

a/ Hiện tượng :

- Đóng không kín khi áp suất chưa cao quá mức cho phép.
- Vượt quá áp suất cho phép mà vẫn không làm việc.

b/ Nguyên nhân :

- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh.
- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí.

c/ Cách xử lý :

- Phải ngừng hoạt động của lò để thay thế hoặc sửa chữa xong.
- Trường hợp van an toàn không đóng kín và lượng hơi thoát ra không nhiều, cho phép vận hành đến hết ca, sau đó ngừng lò để sửa chữa. Trường hợp sụt lờ nhiều phải ngừng ngay lại, chờ nguội và sửa chữa kịp thời.

(9). Sụt lờ tường lò hộp lửa, hộp khói

Nếu sụt cục bộ có thể vận hành hết ca sau đó ngừng lò sửa chữa. Trường hợp sụt lờ nhiều phải ngừng lò ngay lại, chờ lò nguội và sửa chữa kịp thời.

(10). Cường độ đốt giảm

a/ Nguyên nhân :

- Thiếu gió cung cấp cho sự cháy.

- Nghẹt đường thoát khói.

b/ Cách xử lý :

- Cấp thêm không khí cho buồng đốt.
- Tăng lưu lượng hút khói.
- Điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

(11). Lỗi lửa ngẩn, có hiện tượng quạt trở lại (dội lửa)

a/ Nguyên nhân :

- Lượng hút không đảm bảo hoặc quạt hút khói không hoạt động.
- Hệ thống đường ống hút bị tắc.

b/ Cách xử lý :

- Điều chỉnh lưu lượng hút cho phù hợp.
- Làm vệ sinh nếu đường hút, thổi gió bị tắc.

(12). Nhiệt độ nước cấp cao (nếu có bộ hâm nước).

a/ Nguyên nhân :

- Do sử dụng nước thu hồi to = 70°C + 80°C, nên khi đưa qua bộ phận hâm, nước có thể nóng quá mức cho phép.
- Trong thời gian dài không cấp thêm nước cho nồi hơi.

b/ Cách xử lý :

- Điều chỉnh lưu lượng không khí nóng qua bộ hâm bằng cách mở to đường thoát khói trực tiếp.
- Cho nước trong bộ hâm hồi lưu trở lại bồn chứa trung gian.

(13). Đường thoát khói nghẹt:

- Vệ sinh định kỳ đường dẫn khói, ống lửa, buồng lửa, buồng khói, đường thoát khói.
- Trong trường hợp bị tắc nghẹt, phải ngừng lò và làm vệ sinh.

6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

So với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Dự án (Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 03/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh cấp) thì dự án có một số nội dung thay đổi như sau:

Theo nội dung ĐTM	Theo nội dung mới
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 3700416305, đăng ký lần ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 05 năm 2020, cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất mốp phục vụ ngành mộc, thủy sản và điện tử.	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 3700416305, đăng ký lần ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 10 năm 2023, cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất mốp xốp phục vụ ngành mộc, thủy sản và điện tử, cơ khí, xây dựng, hàng không, điện máy, ô tô, gia dụng, nông sản, gốm sứ, đóng gói hàng hóa xuất khẩu.

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Trong giai đoạn hoạt động dự án, nguồn phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và nước thải từ quá trình sản xuất của Nhà máy.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép cho cơ sở là 50 m³/ngày.đêm.

1.3. Dòng nước thải:

01 (một) dòng nước thải sau xử lý đạt cột A theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40/2011/BTNMT được xả ra môi trường tiếp nhận là suối Con – suối Cái – Sông Đồng Nai.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Màu, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng nitơ, Amoni (tính theo N), Tổng photpho (tính theo P), Coliform.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A).

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: ĐT 746, Khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ xả thải: X = 1.217.876 Y = 687.486 (Hệ tọa độ VN2000)
- Phương thức xả thải: tự chảy.
- Chế độ xả liên tục 24 h/ngày.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Con – suối Cái – Sông Đồng Nai.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

Trong giai đoạn hoạt động dự án, nguồn phát sinh khí thải tại nhà máy gồm:

- Nguồn số 01: Ống khói thải lò hơi số 1.
- Nguồn số 02: Ống khói thải lò hơi số 2.
- Nguồn số 03: Ống khói thải lò hơi số 3.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng khí thải của lò hơi số 1 đốt mặc cưa là $17.700 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng khí thải của lò hơi số 2 đốt mặc cưa là $15.400 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng khí thải của lò hơi số 1 đốt than đá là $18.600 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3. Dòng nước thải:

03 (ba) dòng khí thải từ quá trình hoạt động của lò hơi đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Các chất ô nhiễm chủ dự án đề nghị cấp phép bụi, CO, NO_x, SO₂, lưu lượng khí thải. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải là QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải:

- Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000):
 - + Nguồn thải số 01: X = 1.217.527, Y = 685.242;
 - + Nguồn thải số 02: X = 1.217.528, Y = 685.243;
 - + Nguồn thải số 03: X = 1.217.476, Y = 685.264;
- Phương thức xả nước thải: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức quạt hút cưỡng bức.
- Vị trí xả khí thải: ra môi trường xung quanh.
- Nguồn tiếp nhận khí thải: môi trường xung quanh khu vực Dự án.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Trong giai đoạn hoạt động dự án nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động của các xe vận tải, máy móc, thiết bị tại khu vực dự án, hoạt động của máy móc thiết bị,....
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000):
 - + Nguồn số 01 (Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng): Tọa độ X = 1.217.535 Y = 685.250.
 - + Nguồn số 02 (Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí khu vực HTXLNT):

Tọa độ X = 1.217.481 Y = 685.270.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể như sau:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 của Cơ sở

a. Thời gian quan trắc:

- Đợt 1: 29/03/2022
- Đợt 2: 27/06/2022
- Đợt 3: 29/09/2022
- Đợt 4: 20/12/2022

b. Tần suất quan trắc: 04 lần/năm

c. Vị trí, chỉ tiêu quan trắc, số lượng mẫu và quy chuẩn so sánh

- Vị trí quan trắc:
 - + Vị trí 1(NT1): Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Chỉ tiêu quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, Coliform.
- Vị trí 2 (NT1): Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Chỉ tiêu quan trắc: pH, BOD₅, TSS, COD.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=0,9; Kf=1,2.
- Số lượng mẫu quan trắc: 02 mẫu/Đợt.

d. Kết quả quan trắc

Kết quả quan trắc môi trường nước thải tại hố ga thoát nước cuối cùng trước khi thoát ra liên vùng và nước thải sau hệ thống xử lý thể hiện trong Bảng 5.1 và Bảng 5.1.

Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt và sản xuất Nhà máy năm 2022

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ										QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột B, Kq=0,9; Kf=1,2
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4				
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2			
1	pH	-	6,28	6,25	6,24	6,25	6,33	6,31	6,32	6,35	5,5 – 9		
2	TSS	mg/L	42	47	35	34	44	39	35	32		90	
3	BOD ₅	mgO ₂ /L	28	24	26	26	29	25	24	22			45
4	COD	mgO ₂ /L	-	61	-	38	-	58	-	34		135	
5	Tổng Nito	mg/L	4,26	-	1,56	-	4,23	-	1,62	-			36
6	Tổng Photpho	mg/L	1,08	1,01	1,04	1,02	1,06	1,03	1,00	0,85	5,4		
7	Amoni	mg/L	3,44	-	3,02	-	3,27	-	3,45	-		9	
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	2700	-	2700	-	2400	-	-	-	5.000		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	-	1,08	-	1,23	-	2,02	-	1,02			

Nhận xét: Chất lượng môi trường nước thải sau xử lý của 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải

2.1. Kết quả quan trắc bụi và khí thải năm 2022 của Cơ sở

a. Thời gian quan trắc:

- Đợt 1: 29/03/2022
- Đợt 2: 27/06/2022
- Đợt 3: 29/09/2022
- Đợt 4: 20/12/2022

b. Tần suất quan trắc: 04 lần/năm

c. Vị trí, chỉ tiêu quan trắc, số lượng mẫu và quy chuẩn so sánh

- Vị trí quan trắc:
 - + Vị trí 1: Khí thải tại ống khói lò hơi 1 nhiên liệu đốt mặc cưa (KT1) và ống khói lò hơi 2 nhiên liệu đốt mặc cưa (KT2), ống khói lò hơi 3 nhiên liệu đốt than (KT3).
 - + Vị trí 2: Môi trường không khí tại khu vực bên ngoài cổng công ty.
 - + Vị trí 3: Môi trường không khí tại xưởng cắt nhỏ, xưởng thành hình và khu sấy.
- Chỉ tiêu quan trắc:
 - + Khí thải tại ống khói lò hơi: Lưu lượng, nhiệt độ khí thải, Bụi, NO_x, SO₂, CO.
 - + Môi trường không khí xung quanh tại khu vực cổng bảo vệ: Tiếng ồn, Bụi, SO₂, NO₂, CO.
 - + Môi trường không khí tại khu vực xưởng sản xuất: Tiếng ồn, Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B.
 - + QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
 - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp

xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (*thời lượng tiếp xúc với hóa chất 48 giờ làm việc/1 tuần làm việc 6 ngày*).

- + (*)QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- Số lượng mẫu quan trắc: 06 mẫu/Đợt.

d. Kết quả quan trắc

Kết quả quan trắc bụi và khí thải lò hơi thể hiện trong Bảng 5.2.

Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc bụi và khí thải lò hơi của Nhà máy năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ								QCVN 19:2009/ BTNMT
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			KT1	KT2	KT1	KT2	KT3	KT1	KT3	KT1	
1	Lưu lượng	m ³ /h	<20.000	<20.000	<20.000	<20.000	<20.000	<20.000	<20.000	<20.000	-
2	NO _x	mg/Nm ³	102	109	92	102	96	105	75	101	850
3	SO ₂	mg/Nm ³	125	127	107	116	87	123	108	114	500
4	CO	mg/Nm ³	561	553	524	538	326	551	228	516	1000
5	Bụi	mg/Nm ³	97	96	84	91	88	86	82	93	200

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh tại khu vực cổng bảo vệ, khu vực gần nhà xưởng, khu vực hầm biogas thể hiện trong Bảng 5.2.

Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc không khí của Nhà máy năm 2022

Vị trí	Thời điểm quan trắc	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	VOC (mg/m ³)
Khu vực cổng	Đợt 1	61-63	0,12	0,09	0,10	4,0	-
	Đợt 2	62-64	0,13	0,09	0,11	3,7	-
	Đợt 3	62-64	0,13	0,08	0,12	4,2	
	Đợt 4	61-63	0,11	0,08	0,10	3,5	
Khu vực xưởng chính – xưởng định hình	Đợt 1	60-62	0,20	0,10	0,09	3,2	-
	Đợt 2	63-65	0,19	0,10	0,14	3,2	-
	Đợt 3	60-62	0,22	0,11	0,08	3,4	
	Đợt 4	62-64	0,18	0,11	0,12	3,1	
Khu vực cắt hạt nhựa	Đợt 1	63-65	0,23	0,08	0,13	3,0	1,01
	Đợt 2	64-66	0,22	0,11	0,15	3,4	1,03
	Đợt 3	64-66	0,21	0,09	0,11	3,1	1,03
	Đợt 4	63-65	0,21	0,14	0,14	3,2	1,01
Khu vực sấy	Đợt 1	62-64	0,21	0,10	0,10	2,12	0,08
	Đợt 2	62-64	0,21	0,11	0,12	2,2	0,04
	Đợt 3	62-64	0,19	0,10	0,12	2,7	0,07
	Đợt 4	62-64	0,19	0,15	0,14	2,1	0,05
QCVN 26:2010/ BTNMT	-	70	-	-	-	-	-

Vị trí	Thời điểm quan trắc	Độ ồn (d4B)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	VOC (mg/m ³)
QCVN 06:2009/ BTNMT	-	-	-	-	-	-	200
QCVN 05:2013/ BTNMT	-	-	300	200	350	30.000	-

Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực giữa xưởng thể hiện trong Bảng 5.3

- Nồng độ các chất ô nhiễm tại ống khói lò hơi: Lưu lượng, Bụi, NO_x, SO₂, CO đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT Cột B.
- Nồng độ các chất ô nhiễm tại Khu vực cổng ra vào, Khu vực gần nhà xưởng: Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT; Bụi, NO₂, SO₂, CO đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT.
- Nồng độ các chất ô nhiễm tại Khu vực giữa xưởng: Tiếng ồn đạt QCVN 24:2016/BYT; Bụi, NO₂, SO₂, CO, đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Dự án đã được Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1995/QĐ-UBND ngày 03/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4751/GXN-STNMT ngày 28/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; Thông báo số 6071/STNMT-CCBVMT ngày 13/12/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương của về việc kết quả kiểm tra công trình xử lý khí thải để vận hành thử nghiệm; Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 25/GP-STNMT ngày 23/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp đến nay đã đi vào hoạt động - vận hành ổn định nên không thực hiện đánh giá thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a. Nước thải:

– Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý, 01 điểm nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý.

– Chỉ tiêu quan trắc: pH, BOD₅, TSS, COD, Amoni, Tổng Nito, Tổng Photpho, Coliform.

– Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT Cột B ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$).

– Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

b. Khí thải:

– Vị trí quan trắc: 03 điểm khí thải tại ống khói lò hơi 1,2,3; 01 điểm Không khí tại khu vực cổng, 3 điểm tại xưởng cắt, xưởng thành hình và khu vực sấy.

– Chỉ tiêu quan trắc:

+ Khí thải tại ống khói lò hơi: Lưu lượng, nhiệt độ khí thải, Bụi, NO_x, SO₂, CO.

+ Môi trường không khí xung quanh tại khu vực cổng bảo vệ, khu vực xưởng cắt, xưởng thành hình, xưởng sấy: Tiếng ồn, Bụi, SO₂, NO₂, CO.

– Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B.

- + QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (*thời lượng tiếp xúc với hóa chất 48 giờ làm việc/1 tuần làm việc 6 ngày*).
- + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

– Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

c. Chất thải rắn

- Giám sát chất thải sinh hoạt
 - + Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu.
 - + Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTR sinh hoạt.
 - + Tần suất giám sát: Hằng ngày.
 - + Quy định so sánh: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Giám sát chất thải công nghiệp:
 - + Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu.
 - + Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTR công nghiệp.
 - + Tần suất giám sát: Hằng ngày.
 - + Quy định so sánh: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Giám sát chất thải nguy hại:
 - + Thông số giám sát: Khối lượng, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu.
 - + Vị trí giám sát: tại khu vực lưu trữ CTNH.
 - + Tần suất giám sát: Hằng ngày.
 - + Quy chuẩn so sánh: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải và bụi, khí thải công nghiệp tự động liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Tổng hợp kinh phí dành cho công tác giám sát môi trường được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6.1: Tổng hợp kinh phí dành cho công tác giám sát môi trường

STT	Hạng mục	Số tiền (đồng/năm)
01	Giám sát không khí xung quanh	9.600.000
02	Giám sát khí thải tại nguồn	30.000.000
03	Giám sát chất lượng nước thải	16.000.000
04	Giám sát chất thải rắn	20.000.000
05	Khảo sát và lập báo cáo	10.000.000
	Tổng cộng	85.600.000

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2020 và năm 2021, Cơ sở không bị kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, không có vi phạm về bảo vệ môi trường.

Chương VIII **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam cam kết:

- Những nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực.
- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước và các quy định nhà nước về bảo vệ môi trường hiện hành.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra và vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo vận hành liên tục. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$) trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì và kiểm tra các máy móc thiết bị của Trạm xử lý nước thải.
- Không có hệ thống xả nước thải nào khác hệ thống xả nước thải đề nghị cấp phép. Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy và vệ sinh hệ thống thu gom và thoát nước.
- Có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời và có trách nhiệm trong việc giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
- Cam kết thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Hàng năm tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận theo quy định.
- Dừng ngay hoạt động xả thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan chức năng để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải hoặc một thông số ô nhiễm trong nước thải vượt quá quy định cho phép.

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (nếu có);
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường của cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Công Ty TNHH Jia Bao Việt Nam

ĐC: P. Tân Vinh Hiệp, TP. TU-BD

ĐT: 0274-3631112~116

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Tân Uyên, ngày 07 tháng 12 năm 2023



GIẤY ỦY QUYỀN

Kính Gửi : Sở Tài Nguyên Môi Trường Tỉnh Bình Dương.

1. Người ủy quyền:

- Tên công ty: Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)
- Địa chỉ: ĐT 746 P. Tân Vinh Hiệp, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Điện Thoại: 0274-3631112 ~116 Fax: 0274-3631117 ~ 118
- Đại Diện : Ông Tseng Min Hung Chức vụ : Tổng giám đốc

2. Người được ủy quyền:

3. Ho Meng Feng Số Hộ Chiếu : 310831043

- Chức vụ : P. Tổng giám đốc

4. Nội dung ủy quyền:

- Công ty chúng tôi có lập hồ sơ Xin Giấy Phép Môi Trường trình Sở Tài Nguyên Môi Trường Bình Dương thẩm định. Do tôi đi lại giữa Đài Loan và Việt Nam nhiều, cho nên ủy quyền lại cho Ông Ho Meng Feng thay tôi ký các hồ sơ có liên quan về việc Xin Giấy Phép Môi Trường.
- Xin chân thành cảm ơn!



TSENG MIN HUNG

Người được ủy quyền

Ho Meng Feng

HO MENG FENG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700416305

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 23 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JIABAO (VIETNAM) POLYFOAM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: JIABAO (VN) CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

ĐT746, Khu Phố Tân Hóa, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274-3631112-5

Fax: 02743.631117~118

Email: Nghiepvujiabao@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 13.941.618.850 đồng

Bằng chữ: Mười ba tỷ chín trăm bốn mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn tám trăm năm mươi đồng

tương đương 900.000 USD (chín trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: JIA BAO POLYFOAM CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 197348

Ngày cấp: 24/08/2017 Nơi cấp: Cơ quan đăng ký công ty doanh nghiệp quốc tế

Địa chỉ trụ sở chính: Số 24, Lesperance Complex, Providence Industrial Estate, Mahe, Seychelles

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TSENG, MIN-HUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/12/1960

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 131845608

Ngày cấp: 13/06/2001

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ thường trú: No 13, Lane 169, Chni Su Road, Taichung City, Taiwan, Trung Quốc

Số chứng thực: 033820233
Quỹ số: SCT/BS
Địa chỉ liên lạc: Đ7746, khu phố Tân Hóa, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CÔNG CHỨNG VIỆN VPCC TÂN UYÊN

TỈNH BÌNH DƯƠNG

K. TRƯỞNG PHÒNG



Lam Ngọc Thịnh



Huyệnh Quốc Tàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 461043000347

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 5 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: ngày 19 tháng 7 năm 2014

(Giấy phép đầu tư gốc số 175/GP-BD ngày 14 tháng 3 năm 2002)

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 nghiệp của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Xét bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư của CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM) nộp ngày 10 tháng 7 năm 2014;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận nhà đầu tư: JIA BAO POLYFOAM CO., LTD; Giấy phép thành lập số NBD/4764; cấp ngày 29 tháng 10 năm 2005; nơi cấp Trung tâm Tài chính Quốc tế Brunei; địa chỉ trụ sở chính phòng 51 lầu 5, Tòa nhà Britannia, Jalan Calor, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara, Brunei Darussalam;

Đại diện bởi: ông HUANG, CHIEN - MING; sinh ngày 01 tháng 9 năm 1952; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 132140299; cấp ngày 11 tháng 7 năm 2001; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú No 102 Zhong Shan Road, Hua Tan, Zhang Hua District, Taiwan; nơi ở hiện nay No 102 Zhong Shan Road, Hua Tan, Zhang Hua District, Taiwan;

Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung sau:

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và địa điểm thực hiện dự án do Nhà nước thay đổi tên gọi đơn vị hành chính.

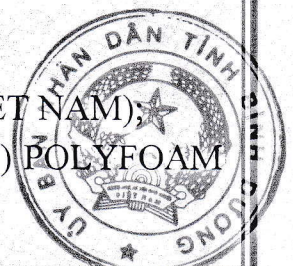
Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM);

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JIA BAO (VIETNAM) POLYFOAM LIMITED COMPANY;

- Tên viết tắt: JIA BAO (VN) CO., LTD;



Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.

3. Địa chỉ trụ sở chính: ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
01		Sản xuất mốp phục vụ ngành mộc, thủy sản và điện tử.

5. Vốn điều lệ: 900.000 (chín trăm ngàn) đô la Mỹ.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông TSENG, MIN - HUNG; sinh ngày 24 tháng 12 năm 1960; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 131845608; cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú No 13, Lan 196, Chni Su Road, Taichung City, Taiwan; nơi ở hiện nay ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; chức vụ Tổng giám đốc.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT MỐP CÁC LOẠI.

2. Địa điểm thực hiện dự án: ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất sử dụng: 44.837m².

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất mốp phục vụ ngành mộc, thủy sản và điện tử;

- Quy mô: Doanh thu 5.184.000 đô la Mỹ/năm.

4. Tổng vốn đầu tư: 2.000.000 (hai triệu) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 900.000 (chín trăm ngàn) đô la Mỹ;

Tiến độ góp vốn: đã góp đủ.

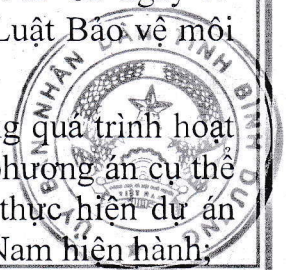
5. Thời hạn hoạt động của dự án 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2002.

6. Tiến độ thực hiện dự án: đã hoạt động ổn định từ tháng 3 năm 2002.

7. CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM) thực hiện các quy định đối với dự án như sau:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành;



c) Mức thuế thu nhập, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

d) Thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

e) Tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Điều 3:

Số chứng thực Quyển số SCT/BS
Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho doanh nghiệp và một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
Ngày 07/12/2023

**CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Bà Văn Ngời



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cung



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp
từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm
tại đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên
của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jia Bao Việt Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp tại đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam họp ngày 03 tháng 3 năm 2015 tại Hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm tại đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/BD ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 473/TTr-STNMT ngày 16 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm tại đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.1 Vị trí thực hiện: đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất mốp xốp;

1.3 Quy mô, công suất: 12.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số $K_q=0,9$; $K_f=1,2$ trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại;

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 03 tháng 01 lần; giám sát môi trường xung quanh, môi trường lao động với tần suất tối thiểu 06 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Công ty phải lắp đặt máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số: 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Các yêu cầu về chế độ thông tin, báo cáo

Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chủ dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định

số: 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- + Niêm yết thông tin về môi trường theo quy định.
- + Lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất theo quy định.
- + Thực hiện các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Thông báo bằng văn bản đến cơ quan chức năng về kế hoạch kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 10 ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với chủ dự án.

Điều 5. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, người đại diện pháp luật Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT, XD, CT;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Nh, Lg), Tiến, TH;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

Số: 4881/GXN-STNMT

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Địa chỉ văn phòng: ĐT 746, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Địa điểm hoạt động: ĐT 746, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3631113;

Fax: 0274.3631117.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000347. Ngày cấp: ngày 19 tháng 7 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1995/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đề nêu tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo các công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: /

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phòng TNMT tx Tân Uyên;
- Công ty TNHH Jia Bao VN;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số/GXN-STNMT ngày tháng năm 2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Đã xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

+ Công suất xử lý: 30 m³/ngày.

+ Quy trình xử lý: Nước thải → Hồ thu → Bể điều hòa → Bể hiếu khí dạng mẻ SBR → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Thải ra cống dẫn ra suối Con.

+ Chế độ vận hành: theo mẻ.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin.

- Đã xây dựng công trình xử lý nước thải sản xuất tập trung phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

+ Công suất xử lý: 20 m³/ngày.

+ Quy trình xử lý: Nước thải → Song chắn rác → Bể tách váng dầu → Bể gom → Bể hiếu khí dạng mẻ SBR → Bể trung gian 1 → Bể keo tụ → Bể trung gian 2 → Thiết bị lọc áp lực → Thải ra cống dẫn ra suối Con.

+ Chế độ vận hành: theo mẻ.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2)

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Đã xây dựng công trình xử lý khí thải lò hơi phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

+ Khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ (đốt bằng củi vụn) được thu gom và xử lý như sau: Khí thải → Tháp giải nhiệt → Tháp hấp thụ bằng nước → Ống thải cao 15m, đường kính 60 cm.

+ Khí thải 02 lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ (đốt bằng mặt cưa) được thu gom và xử lý qua 02 công trình xử lý riêng với quy trình như sau: Khí thải → Cyclon → Tháp hấp thụ bằng nước → Ống thải cao 18m, đường kính 80cm.

+ Khí thải 01 lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ (đốt bằng than đá) được thu gom và xử lý như sau: Khí thải → Bộ hâm nước (thu hồi bụi) → Thiết bị lọc bụi túi vải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải cao 18m, đường kính 80cm.

+ Chế độ vận hành: liên tục theo thời gian sản xuất của Công ty.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc



gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 0,8$).

So với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì Công ty không sử dụng lò hơi công suất 08 tấn hơi/giờ.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất: Công ty đã trang bị thùng nhựa dung tích 160 lít đặt trong khu vực chứa chất thải rắn với diện tích 03m²; đồng thời định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Công ty đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số 74.000004.T ngày 25 tháng 12 năm 2014.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH): đã bố trí khu vực chứa riêng cho từng loại và lưu giữ tại nhà chứa CTNH có diện tích 40 m². Nhà chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao quanh, có gờ chống tràn, có dán nhãn cảnh báo, tên và mã của từng loại chất thải nguy hại; đồng thời định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Công ty đã triển khai các biện pháp phòng cháy và chữa cháy và được Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy xác nhận nghiệm thu tại văn bản số 43/SCSPCCC-TU ngày 01 tháng 2 năm 2013 (đối với nhà xưởng 84m x 24m); văn bản số 280/SCSPCCC-TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 (đối với nhà đặt lò hơi); văn bản số 308/CSPC&CC-P2 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (đối với nhà xưởng 27m x 39,47m).

6. Công trình bảo vệ môi trường khác:

Công ty đã lắp đặt đường ống nhựa bằng PVC ϕ 90 để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng. Cống thoát nước mưa được thiết kế và xây dựng dạng mương hở quanh nhà xưởng về 02 hồ tự thấm trong khuôn viên Công ty.

7. Chương trình quan trắc môi trường:

7.1. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 04 Ống thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Thông số giám sát: Bụi, lưu lượng, CO, SO_x, NO_x.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 0,8$).

7.2. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thông số giám sát: pH, SS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Phosphat, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2).

7.3. Giám sát nước thải sản xuất.

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau công trình xử lý nước thải sản xuất.
- Thông số giám sát: pH, SS, BOD₅, COD.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2)

7.4 Giám sát môi trường không khí khu vực lao động

- Tại 03 điểm (xưởng cắt nhỏ, xưởng thành hình và khu sấy), các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, SO_x, NO_x, CO, VOC.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành kèm theo Quyết định số 3733:2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế.

8. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.





UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128/GP-STNMT

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 26 tháng 07 năm 2020 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 264/TTr-TNNKSKTTV ngày 19 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam); ngành nghề: sản xuất mốp xốp; địa chỉ: đường ĐT 746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng: sinh hoạt, sản xuất, tưới cây xanh;

2. Vị trí công trình khai thác nước: đường ĐT 746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

3. Tầng chứa nước: Pleistocen dưới;

4. Tổng số giếng khoan: 02 giếng;

5. Tổng lượng nước khai thác: 165 m³/ngày đêm;

6. Số ngày khai thác trong năm: 365 ngày;

7. Thời hạn khai thác: 05 năm, kể từ ngày ký;

8. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất là 20m tính từ miệng giếng;

9. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến		
G1	12.18.612	06.87.151	140	85	8,5	16	20	11,70	30,00
G2	12.18.595	06.87.243	140	80	8,0	16	20	11,80	30,00

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017, cụ thể như sau:

a. Thông số giám sát gồm:

- Lưu lượng khai thác;
- Mực nước trong giếng khai thác;
- Chất lượng nước.

b. Hình thức giám sát: thực hiện giám sát định kỳ.

c. Chế độ giám sát:

- Đối với lưu lượng và mực nước: không quá 12 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 20 giờ hàng ngày;

- Đối với chất lượng nước: hai (02) lần/năm. Một lần vào mùa mưa (tháng 9); một lần vào mùa khô (tháng 2), đồng thời phải thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích. Các Thông số quan trắc theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09-MT: 2015/BTNMT.

3. Thực hiện đúng quy định về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất như quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Giấy phép này. Trong phạm vi trên không được thực hiện các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

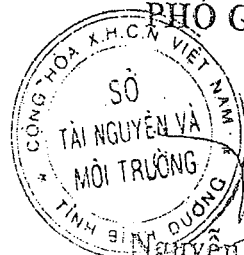
Điều 3. Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam);
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thúy

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: 2002/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 15 tháng 5 năm 2020

Liên đới với báo cáo kết quả vận hành
thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của
Công ty TNHH Jia Bao VN

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 01/CV ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam về việc kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm”. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

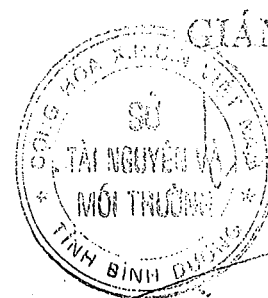
Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam đã lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải của dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp công suất từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm” và được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đủ điều kiện để vận hành thử nghiệm tại văn bản số 6071/STNMT-CCBVM ngày 13 tháng 12 năm 2019. Theo Kế hoạch thì thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải từ ngày 13 tháng 12 năm 2019 đến 13 tháng 04 năm 2020.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty đã phối hợp với Trung tâm Môi trường và Năng lượng để tiến hành lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải lò hơi, công suất 15 tấn hơi/giờ. Theo báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm thì công trình xử lý khí thải vận hành ổn định, các lần lấy mẫu phân tích đều đạt quy chuẩn môi trường. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án nêu trên và đề nghị Công ty lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án gửi về Sở để xem xét, kiểm tra theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam để biết và thực hiện.

Nơi nhận: *l*

- Như trên;
- Phòng TNMT Tx Tân Uyên;
- Lưu: VT, CCBVM, Mh.3



Ngô Quang Sự



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2019



Số 011 /STNMT-CCBVMT
thông báo kết quả kiểm tra công trình
xử lý khí thải để vận hành thử nghiệm

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra công trình xử lý khí thải để vận hành thử nghiệm đối với dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” của Đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

Công ty TNHH Jia Bao Việt đã lập báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mốp xốp từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác số 1954/GXN-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2018. Theo nội dung của giấy xác nhận, Công ty sử dụng 02 lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ (đốt mật cưa) và 01 lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ (đốt củi vụn). Hiện nay, để công suất sản xuất đạt 12.000 tấn sản phẩm/năm, Công ty bổ sung thêm 01 lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt than, công suất 15 tấn hơi/giờ. Khí thải phát sinh được thu gom và xử lý qua công trình xử lý riêng với quy trình như sau: Khí thải => Bộ hâm nước (kết hợp thu hồi bụi) => Thiết bị lọc bụi túi vải => Tháp hấp thụ bằng nước => Ống thải cao 18m, đường kính 80cm.

Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi định kỳ được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 20 m³/ngày, quy trình như sau: Nước thải => Song chắn rác => Bể tách váng dầu => Bể gom => Bể SBR => Bể trung gian 1 => Bể keo tụ => Bể trung gian 2 => Thiết bị lọc => Thải ra cống dẫn ra suối Con.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra cho thấy công trình xử lý khí thải lò hơi nêu trên đã đủ điều kiện vận hành thử nghiệm. Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty phải thực hiện đầy đủ các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, Công ty thực hiện những nội dung sau:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm;



- Phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc khí thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý khí thải. Việc quan trắc khí thải phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

- Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải của Công ty; tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm cả công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp sau:

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định;

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

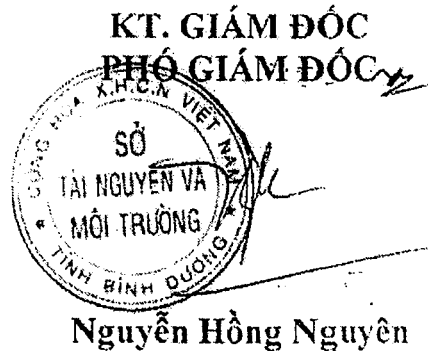
Ngoài ra, để đảm bảo tính khách quan, trong quá trình vận hành thử nghiệm Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiến hành kiểm tra và lấy mẫu đột xuất để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý khí thải của Công ty.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TNMT tx Tân Uyên;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh4.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên



Số: STNMT-CCBVMT

Bình Dương, ngày 1 tháng 8 năm 2016

Kiểm tra, xác nhận công trình xử lý
khí thải lò hơi của Công ty TNHH Jia Bao
Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận công trình xử lý khí thải lò hơi của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Công ty đã lắp đặt công trình xử lý khí thải lò hơi đốt dầu bảo với công suất 15 tấn hơi/giờ gồm các hạng mục cụ thể như sau: Khí thải => Cyclone => Tháp hấp thụ bằng nước => Ống thải cao 27m, đường kính 0,8m.

Theo kết quả thử nghiệm số TC 184 0816 ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Trung tâm Quan trắc-Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương, khí thải lò hơi đốt dầu bảo sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv=1,2).

Về mặt môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý cho Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam đưa công trình xử lý khí thải lò hơi đốt dầu bảo đã xây dựng và lắp đặt đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động sản xuất yêu cầu Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam phải:

- Luôn vận hành công trình xử lý khí thải lò hơi đốt dầu bảo theo đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ khí thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chức quan trắc, đo đạc, đánh giá hiện trạng môi trường các nguồn thải định kỳ và gửi báo cáo giám sát về Chi cục Bảo vệ môi trường theo đúng tần suất quy định.

- Duy trì nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

- Nhanh chóng lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho Dự án mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất mỗi xốp từ 4.800 tấn sản phẩm/năm lên 12.000 tấn sản phẩm/năm và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyen4.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

SỐ: 51/STNMT-CCBVMT

Bình Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2013

Kiểm tra, xác nhận công trình xử lý
khí thải của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam



Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận công trình xử lý khí thải của Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty đã đầu tư lắp đặt lò hơi công suất 15 tấn hơi/giờ đốt bằng mùn cưa, đảm bảo và công trình xử lý khí thải đi kèm. Công trình xử lý khí thải lò hơi bao gồm các hạng mục như sau: Khí thải => Cyclone => Tháp hấp thụ bằng nước => Thải ra môi trường qua ống khói đường kính 800 mm, cao 15m. Tại thời điểm kiểm tra ngày 19 tháng 12 năm 2013, khí thải lò hơi sau khi đi qua công trình xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường (QCVN 19:2009/BTNMT cột A với Kv=1,2). Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số TC 460 1213 ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

- Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đang xây dựng thêm nhà xưởng và lắp đặt thêm máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc nâng công suất sản xuất. Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án mở rộng, tăng công suất và đã thông qua hội đồng thẩm định vào ngày 26 tháng 7 năm 2012. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty vẫn chưa hoàn chỉnh báo cáo theo các ý kiến góp ý của hội đồng thẩm định. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty nhanh chóng hoàn chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án mở rộng, tăng công suất và nộp lại cho hội đồng thẩm định để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi đưa dự án mở rộng, nâng công suất đi vào hoạt động chính thức.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam để biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, CCBVMT, Huy

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh



SỐ QUẢN LÝ: STNMT-MT

Thu Đầu Một, ngày tháng năm 2008

Kiểm tra xác nhận việc xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Kính gửi : Công ty TNHH Jia Bao (VN)

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản của Công ty TNHH Jia Bao (VN) địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về việc xin nghiệm thu hệ thống xử lý sinh hoạt của Công ty. Sau khi kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và khu vực nhà ở chuyên gia, nhà ăn công suất $30m^3/ngày$ (số lượng công nhân viên Công ty hiện tại khoảng 300 người). Quy trình xử lý nước thải của công ty:

Nước thải sinh hoạt → Hồ bơm → Bể điều hòa → Bể hiếu khí dạng mẻ (SBR) → Bể trung gian → Bể lọc áp lực → Thiết bị khử trùng → Cống thoát nước mưa → Cống thoát nước của khu vực.

- Tại thời điểm kiểm tra ngày 29 tháng 07 năm 2008, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường theo TCVN 5945:2005 cột A, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,2$. (Kèm theo kết quả thử nghiệm số Q12078 ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

2. Về mặt môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý cho Công ty đưa hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đi vào hoạt động. Đồng thời, yêu cầu công ty trong quá trình sản xuất phải:

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Định kỳ hàng quý lập báo cáo giám sát môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát và thực hiện kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đúng thời hạn.

3. Đối với nước thải sản xuất: Công ty phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ quá trình xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường. Thời gian thực hiện yêu cầu là 03 tháng kể từ ngày ký biên bản, Công ty phải thực hiện xong và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra xác nhận xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Jia Bao (VN) chuyển đến Công ty để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, MT.

Nháy 3: D:\Hoang Minh

ty

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hand
Võ Thị Ngọc Hạnh



/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày tháng năm 2011

Kiểm tra nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải,
khí thải của Công ty TNHH Jiabao Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Jiabao Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản của Công ty TNHH Jiabao Việt Nam về việc đề nghị kiểm tra nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải và khí thải cho Công ty sau khi đã xây dựng và lắp đặt. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trả lời như sau:

1. Về nước thải:

Công ty TNHH Jiabao Việt Nam đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất có công suất xử lý 20 m³/ngày. Hệ thống xử lý gồm các công trình cụ thể như sau:

Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể tách dầu → Bể xử lý sinh học từng mẻ (SBR) → Bể chứa trung gian → Bể phản ứng keo tụ → Bể trung gian → Lọc áp lực → Khử trùng → Thải ra suối Ông Đá.

Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra ngày 06 tháng 04 năm 2011, nước thải sau hệ thống xử lý chưa đạt quy chuẩn ra môi trường, cụ thể: hàm lượng chất rắn lơ lửng (SS) vượt quy chuẩn 1,6 lần (theo Quy chuẩn QCVN 24 : 2009/BTNMT cột A). Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số: Q 261 511 ngày 10 tháng 05 năm 2011 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

2. Về khí thải:

Công ty đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 02 lò hơi, gồm: 01 lò hơi công suất 08 tấn hơi/giờ và 01 lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu củi theo đúng nguyên lý đã nêu trong Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt. Hệ thống xử lý bao gồm các công trình cụ thể như sau:

- Khí thải lò hơi công suất 08 tấn hơi/giờ → Tháp giải nhiệt → Thiết bị hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Thải ra môi trường qua ống khói cao khoảng 25 m, đường kính 1000 mm (chung với ống khói của lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ).

- Khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ → Tháp giải nhiệt → Tháp hấp thụ hai bậc bằng dung dịch NaOH → Thải ra môi trường qua ống khói cao khoảng 25 m, đường kính 1000 mm.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 06 tháng 04 năm 2011, khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường, theo quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột A với hệ số K_p= 0,9; K_v= 1,2. Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số: Q 262 511 ngày 10 tháng 05 năm 2011 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Sở Tài nguyên và Môi trường đồng ý cho Công ty TNHH Jiabao Việt Nam đưa hệ thống xử lý khí thải lò hơi vào vận hành chính thức. Đồng thời, yêu cầu Công ty TNHH Jiabao Việt Nam trong quá trình hoạt động phải:

- Luôn vận hành hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường;

- Xem xét lại chế độ vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường. Thời gian thực hiện yêu cầu này là 01 tháng kể từ ngày ký văn bản này.

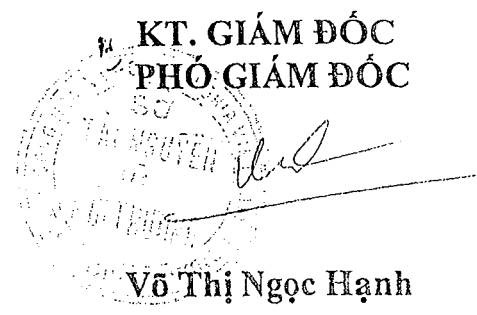
Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải và khí thải của Công ty TNHH Jiabao Việt Nam chuyển đến Công ty để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

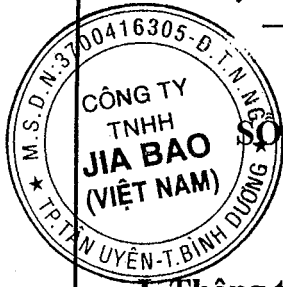
- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mua4.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thị Ngọc Hạnh



Bình Dương, ngày 15 tháng 12 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.000004.T

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3631112-116

Fax: 0650.3631117-118

Email: cuongjiabao@yahoo.com.vn

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000347.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 3): ngày 19 tháng 7 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

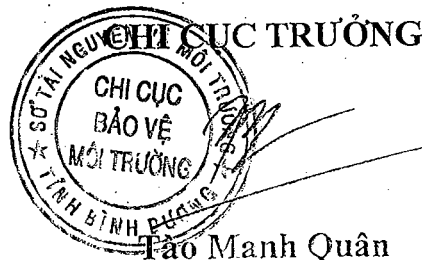
1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

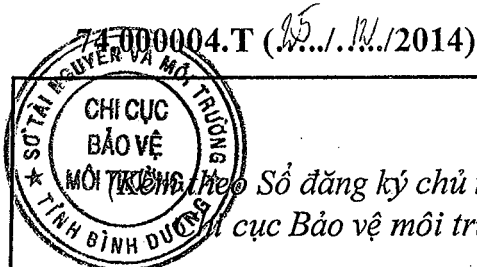
IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH : 74.000004.T cấp lần 1 ngày 29 tháng 6 năm 2007.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam);
- Lưu: VT, Thành 3.



**PHỤ LỤC**

Hệ thống hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.0000004.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 15 tháng 11 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH :

Tên: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

Địa chỉ: ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3631112-116

Fax: 0650.3631117-118

Email: cuongjiabao@yahoo.com.vn

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000347.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 3): ngày 19 tháng 7 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	60	17 06 01	-
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tăng
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	360	18 02 01	Tăng
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	16 01 06	Tăng
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	01	19 06 01	Bổ sung
6	Hộp mực in thải	Rắn	0,5	08 02 04	Bổ sung
7	Bao bì đựng dầu nhớt thải bằng nhựa	Rắn	10	18 01 03	Bổ sung
Tổng số lượng:			1.061,5 kg		



Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	1.200
2	Bao bì, nylon, giấy	Rắn	1.200
3	Mốp xốp vụn	Rắn	600
4	Sắt vụn	Rắn	2.400
5	Tro củi	Rắn	12.000
Tổng số lượng :			17.400 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký :

Bộ hồ sơ đăng ký “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.000004.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 25 tháng 12 năm 2014” được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 23 tháng 02 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 37 /TTr-TNNKSKTTV ngày 22 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam); ngành nghề: sản xuất mốp xốp; địa chỉ: khu phố Hóa Nhứt, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Con – suối Cái – sông Đồng Nai;
2. Vị trí xả nước thải:
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X=12.17.876; Y=06.87.486
 - Địa chỉ: phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;
4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m³/ngày đêm;
6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q= 0,9; K_f=1,2 đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;
7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam):

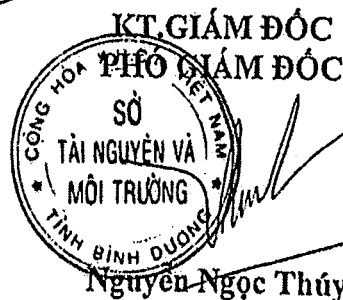
1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:
 - Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;
 - Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
 - Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
 - Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.
3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.
6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;
7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam);
- Chỉ cục BVMT;
- Lưu: VT. *[Chữ ký]*



Nguyễn Ngọc Thúy

**TRƯỜNG KIỂM ĐỊNH KTAT KHU VỰC II**

Bình Dương, ngày tháng 9 năm 201

BÁO CHẾP TÀI HIỆN TRƯỜNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN *
NỒI HƠI, NỒI ĐUN NƯỚC NÓNG
 Số:G /01/BDU/KĐ2-016

1. Thông tin chung:

Tên thiết bị: Nồi hơi

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: **CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)**Của (ghi rõ tên cơ sở): **CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)**

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): DT746, Hóa Nhứt, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: DT746, Hóa Nhứt, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. *Huỳnh Sĩ H Y* Chức vụ: **CHÁM ĐỐC**
 2. *Đ. Văn Cường* Chức vụ: *Đ. Văn Cường*

2. Thông số kỹ thuật:

- Loại, mã hiệu: HEW-150C-S
- Số chế tạo: 15005-W12(BW42420)
- Năm chế tạo: 6/2012
- Nhà chế tạo: TAIJUNE ENTERPRISE CO., LTD-Taiwan
- Nước chế tạo:
- Công suất: 13,5 tấn/giờ
- Nhiên liệu sử dụng: Than đá
- Áp suất thiết kế: 10 bar
- Áp suất làm việc: 8 bar
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 183 °C
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt: °C
- Công dụng: Cung cấp hơi nước bão hòa phục vụ sản xuất
- Ngày kiểm định lần trước: Do: thực hiện
- Ngày thử bền gần nhất: Do: thực hiện

3. Hình thức kiểm định:**4. Các phương tiện, thiết bị sử dụng phục vụ kiểm định:**

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế Win 2,5Mpa	25 bar	TSG-DC-C-6	10101.2019/KĐ2	31/3/2020
2					
3					

5. Nội dung kiểm tra:**5.1. Hồ sơ kỹ thuật:**

TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt	Không đánh giá	TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Hồ sơ xuất xưởng	☒	☐	☐	9	Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ	☐	☐	☒
2	Lý lịch nồi hơi	☒	☐	☐	10	Biên bản kiểm định	☐	☐	☒

						lần trước			
3	Bản vẽ cấu tạo	☒	☐	☐	11	Giấy chứng nhận kiểm định lần trước	☐	☐	☒
4	Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng vật liệu chế tạo, vật liệu hàn	☒	☐	☐	12	Nhật ký vận hành	☐	☐	☒
5	Hồ sơ, biên bản nghiệm thu lắp đặt	☐	☐	☒	13	Sổ theo dõi sửa chữa và bảo dưỡng	☐	☐	☒
6	Các biên bản kiểm tra mối hàn	☒	☐	☐	14	Hồ sơ thiết kế sửa chữa;	☐	☐	☒
7	Giấy chứng nhận kiểm định đo lường	☒	☐	☐	15	Biên bản nghiệm thu sau sửa chữa	☐	☐	☒
8	Biên bản kiểm tra tiếp địa, chống sét	☐	☐	☒	16	Biên bản thanh tra, kiểm tra	☐	☐	☒

Mô tả các điểm không đạt:

5.2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
Khoảng cách ,vị trí lắp đặt	☒	☐	☐
Chiều sáng vận hành	☒	☐	☐
Thông gió	☒	☐	☐
Cầu thang, sàn thao tác	☒	☐	☐
Bảo ôn	☒	☐	☐
Hệ thống chống sét	☒	☐	☐
Các thiết bị phụ trợ	☒	☐	☐
Van an toàn	☒	☐	☐
Áp kế	☒	☐	☐
Đo mức	☒	☐	☐
Các thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn và tự động khác	☒	☐	☐
Tình trạng kim loại các bộ phận chịu áp lực	☒	☐	☐
Tình trạng mối hàn	☒	☐	☐
Hệ thống xử lý và cấp nước	☒	☐	☐
Quạt gió, quạt khói	☒	☐	☐
Hệ thống cấp nhiên liệu	☒	☐	☐
Hệ thống thải xỉ	☒	☐	☐

Mô tả các điểm không đạt:

5.3. Các thiết bị đo lường, an toàn và bảo vệ:

TT	Tên thiết bị	Ghi nhận kết quả			
1	Van an toàn	Kiểu loại: Lò xo	Kích cỡ:	Số lượng:	
2	Áp kế	Thang đo	Cấp CX	Số tem kiểm định	Hạn kiểm định
		0-10KG/CM2	2,5	18A 06977	05/2020
3	Đo mức	Kiểu loại: Ống thủy	Số lượng:		

4	Các thiết bị khác	
---	-------------------	--

Mô tả các điểm không đạt:

6. Thử nghiệm:

6.1. Thử bền:

- Không thực hiện ☐ ; - Chấp nhận kết quả của đơn vị khác ☐: Biên bản thử nghiệm số , ngày
đính kèm ; Có thực hiện ☐

Áp suất thử		Môi chất thử	Thời gian duy trì áp suất thử (phút)	Mô tả các vết nứt, biến dạng, rò rỉ mối nối, suy giảm áp suất phát hiện được
Tính toán	Thực tế			

6.2. Thử vận hành: Áp suất thử: bar ; Thời gian thử: phút

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	Không đánh giá	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Tình trạng làm việc của nồi	☒	☐	☐	3.1	Van an toàn	☒	☐	☐
2	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ:				3.2	Rơ le áp suất	☒	☐	☐
2.1	Bơm cấp nước, Hệ thống xử lý nước	☒	☐	☐	4	Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm:			
2.2	Quạt hút, quạt đẩy	☒	☐	☐	4.1	Áp kế	☒	☐	☐
2.3	Bộ hâm nước, bộ quá nhiệt, bộ sấy không khí	☐	☐	☒	4.2	Đo mức	☒	☐	☐
2.4	Thiết bị cấp liệu và thải xỉ	☒	☐	☐	4.3	Đo nhiệt độ	☐	☐	☒
2.5	Đường khói và ống khói	☒	☐	☐	5	Tình trạng làm việc của thiết bị tự động	☒	☐	☐
3	Tình trạng làm việc của thiết bị an toàn:				6	Tình trạng làm việc của các van (cấp nước, xả đáy)	☒	☐	☐

Mô tả các điểm không đạt:

7. Áp suất của van an toàn: Cân chỉnh ☒ ; Không cân chỉnh ☐ (Ghi rõ số GCN, ngày cấp trong bảng)

Vị trí	Áp suất mở	Áp suất đóng	Số GCN, ngày cấp
Van hơi bão hòa	bar	bar	
Van hơi quá nhiệt			

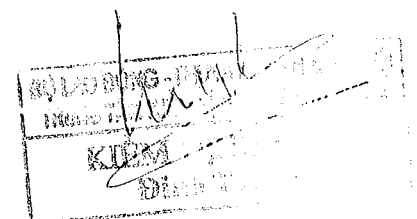
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)



KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Cầu thang, sàn thao tác	☒	☐	☐
Chiếu sáng vận hành	☒	☐	☐
Hệ thống chống sét	☒	☐	☐
Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu lực	☒	☐	☐
Tình trạng mối hàn	☒	☐	☐
Tình trạng cấu kiện	☒	☐	☐
Hệ thống cấp nước	☒	☐	☐
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐	☐
Van an toàn	☒	☐	☐
Áp kế	☒	☐	☐
Đo mức	☒	☐	☐
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	☒	☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Tên phép thử	Áp suất thử	Thời gian thử	Không thực hiện
Thử bền			☐
Thử vận hành			☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi (hoặc nồi đun nước nóng) được kiểm định có kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: G, Tại vị trí: Tủ điện điều khiển

3. Áp suất làm việc: bar

4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: °C; Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: °C

5. Áp suất của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở	Áp suất đóng
Van hơi bão hòa		
Van hơi quá nhiệt		

6. Các kiến nghị:

Thời hạn thực hiện kiến nghị:

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày tháng 9 năm 2021

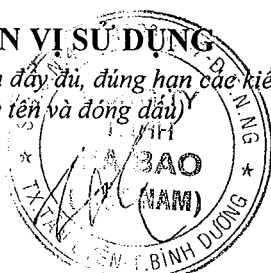
Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 9 năm 2019. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(Ký tên và đóng dấu)



Quản lý kỹ thuật

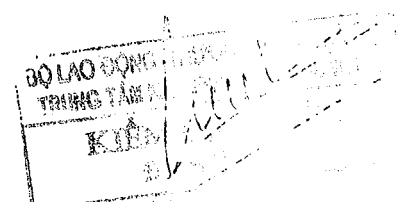
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên).

Trần Cường

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)





BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM HỢP QUY CHUẨN
CERTIFICATE OF CONFORMITY**

Số (No.): 48871.2019/KĐ2

Chứng nhận sản phẩm (This is to certify that):

NỒI HƠI DẠNG ỒNG NƯỚC

- Mã hiệu: HEW-150C-S
- Số chế tạo: 15005-W12
- Năm chế tạo: 6/2012
- Nhà chế tạo: TAIJUNE BOILER-TAIWAN
- Đặc tính kỹ thuật
 - + Áp suất thiết kế: 1 Mpa
 - + Công suất: 15 tấn/giờ
- Hợp đồng nhập khẩu số: 201902001
- Hóa đơn số: 2019102001

Đơn vị yêu cầu chứng nhận (Required by):

CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ (Address):

DT 746 Ấp Hóa Nhựt, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên
Tỉnh Bình Dương

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật (Conforms to):

QCVN: 01-2008/BLĐTBXH

Phương thức đánh giá (Certification System):

PHƯƠNG THỨC 8



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2019



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Hồng Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35599 /TB-SLĐTBXH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
01	Nồi hơi ống nước HEW-150C-S	Áp suất thiết kế 1Mpa; Công suất 15 tấn/giờ	Taiwan	01	Bộ	

- Cửa khẩu nhập: Cảng Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian nhập khẩu: Tháng 3 năm 2019.
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
 - + Hợp đồng số: 201902001 ngày 02/02/2019.
 - + Danh mục hàng hóa số: Theo hóa đơn số 201902001 ngày 02/02/2019.
 - + Hóa đơn số: 201902001 ngày 02/02/2019.
 - + Vận đơn số: GTD0434613 ngày 25/02/2019.
 - + Tờ khai hàng nhập khẩu số: 102529722043 ngày 13/3/2019.
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): /.
 - + Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS: /.
- Người nhập khẩu: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).
- Giấy đăng ký kiểm tra số: 91 - 19 ngày 20/3/2019.
- Căn cứ kiểm tra:
 - + Tiêu chuẩn công bố áp dụng: /.
 - + Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01:2008/BLĐTBXH.
 - + Quy định khác: /.
- Giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy chuẩn số 48871.2019/KĐ2 do Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực II – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại thành phố Hồ Chí Minh.

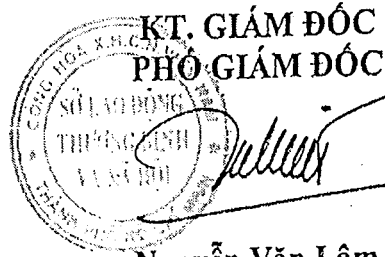
(Handwritten signature)

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Hồ sơ đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Jia Bao (Việt Nam);
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, VLATLĐ (Tú).



Nguyễn Văn Lâm



2022898304

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - SỐ ĐKCN: 01/GCN-KĐ



I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM

Địa chỉ: DT746 Hóa Nhứt, P.Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, T.Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Đường ống dẫn hơi nước

Mã hiệu: ĐOHN

Số chế tạo: //

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Việt Nam

Năm chế tạo: 2016

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- | | |
|--------------------------------------|----------------------|
| - Chiều dài ống có ĐK ≤ 150 mm: | 362 m |
| - Ký hiệu hệ thống đường ống: | ĐOHN |
| - Đường kính ống: | Ø90; Ø130 mm |
| - Áp suất thiết kế: | 10 bar |
| - Áp suất làm việc: | 7 bar |
| - Nhiệt độ thiết kế: | 183 °C |
| - Nhiệt độ làm việc: | 169 °C |
| - Công dụng: | Dẫn hơi nước bảo hòa |

Địa điểm lắp đặt: DT746 Hóa Nhứt, P.Tân Vĩnh Hiệp, TX.Tân Uyên, T.Bình Dương

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số G92144/KĐ2 ngày 26-09-2022 (*)

Tem kiểm định số: G92144

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 08-11-2024

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Serial: 01-2201039683

Chứng thư này thay thế cho chứng thư số: 49765.2022/KĐ2

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng 11 năm 2022

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN HƠI NƯỚC, NƯỚC NÓNG**
Số:



Chúng tôi gồm:

1. Đinh Tường

Số hiệu kiểm định viên: 547/KĐV-LĐTBXH

2.

Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn Khu vực II – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: **01/GCN-KĐ**

Đã tiến hành kiểm định: **ĐƯỜNG ỐNG DẪN HƠI NƯỚC**

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**

Địa chỉ (trụ sở chính): DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Quy trình kiểm định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: **QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH.**

Thời gian kiểm định: /11/2022

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1.

Chức vụ:

2.

Đinh Tường

Chức vụ: *QL - HC*

I – THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG

- Loại, mã hiệu:	ĐOHN	
- Năm chế tạo (lắp đặt):	2016	
- Nhà chế tạo (lắp đặt):	Việt Nam	
- Nước chế tạo (lắp đặt):		
- Tổng chiều dài:	362m	
+ Chiều dài ống có ĐK đến 150 mm:	362m	
+ Chiều dài ống có ĐK lớn hơn 150 mm:	//m	
- Ký hiệu hệ thống đường ống:		
- Đường kính ống:	φ 130/φ 90mm	
- Áp suất thiết kế:	10bar	
- Áp suất làm việc:	7bar	
- Nhiệt độ thiết kế:	183°C	
- Nhiệt độ làm việc:	169°C	
- Công dụng: Dẫn hơi nước bão hòa		
- Ngày kiểm định gần nhất:	8/11/2020	Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện
- Ngày thử bền gần nhất:	8/11/2020	Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện

II – HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:

Lần đầu ☐; Định kỳ ☒; Bất thường ☐ (Lý do kiểm định bất thường:)

III – NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1- Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 7.2 của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

M01-QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH/KĐ2 - BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

Hồ sơ kỹ thuật thiết bị khi kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ - mục 7.2.2			
1	Lý lịch hệ thống đường ống	☒	☐
2	Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	☒	☐
3	Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng	☒	☐
4	Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có)	☒	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Mã nhận dạng các thiết bị đo kiểm :

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	16 BAR	TSG-C-DC-411	19273.2022/KĐ2	14/4/2023
2	Bơm, máy nén khí..				

3. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong: (Theo mục 8.1, 8.2 của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Thông số kỹ thuật trên nhãn mác của hệ thống và các chi tiết so với thiết kế và lý lịch	☒	☐	☐
2	Vị trí lắp đặt, khoảng cách an toàn	☒	☐	☐
3	Dây, giá treo đỡ	☒	☐	☐
4	Hố xả	☒	☐	☐
5	Cầu thang, lan can, sàn thao tác	☒	☐	☐
6	Chiều sáng vận hành	☒	☐	☐
7	Hệ thống chống sét, tiếp đất an toàn điện (nếu có)	☒	☐	☐
8	Tình trạng kim loại ống	☒	☐	☐
9	Mức độ rỉ sét	☒	☐	☐
10	Tình trạng lớp sơn, bảo ôn	☒	☐	☐
11	Các loại van, chi tiết nối ống, bộ phận bù trừ giãn nở	☒	☐	☐
12	Tình trạng bề mặt mối hàn, mối nối	☒	☐	☐
13	Tình trạng căn bản, han gỉ, ăn mòn thành kim loại bên trong	☒	☐	☐
14	Các thiết bị đo lường, an toàn, bảo vệ tự động và phụ trợ	☒	☐	☐
	Van an toàn:			
	- Kiểu loại: Lò xo			
	- Kích cỡ: 49 mmm			
	- Số lượng: 01			
	Áp kế:			
	- Thang đo: Kg/Cm2			
	- Cấp CX: 2,5			
	- Số tem kiểm định:			
	- Hạn kiểm định:			
15	Các thiết bị phụ trợ khác	☒	☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

4. Thử nghiệm: (Theo mục 8.3 của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

Tên phép thử	Môi chất	Áp suất thử	Thời	Đánh giá kết quả thử	Không
--------------	----------	-------------	------	----------------------	-------

M01-QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH/KĐ2 - BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

	thử	(bar)	gian thử (phút)	Kết quả thử	Đạt	Không đạt	thử
Thử bền				Tình trạng rò rỉ	☐	☐	☒
				Tình trạng biến dạng, nứt	☐	☐	
				Độ tụt áp	☐	☐	

Lý do không thử (nếu có):

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

5. Thử vận hành: (Theo mục 8.4 của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)

Áp suất thử: bar, Thời gian thử: phút

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt
1	Tình trạng làm việc của các đường ống	☒	☐	3	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ trợ	☒	☐
2	Tình trạng làm việc của thiết bị đo lường, bảo vệ	☒	☐	4		☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Hệ thống đường ống được kiểm định có kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: , Tại vị trí:

3. Áp suất làm việc: bar; Nhiệt độ làm việc: °C.

4. Áp suất đặt của van an toàn:

- Hiệu chỉnh cùng quá trình kiểm tra vận hành ☒;

- Hiệu chỉnh không cùng quá trình kiểm tra vận hành ☐

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)	Số GCN, ngày cấp
Van hơi bão hòa			
Van hơi quá nhiệt			

5. Các kiến nghị:

Thời gian thực hiện kiến nghị:

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày tháng 11 năm 2024

Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 11 năm 2022. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(Ký tên và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

M01-QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH/KĐ2 - BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 04-2016/BLĐTBXH)



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ



I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: DT 746 Ấp Hóa Nhứt, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Nồi hơi

Mã hiệu: CF-1014

Số chế tạo: 04529

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Sheng chen Boiler Co., Ltd-Taiwan

Năm chế tạo: 1995

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Công suất: 12 tấn/giờ
- Áp suất thiết kế: 10 bar
- Áp suất làm việc: 8 bar

Địa điểm lắp đặt: DT746 Hóa Nhứt, P.Tân vĩnh Hiệp, TX.Tân Uyên, T.Bình Dương

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số G92980/G92980KD2 ngày 21-11-2022 (*)

Tem kiểm định số: G92980

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 21-11-2023

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Serial: 01-2201039682

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày

tháng 10 năm 2022

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
NỒI HƠI, NỒI ĐUN NƯỚC NÓNG**

Số: G

KĐ2



Chúng tôi gồm:

1. Đình Tường

Số hiệu kiểm định viên: 547/KĐV-LĐTBXH

2.

Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 01/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: NỒI HƠI

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**

Địa chỉ (trụ sở chính): DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Quy trình kiểm định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH, TCVN 12728:2019

Thời gian kiểm định: 11/2022

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1.

Chức vụ:

2.

Chức vụ: QL - HC

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI

- Loại, mã hiệu: CF-1014
- Số chế tạo: 04529
- Năm chế tạo: 1995
- Nhà chế tạo: Sheng chen Boiler Co., Ltd-Taiwan
- Công suất: 12tấn/giờ
- Nhiên liệu sử dụng: Than, củi
- Áp suất thiết kế: 10bar
- Áp suất làm việc: 8bar
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 183°C
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt: °C
- Công dụng: Cung cấp hơi nước bão hòa phục vụ sản xuất
- Ngày kiểm định lần trước: 8/11/2021 Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện
- Ngày thử bền gần nhất: 11/2018 Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:

Lần đầu ☐; Định kỳ ☒; Bất thường ☐ (Lý do kiểm định bất thường:)

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 7.2 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

	Hồ sơ kỹ thuật thiết bị khi kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ - mục 7.2.2		
1	Lý lịch nồi hơi theo mẫu QCVN 01:2008/BLĐTBXH	☒	☐
2	Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	☒	☐
3	Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng	☒	☐
4	Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có)	☐	☒

- Nhận xét:

M01-QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH/KĐ2-BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định nồi hơi, nồi đun nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

- Đánh giá kết quả: Đạt ☐; Không đạt ☐

2. Mã nhận dạng các thiết bị đo kiểm:

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	16 BAR	TSG-C-DC-411	19273.2022/KĐ2	24/4/2023
2	Thiết bị tạo áp (bơm)				
3					

3. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong: (Theo mục 8.1, 8.2 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Thông số kỹ thuật trên nhãn mác so với lý lịch	☒	☐	☐
2	Khoảng cách, vị trí lắp đặt	☒	☐	☐
3	Cửa	☒	☐	☐
4	Cầu thang, sàn thao tác, giá treo	☒	☐	☐
5	Chiếu sáng vận hành	☒	☐	☐
6	Thông gió	☒	☐	☐
7	Hệ thống tiếp đất an toàn điện, chống sét (nếu có)	☒	☐	☐
8	Tình trạng bảo ôn	☒	☐	☐
9	Các chi tiết ghép nối	☒	☐	☐
10	Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu lực	☒	☐	☐
11	Tình trạng mối hàn	☒	☐	☐
12	Tình trạng cấu kiện	☒	☐	☐
13	Hệ thống xử lý và cấp nước	☒	☐	☐
14	Quạt gió, quạt khối	☒	☐	☐
15	Hệ thống cấp nhiên liệu	☒	☐	☐
16	Hệ thống thải xỉ	☒	☐	☐
17	Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐	☐
18	Các van và thiết bị phụ trợ	☒	☐	☐
	Van an toàn:			
	- Kiểu loại: <i>bxo</i>			
	- Kích cỡ: <i>40mm</i>			
	- Số lượng: <i>02</i>			
	Áp kế:			
	- Thang đo:			
	- Cấp CX:			
	- Số tem kiểm định:			
	- Hạn kiểm định:			
	Đo mức:			
	- Kiểu loại: <i>ống thủy</i>			
	- Số lượng: <i>02</i>			
19	Các thiết bị an toàn, tự động khác:	☒	☐	☐
	Loại: <i>hệ áp suất</i>			
	Số lượng: <i>01</i>			
	Thông số kỹ thuật: <i>8 bar</i>			

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

4. Thử nghiệm: Theo mục 8.3 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH

Tên phép thử	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian thử (phút)	Đánh giá kết quả thử			Không thử
				Kết quả thử	Đạt	Không đạt	
Thử bền				Tình trạng rò rỉ	☐	☐	☒
				Tình trạng biến dạng, nứt	☐	☐	
				Độ tụt áp	☐	☐	

Lý do không thử (nếu có):

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

5. Thử vận hành: Theo mục 8.4 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH

Áp suất thử: Thời gian thử: phút

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Tình trạng làm việc của nồi	☒	☐	☐	3.1	Van an toàn	☒	☐	☐
2	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ:				3.2	Rơ le áp suất	☒	☐	☐
2.1	Bơm cấp nước, Hệ thống xử lý nước	☒	☐	☐	4	Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm:			
2.2	Quạt hút, quạt đẩy	☒	☐	☐	4.1	Áp kế	☒	☐	☐
2.3	Bộ hâm nước, bộ quá nhiệt, bộ sấy không khí	☐	☐	☒	4.2	Đo mức	☒	☐	☐
2.4	Thiết bị cấp liệu và thải xỉ	☒	☐	☐	4.3	Đo nhiệt độ	☐	☐	☒
2.5	Đường khói và ống khói	☒	☐	☐	5	Tình trạng làm việc của thiết bị tự động	☒	☐	☐
3	Tình trạng làm việc của thiết bị an toàn:				6	Tình trạng làm việc của các van (cấp nước, xả đáy ...)	☒	☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi (hoặc nồi đun nước nóng) được kiểm định có kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: , Tại vị trí:

3. Áp suất làm việc cho phép: 6 bar

4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: 173 °C ; Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: °C

5. Áp suất đặt của van an toàn:

- Hiệu chỉnh cùng quá trình kiểm tra vận hành ☒

- Hiệu chỉnh không cùng quá trình kiểm tra vận hành ☐

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)	Số GCN, ngày cấp
Van hơi bão hòa	6,8	6,2	
Van hơi quá nhiệt			

6. Các kiến nghị:

Thời hạn thực hiện kiến nghị:

M01-QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH/KĐ2-BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định nồi hơi, nồi đun nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH) 3/4

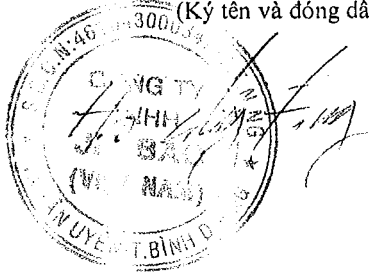
V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày 21 tháng 12 năm 2023

Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 10 năm 2022. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNGCam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(Ký tên và đóng dấu)

ĐÓNG CHỮ VÀ ĐÓNG
CHỮ SỬ DỤNG

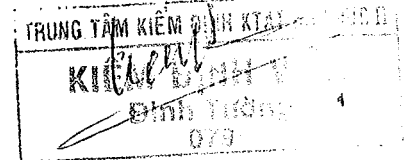
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Cường

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)





TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ



I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ĐT746 Ấp Tân hóa, phường Tân Vinh Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Nồi hơi

Mã hiệu: WNS15-1.25

Số chế tạo: 355BW00659

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Long Chuan Machinery Works-Taiwan

Năm chế tạo: 1998

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- | | |
|---------------------|------------|
| - Công suất: | 15 tấn/giờ |
| - Áp suất thiết kế: | 10 bar |
| - Áp suất làm việc: | 5 bar |

Địa điểm lắp đặt: DT746, Hoà Nhựt, Tân Vinh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

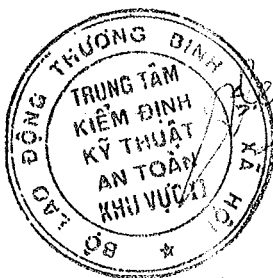
Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H09472/KĐ2 ngày 11-07-2023 (*)

Tem kiểm định số: H09472

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 21-09-2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Đôn Cơ



VIAS 017

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

KHU VỰC II

Bình Dương, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
NỒI HƠI, NỒI ĐUN NƯỚC NÓNG**Số: **H** **KĐ2**

Chúng tôi gồm:

1. Đinh Tường

Số hiệu kiểm định viên: 547/KĐV-LĐTBXH

2.

Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: **01/GCN-KĐ**Đã tiến hành kiểm định: **NỒI HƠI**Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)**

Địa chỉ (trụ sở chính): DT 746 Ấp Hóa Nhứt, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: DT 746, Hóa Nhứt, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

Quy trình kiểm định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: **QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH, TCVN 12728:2019**Thời gian kiểm định: **17/2023**

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1.

Chức vụ:

2.

Chức vụ:

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI

- Loại, mã hiệu: WNS15-1.25
- Số chế tạo: 355BW00659
- Năm chế tạo: 1998
- Nhà chế tạo: Long Chuan Machinery Works-Taiwan
- Công suất: 15tấn/giờ
- Nhiên liệu sử dụng: Dăm, Củi
- Áp suất thiết kế: 10bar
- Áp suất làm việc: 5bar
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 183°C
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt: °C
- Công dụng: Cung cấp hơi nước bão hòa phục vụ sản xuất
- Ngày kiểm định lần trước: 7/2022 Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện
- Ngày thử bền gần nhất: 25/7/2021 Do: Trung tâm KĐKTAT KV2 thực hiện

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:Lần đầu ☐; Định kỳ ☒; Bất thường ☐ (Lý do kiểm định bất thường:)**III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH****1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 7.2 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)**

Hồ sơ kỹ thuật thiết bị khi kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ - mục 7.2.2			
1	Lý lịch nồi hơi theo mẫu QCVN 01:2008/BLĐTBXH	☒	☐
2	Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	☒	☐
3	Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng	☒	☐
4	Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có)	☐	☒

M01-QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH/KĐ2-BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định nồi hơi, nồi đun nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

1/4

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Mã nhận dạng các thiết bị đo kiểm:

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	25 BAR	TSG-C-DC-413	19189.2023/KĐ2	31/3/2024
2	Thiết bị tạo áp (bơm)				
3					

3. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong: (Theo mục 8.1, 8.2 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Thông số kỹ thuật trên nhãn mác so với lý lịch	☒	☐	☐
2	Khoảng cách, vị trí lắp đặt	☒	☐	☐
3	Cửa	☒	☐	☐
4	Cầu thang, sàn thao tác, giá treo	☒	☐	☐
5	Chiếu sáng vận hành	☒	☐	☐
6	Thông gió	☒	☐	☐
7	Hệ thống tiếp đất an toàn điện, chống sét (nếu có)	☒	☐	☐
8	Tình trạng bảo ôn	☒	☐	☐
9	Các chi tiết ghép nối	☒	☐	☐
10	Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu lực	☒	☐	☐
11	Tình trạng mối hàn	☒	☐	☐
12	Tình trạng cấu kiện	☒	☐	☐
13	Hệ thống xử lý và cấp nước	☒	☐	☐
14	Quạt gió, quạt khói	☐	☐	☒
15	Hệ thống cấp nhiên liệu	☒	☐	☐
16	Hệ thống thải xỉ	☐	☐	☒
17	Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐	☐
18	Các van và thiết bị phụ trợ	☒	☐	☐
	Van an toàn:			
	- Kiểu loại: Lò xo			
	- Kích cỡ:			
	- Số lượng: 1			
	Áp kế:			
	- Thang đo:			
	- Cấp CX:			
	- Số tem kiểm định:			
	- Hạn kiểm định:			
	Đo mức:			
	- Kiểu loại: Ống thủy			
	- Số lượng: 02			
19	Các thiết bị an toàn, tự động khác:	☒	☐	☐
	Loại: Role áp suất			
	Số lượng: 01			
	Thông số kỹ thuật:			

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày 21 tháng 9 năm 2024

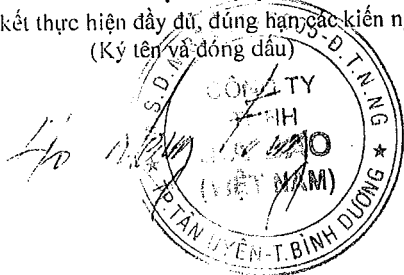
Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 07 năm 2023. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KC MENG FENG

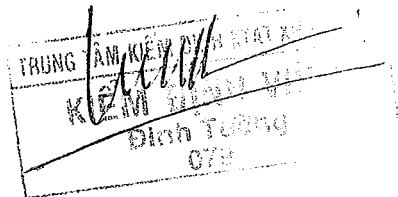
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Cường

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

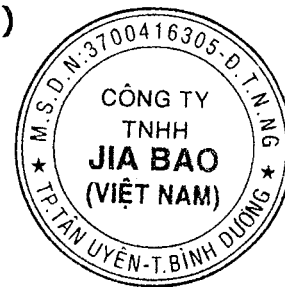




2022898310

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - SỐ ĐKCN: 01/GCN-KĐ

**I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG**

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM

Địa chỉ: DT746 Hóa Nhứt, P. Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, T. Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Đường ống dẫn không khí nén

Mã hiệu: ĐOKN

Số chế tạo: //

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Việt Nam

Năm chế tạo: //

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- | | |
|--------------------------------------|------------|
| - Chiều dài ống có ĐK ≤ 150 mm: | 355 m |
| - Tổng chiều dài ống: | 500 m |
| - Đường kính ống: | Ø49/Ø60 mm |
| - Áp suất thiết kế: | 9,8 bar |
| - Áp suất làm việc: | 7 bar |
| - Nhiệt độ thiết kế: | 40 °C |
| - Nhiệt độ làm việc: | 40 °C |
| - Môi chất làm việc: | Không khí |

Địa điểm lắp đặt: DT746 Hóa Nhứt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số G92145/KĐ2 ngày 21-11-2022 (*)

Tem kiểm định số: G92145

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 08-11-2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022



Thái Đôn Cơ



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Serial: 01-2201039684

Chứng thư này thay thế cho chứng thư số: 49767.2022/KĐ2

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Bình Dương, ngày tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG BẰNG KIM LOẠI DẪN KHÔNG KHÍ NÉN
SỐ: G

Chúng tôi gồm:

1. Đinh Tường
- 2.

Số hiệu kiểm định viên: 547/KĐV-LĐTBXH

Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Khu vực II – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 01/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÔNG KHÍ NÉN

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**

Địa chỉ (trụ sở chính): DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: DT746 Hóa Nhựt, P. Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Thời gian kiểm định: /11/2022

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ:31-2021/BLĐTBXH

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Chức vụ:
2. *Đinh Tường* Chức vụ: *QL - HC*

I – THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG

- Mã hiệu, ký hiệu: ĐOKN
- Năm chế tạo (lắp đặt): //
- Nhà chế tạo (lắp đặt): Việt Nam
- Nước chế tạo (lắp đặt):.....
- Tổng chiều dài: 355m
- Đường kính ngoài của ống: ϕ 49/ ϕ 60mm
- Áp suất thiết kế: 9,8bar
- Áp suất làm việc: 7bar
- Nhiệt độ thiết kế: 40°C
- Nhiệt độ làm việc: 40°C
- Môi chất làm việc: Không khí
- Công dụng: Dẫn không khí nén
- Ngày kiểm định gần nhất: Do:
- Ngày thử bền gần nhất: Do:

II – HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH: Lần đầu ☒; Định kỳ ☐; Bất thường ☐.

(Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường:)

III – NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu:

TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt	Không đánh giá	TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Hồ sơ thiết kế	☒	☐	☐	8	Biên bản kiểm tra tiếp đất, chống sét	☒	☐	☐
2	Lý lịch hệ thống đường ống	☒	☐	☐	9	Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ	☐	☐	☒
3	Bản vẽ sơ đồ hệ thống	☒	☐	☐	10	Biên bản kiểm định lần trước	☐	☐	☒
4	Hồ sơ lắp đặt, hoàn công	☐	☐	☒	11	Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	☐	☐	☒
5	Biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống	☐	☐	☒	12	Nhật ký vận hành	☒	☐	☐
6	Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng kim loại chế tạo, kim loại hàn, mối hàn	☒	☐	☐	13	Sổ theo dõi sử dụng, vận hành và bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra	☐	☐	☒
7	Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị đo lường	☒	☐	☐	14	Hồ sơ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; biên bản kiểm tra về chất lượng sau sửa chữa, cải tạo, nâng cấp	☐	☐	☒

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả:

Đạt ☒;

Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

TT	Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Vị trí lắp đặt, khoảng cách	☒	☐	☐
2	Chiều sáng vận hành, thông gió	☒	☐	☐
3	Sàn, cầu thang	☒	☐	☐
4	Hệ thống chống sét, tiếp địa	☒	☐	☐
5	Giá đỡ, dây treo theo	☒	☐	☐
6	Tình trạng bảo ôn.	☒	☐	☐
7	Tình trạng kim loại ống	☒	☐	☐
8	Tình trạng mối hàn, mối nối	☒	☐	☐
9	Van, phụ kiện đường ống	☒	☐	☐
10	Van an toàn	☒	☐	☐
11	Áp kế	☒	☐	☐
12	Thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn và tự động khác	☒	☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả:

Đạt ☒;

Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

3.1 Dụng cụ đo lường phục vụ thử nghiệm:

Tên dụng cụ	Mã nhận dạng	Số GCN kiểm định	Hạn kiểm định	Thông số kỹ thuật cơ bản
Áp kế	16 BAR	TSG-C-DC-411	19273.2022/KĐ2	14/4/2023

3.2 Thử nghiệm:

Nội dung	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)		Thời gian duy trì (phút)	Giá trị áp suất thử đo được sau thời gian duy trì (bar)	Đánh giá (Đạt/Không)
		Tính toán	Thực tế			
Thử bền hệ thống	Không khí	10,5	10,5	30	10,5	Đạt
Thử kín hệ thống		.../...	.../...		.../...	

(Nếu hệ thống có nhiều cấp thông số thì ghi tương ứng như sau vào cột thông số:...../...../.....)

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ ; Không đạt ☐

4. Đánh giá kết quả kiểm tra vận hành: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Hệ thống đường ống được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ ; Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: , Tại vị trí:

3. Áp suất làm việc: 7 bar; Nhiệt độ làm việc: 40°C.

4. Áp suất đặt của van an toàn của hệ thống:

Áp suất mở van hệ thống: 7,6 bar Áp suất đóng van hệ thống:/.... bar

5. Các kiến nghị:

Thời gian thực hiện kiến nghị:

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày tháng 11 năm 2024

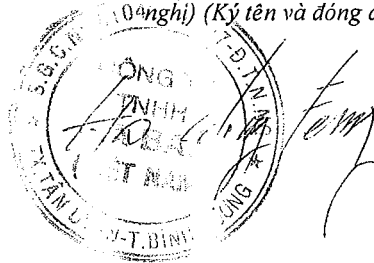
Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 11 năm 2022. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

(Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị) (Ký tên và đóng dấu)



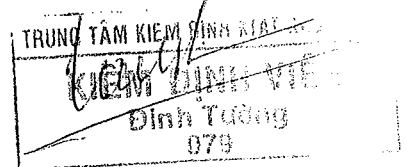
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Cường

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)



PHÓ TỔNG QUẢN LÝ ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ và tên)



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐCKN: 01/GCN-KĐ

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ĐT746 Ấp Tân hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Nồi hơi

Mã hiệu: HEW-150C-S

Số chế tạo: 15005-W12(BW42420)

Nhà sản xuất/nước sản xuất: TAIJUNE ENTERPRISE CO., LTD-TAIWAN

Năm chế tạo: 6/2012

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Công suất: 13,5 tấn/giờ
- Áp suất thiết kế: 10 bar
- Áp suất làm việc: 8 bar

Địa điểm lắp đặt: ĐT746 Hoá Nhựt, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H09471/KĐ2 ngày 11-07-2023 (*)

Tem kiểm định số: H09471

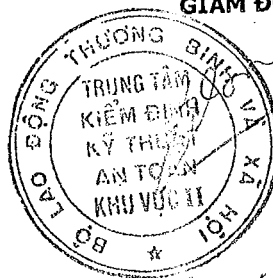
Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 21-09-2024



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2023

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Đôn Cơ

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Mã nhận dạng các thiết bị đo kiểm:

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	25 BAR	TSG-C-DC-413	19189.2023/KĐ2	31/3/2024
2	Thiết bị tạo áp (bơm)				
3					

3. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong: (Theo mục 8.1, 8.2 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH)

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Thông số kỹ thuật trên nhãn mác so với lý lịch	☒	☐	☐
2	Khoảng cách, vị trí lắp đặt	☒	☐	☐
3	Cửa	☒	☐	☐
4	Cầu thang, sàn thao tác, giá treo	☒	☐	☐
5	Chiếu sáng vận hành	☒	☐	☐
6	Thông gió	☒	☐	☐
7	Hệ thống tiếp đất an toàn điện, chống sét (nếu có)	☒	☐	☐
8	Tình trạng bảo ôn	☒	☐	☐
9	Các chi tiết ghép nối	☒	☐	☐
10	Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu lực	☒	☐	☐
11	Tình trạng mối hàn	☒	☐	☐
12	Tình trạng cấu kiện	☒	☐	☐
13	Hệ thống xử lý và cấp nước	☒	☐	☐
14	Quạt gió, quạt khói	☐	☐	☒
15	Hệ thống cấp nhiên liệu	☒	☐	☐
16	Hệ thống thải xỉ	☐	☐	☒
17	Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐	☐
18	Các van và thiết bị phụ trợ	☒	☐	☐
	Van an toàn:			
	- Kiểu loại: Lò xo			
	- Kích cỡ:			
	- Số lượng: 1			
	Áp kế:			
	- Thang đo:			
	- Cấp CX:			
	- Số tem kiểm định:			
	- Hạn kiểm định:			
	Đo mức:			
	- Kiểu loại: Ống thủy			
	- Số lượng: 02			
19	Các thiết bị an toàn, tự động khác:	☒	☐	☐
	Loại: Rơle áp suất			
	Số lượng: 01			
	Thông số kỹ thuật:			

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

4. Thử nghiệm: Theo mục 8.3 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH

Tên phép thử	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian thử (phút)	Đánh giá kết quả thử			Không thử
				Kết quả thử	Đạt	Không đạt	
Thử bền				Tình trạng rò rỉ	☐	☐	☒
				Tình trạng biến dạng, nứt	☐	☐	
				Độ tụt áp	☐	☐	

Lý do không thử (nếu có):

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐**5. Thử vận hành:** Theo mục 8.4 của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH

Áp suất thử: 8 Thời gian thử: 10 phút

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Tình trạng làm việc của nồi	☒	☐	☐	3.1	Van an toàn	☒	☐	☐
2	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ:				3.2	Rơ le áp suất	☒	☐	☐
2.1	Bơm cấp nước, Hệ thống xử lý nước	☒	☐	☐	4	Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm:			
2.2	Quạt hút, quạt đẩy	☐	☐	☒	4.1	Áp kế	☒	☐	☐
2.3	Bộ hâm nước, bộ quá nhiệt, bộ sấy không khí	☐	☐	☒	4.2	Đo mức	☒	☐	☐
2.4	Thiết bị cấp liệu và thải xỉ	☐	☐	☒	4.3	Đo nhiệt độ	☐	☐	☒
2.5	Đường khói và ống khói	☒	☐	☐	5	Tình trạng làm việc của thiết bị tự động	☒	☐	☐
3	Tình trạng làm việc của thiết bị an toàn:				6	Tình trạng làm việc của các van (cấp nước, xả đáy ...)	☒	☐	☐

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐**IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**1. Nồi hơi (hoặc nồi đun nước nóng) được kiểm định có kết quả: Đạt ☒; Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: H , Tại vị trí: Tủ điện điều khiển

3. Áp suất làm việc cho phép: 8 bar

4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: 173 °C ; Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: °C

5. Áp suất đặt của van an toàn:

- Hiệu chỉnh cùng quá trình kiểm tra vận hành ☒- Hiệu chỉnh không cùng quá trình kiểm tra vận hành ☒

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)	Số GCN, ngày cấp
Van hơi bão hòa	8,6		
Van hơi quá nhiệt			

6. Các kiến nghị:

Thời hạn thực hiện kiến nghị:

M01-QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH/KĐ2-BAN HÀNH LẦN 1 (07/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định nồi hơi, nồi đun nước nóng tại các phụ lục của QTKĐ: 01-2016/BLĐTBXH) 3/4

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày 21 tháng 9 năm 2024

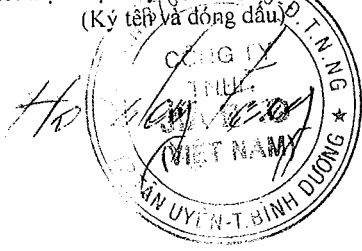
Lý do rút ngắn thời hạn:

Biên bản đã được thông qua ngày tháng 07 năm 2023. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị
(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ MỆNG FENG

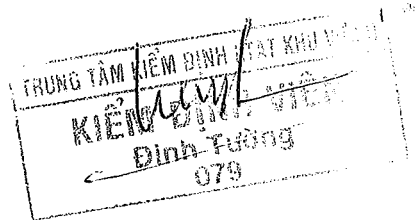
NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Cường

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000347, chứng nhận lần đầu ngày 16/5/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19/7/2014

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CO 588212

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **2113**, tờ bản đồ số: **19**
b) Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: **2.255,4m²**, (bằng chữ: Hai nghìn hai trăm năm mươi lăm phẩy bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 14/3/2052
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Tổng Diện tích khu đất: 2.255,4m² (trong đó có 80,8m² diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ).
- Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 300109, số vào sổ cấp GCN: CT00288 ngày 19/7/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 921633, số vào sổ cấp GCN: TO 1661/CN-2009 ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 934289, số vào sổ cấp GCN: TO 1662/CN-2009 ngày 25/11/2009.
- Thừa đất số 2113 được hợp từ các thửa đất số 254, 1224, 195.



Bình Dương, ngày 10. tháng 01. năm 2018
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC

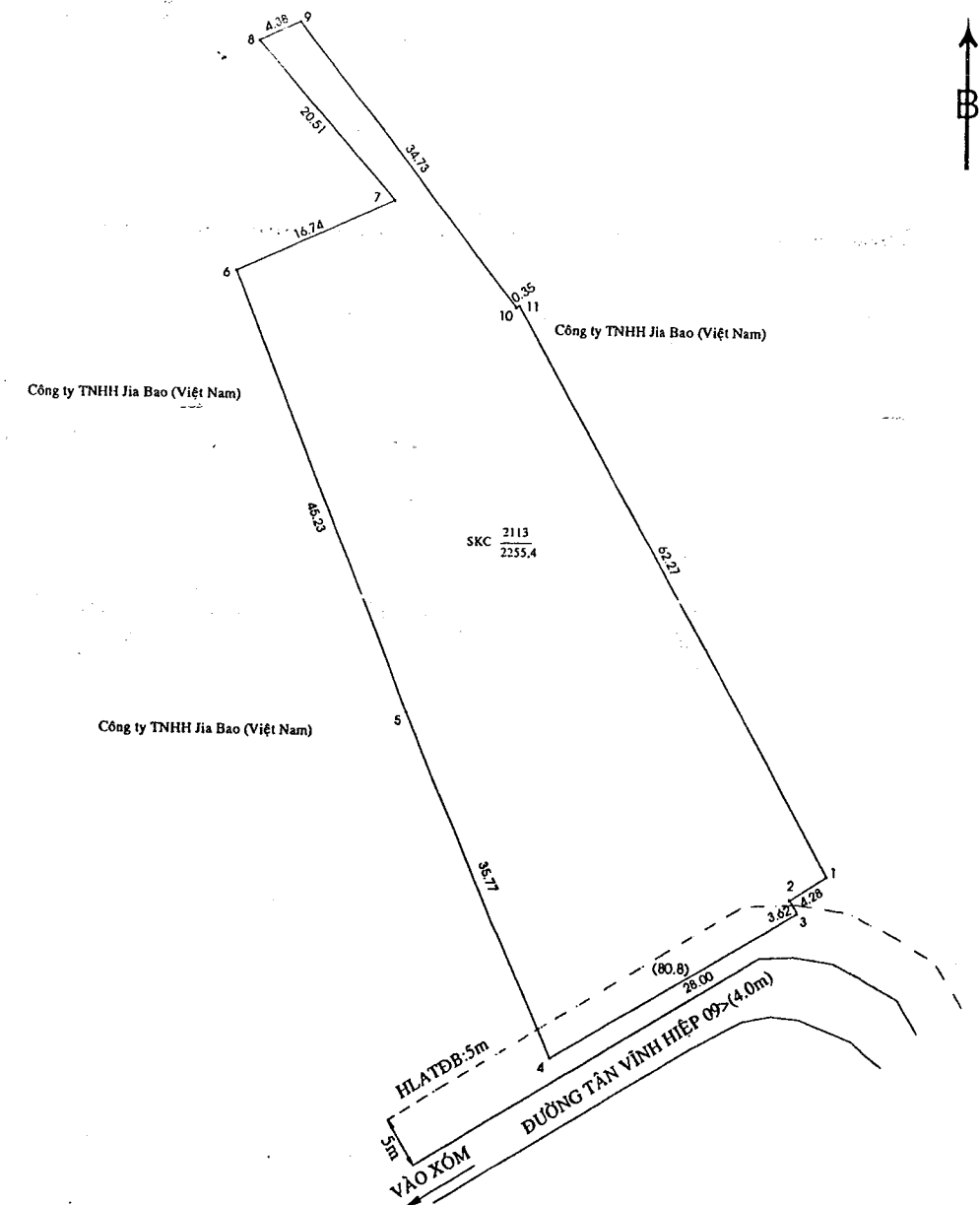


Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT28752

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**Số : ...~~820~~...../GPXD

Cấp cho: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên loại công trình: Nhà xưởng.

- Cấp công trình: Cấp III

- Vị trí xây dựng: Tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Thửa đất số 1224; Tờ bản đồ số 19; Diện tích đất 949m²; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP934289 vào sổ số T01662/CN-2009 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/11/2009.

+ Thửa đất số 195; Tờ bản đồ số 19; Diện tích đất 911m²; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP921633 vào sổ số T01661/CN-2009 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/11/2009.

+ Thửa đất số 1327; Tờ bản đồ số 19; Diện tích đất 4.046,9m²; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA163697 vào sổ số CT00918 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/12/2010.

- Chỉ giới đường đỏ: 21m tính từ tim đường ĐT746; 5m tính từ mép đường đất 6m.

- Chỉ giới xây dựng: 28m tính từ tim đường ĐT746; 5m tính từ mép đường đất 6m.

- Chỉ giới xây dựng công trình được cấp: Tính từ tim đường ĐT746 đến chân công trình xây dựng đầu tiên là 28m, tính từ mép đường đất 6m đến chân hạng mục công trình nhà xưởng (mép trục A) là 5m. Các hạng mục khác định vị theo mặt bằng tổng thể. Hạng mục công trình gồm:

* Nhà xưởng:

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0.2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +12,8m.

- Diện tích xây dựng: Tầng 1: 900 m²; Tầng 2: 720 m². Tổng diện tích sàn: 1.620 m².

- Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn tầng 2 bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gồ thép, khung kèo thép. Cửa kính khung nhôm.

* Các hạng mục khác: Các hạng mục công trình có thiết kế hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước, thu lồi chống sét.

- Theo thiết kế có ký hiệu: Kiến trúc(1-6); kết cấu (1-6), PCCC(1-6), Đ1, N1.
Do Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Đại Kiến Phúc thiết kế và chịu trách nhiệm về độ bền vững công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 18 tháng 5 năm 2012

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Lưu: VT, Thảng.



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, v.v..)
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162.../TD-PCCC (TU..)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 17/CV...ngày...09.../5.../2012.

của:CÔNG TY TNHH JIABAO (VIỆT NAM).....

Người đại diện là ông/ bà.....Ho. Meng Feng..... Chức danh..... Phó Tổng giám đốc

(1).....Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2).....NHÀ ĐẠT LÒ HỒI.....

Địa điểm:xã Tân Vinh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Jiabao (Việt Nam).....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty. TNHH TV. ĐT. XD. Đại Kiến Phúc & Cty. TNHH MTV. PCC. Thành Ngân Long

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

.....Kiến trúc.....

.....Kết cấu.....

.....Hệ thống cấp nước chữa cháy.....

.....Hệ thống báo cháy tự động.....

.....

.....

.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....Trang bị bình chữa cháy đảm bảo 150.m2 có một bình bảo vệ theo.....

.....mục 5.TCVN.3890..2009.....

.....Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi nhận:

.....Cục CS PCCC (Bản cáo),.....

.....Công ty TNHH Jiabao (Việt Nam),.....

.....Lưu: Phòng 2 (1),.....

.....Lưu: Phòng CS PCCC Tân Uyên (2).
.....

Bình Dương, ngày 22 tháng 5 năm 2012...

(4).....NGIÁM ĐỐC.....



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

47

5.7. "The above information is true and correct to the best of my knowledge and belief." (Signature of the person who provided the information)

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 280/SCSPCCC-TU

Bình Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2012

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Xét công văn đề nghị số 18/CVPC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà đặt lò hơi. Địa chỉ: Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 162/TD-PCCC ngày 22 tháng 5 năm 2012; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 14 tháng 12 năm 2012;

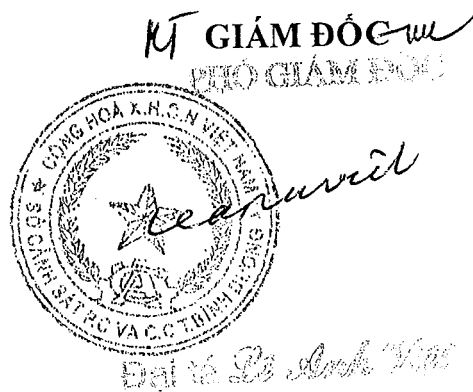
Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt;
- Hệ thống thoát nạn, đường giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo đúng thiết kế được phê duyệt;
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Tân Uyên(2).





GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : ...624...../GPXD

Cấp cho: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).
Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Vĩnh Hiệp; huyện Tân Uyên; tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên loại công trình: Nhà xưởng mở rộng.
- Vị trí xây dựng: Thửa đất: 1327; Tờ bản đồ: 19 ; Diện tích đất: 4.046,6 m² đất sản xuất kinh doanh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 163697 (vào sổ số GCN: CT00918) ngày 10/12/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
- Tại: Xã Tân Vĩnh Hiệp; huyện Tân Uyên; tỉnh Bình Dương.
- Chỉ giới đường đỏ: 8m tính từ tim đường đất hướng Nam; Đường nội bộ hướng Đông rộng 4m.
- Chỉ giới xây dựng: Tính từ tim đường đất hướng Nam đến hạng mục công trình đầu tiên là 8m.
- Chỉ giới xây dựng công trình được cấp: Tính từ tim đường đất hướng Nam đến hạng mục công trình đầu tiên là 11m.

Các hạng mục công trình gồm:

2.1. Nhà xưởng.

- Cấp công trình: Cấp III.
- Diện tích xây dựng: (24 x 84) = 2.016m².
- Cao độ nền công trình (tính từ mặt sân): +0,2m.
- Chiều cao toàn công trình (tính từ mặt sân): 12m.
- Số tầng: 1 tầng.
- Kết cấu: Móng, cổ cột bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước. Cột, khung kèo thép. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Cửa kính khung sắt. Cửa sắt cuốn.

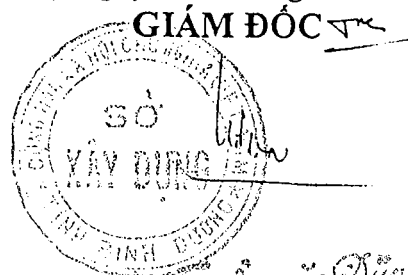
2.2. Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế hệ thống điện, hệ thống thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 20. tháng 4. năm 2011....

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Lưu: VT, Thăng.



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

- 1- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
- 2- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
- 3- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, vv..)
- 4- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
- 5- Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.
- 6- Chủ đầu tư phải thực hiện việc thẩm định phòng cháy và chữa cháy cho hạng mục công trình đúng theo quy định.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1- Nội dung gia hạn, điều chỉnh:.....
.....
.....

2- Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:.....
.....
.....

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

Số: 164/ITD-PCCC (.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 1/CV..... ngày 25/4/2011.....
của: **CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)**.....

Người đại diện là ông/ bà: Luh Yuh Hung..... Chức danh Tổng giám đốc.....
(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương**

**CHỨNG NHẬN:
NHÀ XƯỞNG**

(2) Địa điểm: Xã Tân Vĩnh Hiệp - Huyện Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương.....
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).....
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Ha Long.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:.....
- Hệ thống cấp nước chữa cháy.....
- Hệ thống báo cháy tự động.....
- Hệ thống chữa cháy tự động.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3).....
- Xây bể dự trữ nước chữa cháy $\geq 568.8m^3$, lưu lượng máy bơm.....
chữa cháy phải ≥ 128 lít/s (10.5, 10.22, 10.27TCVN 2622 - 1995, 6.4 B2.TCVN 7336 - 2003).....
- Lắp đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn cho công trình (mục 10.1.4.TCVN 3890 - 2009.).....
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điện, chống sét theo tiêu chuẩn hiện hành.....
- Tổ chức nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo điều 16.Luật PCCC.....

Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 4 năm 20 11.....

(4) **TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**.....

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Bảo cáo)
- Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.



Đại tá Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

3

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43/SCSPCCC-TU

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2013

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Xét công văn đề nghị số 03/CV ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: nhà xưởng (84mx24m). Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 164/TD-PCCC ngày 29 tháng 4 năm 2011; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 31 tháng 01 năm 2013;

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt;

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt;

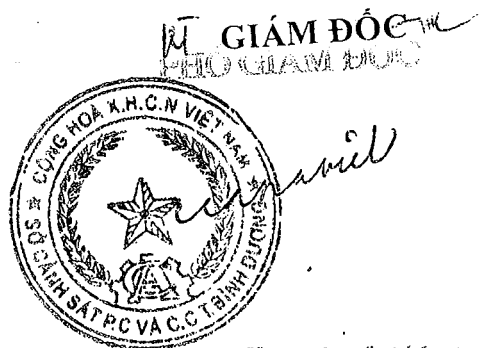
- Hệ thống thoát nạn, đường giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo đúng thiết kế được phê duyệt;

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Tân Uyên(2).



Đại tá Lê Anh Việt

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 9 3 3 1 6 0 1 5 7 0 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000347

Chứng nhận lần đầu ngày 16/5/2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19/7/2014

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CE 840021

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
- a) Thừa đất số: 557

, tờ bản đồ số: 19

b) Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 39.807m², (bằng chữ: Ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 14/3/2052

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà Xưởng

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	1.502,3	3.799,4	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà xưởng C	960	1.920	Sở hữu riêng	3	-/-
Công trình công nghiệp (nhà xưởng)	1.080	3.240	Sở hữu riêng	3	

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 391680 ngày 31/12/2014 và bổ sung tài sản gắn liền với đất.
Tổng diện tích khu đất: 39.807m²(trong đó có 1.460m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo các quy định hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ).

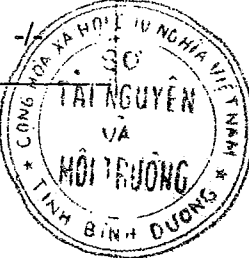
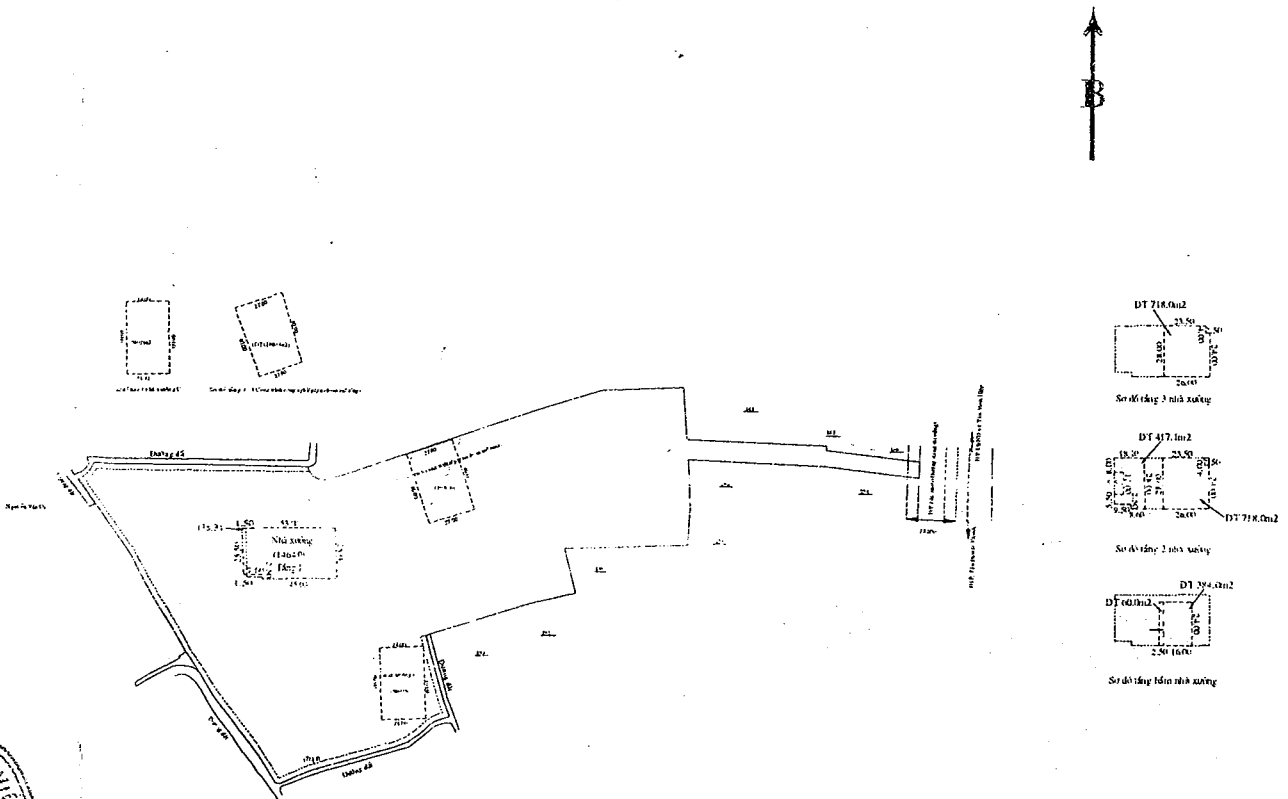
Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2016
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT16663

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Số: 2102 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 14 tháng 10 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cho: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM).

Địa chỉ trụ sở chính: ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình Nhà xưởng giai đoạn tiếp theo của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

- Tên công trình: Nhà xưởng.
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT01, KT(01-06), KC(01-07); CS(01-02); PC(01-07).
- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đại Hiệp Phú.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Thửa số 557; tờ bản đồ số 19; tại xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 36,83%, hệ số sử dụng đất: 0,69.

+ Chỉ giới đường đỏ quy định: 21m tính từ tim đường ĐT746.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

Hạng mục công trình gồm:

- Nhà xưởng:

+ Loại công trình: Công trình công nghiệp.

+ Cấp công trình: Cấp III.

+ Tổng diện tích: 3.728m²; Trong đó: Tầng hầm: 384m²; Tầng 1: 1.476m²; Tầng 2: 1.140m²; Tầng 3: 728m².

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,35m.

+ Chiều cao tầng 1 (tính từ cốt sân): +4m;

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +22,69m; Số tầng: 03 tầng + tầng hầm.

+ Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tôn, xà gỗ thép, kèo thép. Cửa sắt cuốn.

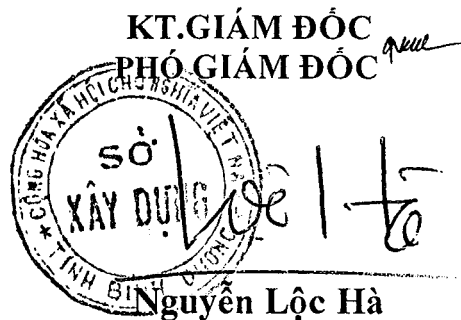
- Các hạng mục khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 391680 (số vào sổ cấp GCN: CT09224) ngày 31/12/2014, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam). Diện tích khu đất 39.807m² (trong đó có 1.460m² đất hành lang an toàn đường bộ). Mục đích sử dụng: đất sản xuất phi nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: đến ngày 14/3/2052.

4. Giấy phép xây dựng này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. *CP*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thg. *hau*



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số :/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên loại công trình: Nhà xưởng.

- Cấp công trình: Cấp III

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 557; Tờ bản đồ số 19; Diện tích đất 38.394m² đất xây dựng công trình công nghiệp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751247 (vào sổ số 209 QSDĐ/2002) ngày 17/07/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

- Tại: Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chỉ giới đường đỏ: 21m tính từ tim đường ĐT746.

- Chỉ giới xây dựng: 28m tính từ tim đường ĐT746.

- Chỉ giới xây dựng công trình được cấp: Theo bản vẽ tổng thể được cấp phép.

Các hạng mục công trình gồm:

* Nhà xưởng C: (Thay thế nhà xưởng C cũ)

- Số tầng: 02 tầng.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0.2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +15,1m.

- Diện tích xây dựng: Tầng 1: 960 m²; Tầng 2: 960 m². Tổng diện tích sàn: 1920 m².

- Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn tầng 2 bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tole, xà gồ thép, khung kèo thép. Cửa kính khung nhôm.

* Các hạng mục khác: Các hạng mục công trình có thiết kế hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước, thu lồi chống sét.

- Theo thiết kế có ký hiệu: Kiến trúc(1-8); kết cấu (1-10), PCCC(1-6), CS(1-2), Đ1, N1. Do Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Đại Kiến Phúc thiết kế và chịu trách nhiệm về độ bền vững công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

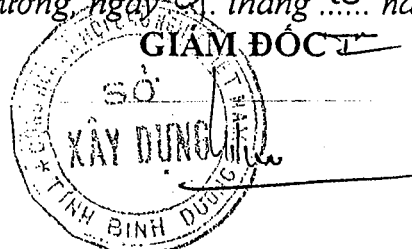
Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2011.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- UBND huyện Tân Uyên;

- Lưu: VT, Thắng.



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, vv..)
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.
6. Chủ đầu tư phải thực hiện việc thẩm định phòng cháy và chữa cháy cho hạng mục công trình đúng theo quy định.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
.....
.....
2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:
.....
.....

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

Số: 510 /GPXD-SXD

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH JIA BAO (VIỆT NAM).

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000347 chứng nhận lần đầu ngày 16/5/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 25/3/2011 do UBND tỉnh Bình Dương cấp

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Công trình công nghiệp (giai đoạn mở rộng).
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT(1-12); KC(1-24); PC(1-6); BC(1-4).
- Do: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Đại Kiến Phúc lập.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa số 557; Tờ bản đồ số 19; Tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Cốt nền công trình: +0,2m.

+ Mật độ xây dựng: 33,12%, hệ số sử dụng đất: 0,6.

+ Chỉ giới đường đỏ: 21m, tính từ tim đường ĐT746.

+ Chỉ giới xây dựng theo quy định: Từ tim đường ĐT746 đến chân công trình xây dựng đầu tiên là 21m.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

+ Diện tích xây dựng: Tầng 1: 1.080m²; Tầng 2: 1.080m²; Tầng 3: 1.080m²;

+ Tổng diện tích: 3.240m².

+ Chiều cao công trình: 17,125m; Số tầng: 03 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, khung cột, sàn bằng bê tông cốt thép. Nền, sàn, bê tông cốt thép láng xi măng, Tường xây gạch sơn nước. Mái lợp tôn, xà gồ thép, khung kèo thép. Cửa nhôm kính, cửa sắt cuốn.

- Các nội dung khác: Công trình có hệ thống điện, hệ thống nước, PCCC và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751247 (vào sổ 209 QSDĐ/2002) ngày ngày 17/07/2002, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 38.394m² đất xây dựng công trình công nghiệp.



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép. *Handwritten mark*

Bình Dương, ngày 03 tháng 04 năm 2013.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thắng.



Trần Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02/CV ngày: 27/6/2006
của: CÔNG TY TNHH JIA BAO VN
Người đại diện là ông/ bà : CHEN MING TAO Chức danh Phó Tổng Giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) **HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG (GIAI ĐOẠN III)**

Địa điểm: Xã Tân Vĩnh Hiệp – Tân Uyên – Bình Dương
Chủ đầu tư chủ phương tiện: Công ty TNHH Jia Bao VN
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH DV & TM Thiện Phúc
Đã thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Hệ thống cấp nước chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

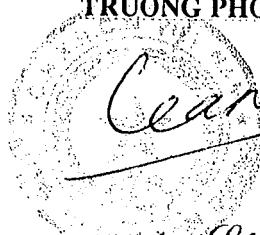
- Thi công đúng theo bản vẽ đã thẩm duyệt
- Lưu lượng nước tại họng chữa cháy xa nhất đạt 2,5 l/s theo TCVN 2622-1995.
- Kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Jia Bao VN
- Lưu Phòng CS PCCC.

Thủ Dấu Một, ngày 13 tháng 7 năm 2006

(4) **TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**



THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký giấy

Abstract

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1256.../BB-XD



BIÊN BẢN KIỂM TRA XÂY DỰNG

Công trình: Xưởng sản xuất mốp (giai đoạn 2) của Công Ty trách nhiệm hữu hạn Jia Bao (Việt Nam)

Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, vào lúc 09 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2005, chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Bồ Kỹ Thuật | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 2. Ông: Nguyễn Trọng Nghĩa | -Đại diện Sở Xây Dựng |
| 3. Ông: Chang Yu - Hwa | -Giám đốc Công ty |
| 4. Ông: Trần Đình Quang | -Đại diện đơn vị thi công |

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng các hạng mục công trình của công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam). Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau:

I. HỒ SƠ THỦ TỤC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

1. Giấy phép đầu tư số 175/GP-BD ngày 14/03/2002 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 209...QSĐĐ/2002 ngày 17/07/2002 do UBND tỉnh Bình Dương cấp với diện tích 38.394m² và kèm theo hợp đồng thuê đất số 539/HĐ.TĐ ngày 08/08/2002 được xác lập giữa sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).
3. Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 28/09/2005 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình xưởng sản xuất mốp (giai đoạn 2) của công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).
4. Báo cáo về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình xưởng sản xuất mốp (giai đoạn 2) của công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) số 1080/BC-XD ngày 26/09/2005 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.
5. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 395/TD-PCCC ngày 08/07/2005 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
6. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16/09/2003 do Bộ Tài Nguyên & Môi trường cấp.

II. PHẦN KIỂM TRA HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG:

1. Nhà Xưởng 4 và 5:

- Quy mô: Nhà 02 tầng, cấp III.
- Diện tích xây dựng:
 - + Diện tích nền: $27\text{m} \times 40\text{m} = 1.080\text{m}^2$
 - + Diện tích sàn = $1.075,62\text{m}^2$

Tổng diện tích 1 xướng = $2.155,62\text{m}^2$. Tổng diện tích 2 xướng = $4.311,24\text{m}^2$

Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn tầng 2, đà mái, sân ô bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính, khung nhôm. Kèo thép, đòn tay thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền và sàn đổ bê tông cốt thép xoa phẳng.

2. Nhà phát điện:

- Quy mô: nhà cấp IV
- Diện tích xây dựng: $12,3\text{m} \times 16\text{m} = 196,80\text{m}^2$

Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường, đà mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Đòn tay sắt. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông

III. CÁC KIỂM TRA KHÁC:

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình: không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường: không kiểm tra.
- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình: không kiểm tra.
- Phần nước cấp: công trình tự khoan giếng để sử dụng.
- Phần thoát nước công trình có hệ thống thoát nước mưa.
- Công trình có xây dựng hệ thống chiếu sáng, hệ thống thu lồi chống sét và hàng rào bảo vệ.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Nhìn chung công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) phải thực hiện các điều sau đây:

1. Thực hiện theo giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 395/TĐ-PCCC ngày 08/07/2005 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện theo Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16/09/2003 của Bộ Tài nguyên & Môi Trường.
3. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
4. Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
5. Chủ đầu tư thực hiện đúng Luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

6. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
7. Bảo đảm an toàn sử dụng điện và phòng cháy chữa cháy theo quy định.
8. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.
9. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đề nghị Ban Giám Đốc Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương chấp thuận hiện trạng công trình đã xây dựng sau khi thực hiện các yêu cầu trên./.

Đại diện Sở Xây dựng



Bồ Kỹ Thuật

Công ty TNHH Jia Bao (VN)



Đại diện đơn vị thi công



Nguyễn Trọng Nghĩa

Trần Đình Quang

Số: 62/TD-PCCC-12.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số (Đơn) ngày 26/7/2015 của CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/bà: Tseng Min Hung Chức danh: Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG (53M X 28M)

Địa điểm xây dựng: Đường DT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-TK-XD Thịnh Việt Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Điều kiện thoát nạn; Khoảng cách PCCC
- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Bình Dương, ngày 22 tháng 9 năm 2015.

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)
- Lưu: P2 (TDKT); Phòng CS PCCC số 5.
-



GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Văn Sơn

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 390/CSPC&CC-S5

Bình Dương, ngày 14 tháng 11 năm 2016

Về việc xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Xét công văn số 10/16/CVPC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng (53mx28m); Địa chỉ: Đường DT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 632/TD-PCCC-P2 ngày 22 tháng 9 năm 2015; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 21 tháng 11 năm 2016;

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

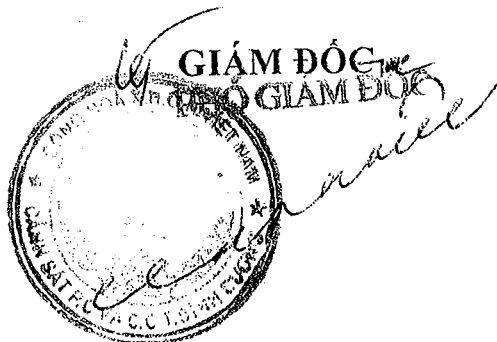
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC-S5(2).



Đại tá Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PCCC**

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 21 tháng 11 năm 2016 tại Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

Địa chỉ: Đường DT746, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PC&CC Số 5

- Ông: Đinh Viết Toàn; Chức vụ: Phó Trưởng phòng.
- Ông: Võ Thanh Tra; Chức vụ: Đội trưởng Đội Hướng dẫn kiểm tra an toàn PCCC.
- Ông: Hà Minh Trung; Chức vụ: Cán bộ Đội Hướng dẫn kiểm tra an toàn PCCC

Đã tiến hành kiểm tra đối với Nhà xưởng (53m x 28m) Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)..

Đại diện cơ sở là:

- Ông : Ho Meng Feng Chức vụ: P.Tổng giám đốc.
- Ông : Trần Cường Chức vụ: Tổng vụ.

Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH MTV phòng chống cháy Thành Ngân Long.

Ông: Bùi Đức Thành; Chức vụ: Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Đại diện chủ đầu tư và nhà thầu báo cáo:

- Hệ thống PCCC của công trình gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy trong nhà (vách tường), ngoài nhà và hệ thống chữa cháy tự động sprinkler.
- Các hệ thống liên quan đến PCCC bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn và hệ thống chống sét.
- Mục đích sử dụng: Nhà xưởng sản xuất.
- Hiện nay đã tiến hành thi công, lắp đặt hoàn thiện đường ống của hệ thống chữa cháy, dây tín hiệu của hệ thống báo cháy tự động và hệ thống kỹ thuật của công trình.

II. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trong quá trình thi công gồm có:

- Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 632/TD-PCCC-P2 ngày 22/9/2015 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương.
- Các tài liệu, bản vẽ thiết kế được hướng dẫn về PCCC.
- Công văn ngày 20/10/2016 của Chủ đầu tư về việc đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC.
- Tập bản vẽ hoàn công của hệ thống PCCC công trình.

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC trước khi lắp đặt số 4529/KĐ-PCCC-P1 ngày 08/7/2016 của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản sao kết quả kiểm tra điện trở nối đất số 2882/ĐL/CNII ngày 03/10/2016 của Trung tâm kiểm định Công nghiệp - Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp

- Biên bản bàn giao vật tư, thiết bị.

- Biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị liên quan

- Biên bản thử nghiệm thiết bị áp lực.

- Bảng hướng dẫn sử dụng hệ thống PCCC.

III. Kiểm tra thực tế:

3.1 Kiểm tra thực tế thi công theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Về đường giao thông phục vụ chữa cháy: Tại thời điểm kiểm tra:

+ Chiều rộng: $\geq 3.5\text{m}$, tiếp cận 03 phía nhà xưởng;

- Về lối thoát nạn: Tại thời điểm kiểm tra: nhà xưởng bố trí 01 cầu thang thoát nạn từ tầng 2,3 xuống tầng 1, 01 cầu thang thoát nạn ngoài nhà từ tầng 2,3 thoát trực tiếp ra ngoài, tại tầng 1 bố trí 04 lối thoát nạn.

- Về hệ thống báo cháy tự động: Đã thi công lắp đặt xong các đầu báo cháy, nút ấn báo cháy, chuông báo cháy tại công trình theo thiết kế được duyệt và các thiết bị này đã được kết nối với trung tâm báo cháy.

+ Trung tâm báo cháy: 10 kênh.

+ 100 đầu báo khói thường.

+ 15 nút ấn, 15 chuông báo cháy.

- Hệ thống chữa cháy:

+ Cụm máy bơm chữa cháy: 01 bơm điện $Q=113\text{ l/s}$, $H=80\text{m.c.n}$, 01 bơm diesel $Q=113\text{ l/s}$, $H=80\text{m.c.n}$, 01 bơm bù áp $Q=10\text{m}^3/\text{h}$, $H=85\text{m.c.n}$.

+ Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: 18 họng, bố trí đầy đủ lăng vòi chữa cháy và kết nối với máy bơm cấp nước chữa cháy.

+ 04 trụ nước chữa cháy, 01 họng chờ tiếp nước.

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: gồm 304 đầu phun sprinkler hướng xuống đã hoàn thiện và kết nối với máy bơm cấp nước chữa cháy.

+ Bể nước chữa cháy hiện hữu: 430 m^3

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chiếu sáng thoát nạn (Exit): Tại thời điểm kiểm tra đã lắp đặt.

- Bình chữa cháy xách tay: Tại thời điểm kiểm tra đã trang bị 60 bình chữa cháy các loại.

3.2. Tổ chức kiểm tra hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC:

a/ Thử hoạt động của hệ thống báo cháy tự động:

+ Thử hoạt động của các tủ báo cháy: Kiểm tra chức năng báo lỗi, sự cố của hệ thống, chức năng báo cháy (tín hiệu âm thanh, ánh sáng), kiểm tra nguồn ác quy dự phòng. Kết quả: trung tâm đang ở chế độ hoạt động bình thường.

+ Thử hoạt động (theo xác suất) của các đầu báo khói, nút ấn và chuông tại các khu vực: các đầu báo cháy khói, 02 nút ấn. Kết quả: các đầu báo cháy và nút ấn báo cháy đã hoạt động theo đúng chức năng thiết kế.

b/ Thử hoạt động của hệ thống chữa cháy:

- Thử hoạt động của hệ thống Sprinkler: Kích nổ theo xác suất các đầu phun Sprinkler. Kết quả thử nghiệm cho thấy hệ thống Sprinkler đã hoạt động.
- Thử hoạt động của 02 họng nước chữa cháy ở vị trí xa trạm bơm nhất: Kết quả lưu lượng và cột áp theo đúng tiêu chuẩn.

c/ Kiểm tra vị trí lắp đặt của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, trạm điện:

Bằng mắt kiểm tra thực tế.

IV. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

- Tại thời điểm kiểm tra trên đường giao thông phục vụ chữa cháy không xây dựng các công trình phụ đảm bảo theo quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Tại thời điểm kiểm tra lối thoát nạn đảm bảo theo quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Tại thời điểm kiểm tra hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, đúng theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, đúng theo quy định của tiêu chuẩn hiện hành.
- Tại thời điểm kiểm tra họng chữa cháy vách tường đảm bảo tia nước đặc ở đầu lăng phun > 6m.

2. Kiến nghị:

- Bố trí sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn cho phù hợp với tính chất sử dụng của nhà xưởng.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đảm bảo các hệ thống hoạt động tốt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.
- Luôn luôn duy trì hệ thống PCCC hoạt động bình thường như tại thời điểm nghiệm thu.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt.
- Khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, kiến trúc, kết cấu, hệ thống PCCC của công trình, xây dựng các công trình phụ trên đường giao thông phục vụ chữa cháy đề nghị chủ đầu tư liên hệ với Cơ quan Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương (Phòng Cảnh sát PC&CC số 5) để được hướng dẫn.

Biên bản được lập xong hồi 16 giờ 30 cùng ngày, gồm 03 trang, được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
JIA BAO
(VIỆT NAM)
TR. TÂN LƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HO MING FENG

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN



Bùi Đức Thành

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA



HỒ TRƯỜNG PHÒNG

Trương Văn Bình

BỘ CÔNG AN
C.A TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 395 /TD-PCCC(.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 05/CV ngày 2 / 6 / 2005

của CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM

Người đại diện là ông / bà: TSENG MIN HUNG Chức danh: Tổng Giám đốc

(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an Tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) Hệ thống chữa cháy vách tường. (Giai đoạn II)

Địa điểm: Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Công ty TNHH JIA Bao VN

Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty TNHH TMXD Thiên Hoàng Tú

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống chữa cháy vách tường.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Lắp đặt thêm 02 Bơm chữa cháy 01 bơm điện Q = 1200 lít / phút, 01 bơm bù áp.

- Lắp đặt ống chữa cháy đường kính đặt ở 114, lắp đặt thêm 04 họng nước chữa cháy.

- Kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa hệ thống vào sử dụng.

Thủ đầu một, ngày 08 tháng 7 năm 2005

(4) TL GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận

- C.Ty Jia Bao
- Lưu: CS.PCCC.



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Bộ Công An
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 115/XN.PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thủ đầu một, ngày 31 tháng 10 năm 2005.

V/v xác nhận nghiệm
thu hệ thống PCCC.

Kính gửi: CÔNG TY TNHH JIA - BAO VN.

Căn cứ điều 48 Luật phòng cháy chữa cháy quy định về chức năng nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ điều 18 Nghị định 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Theo công văn số: /CV ngày tháng năm 2005 của Công ty TNHH Jia Bao VN về việc đề nghị nghiệm thu hệ thống chữa cháy vách tường.

Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình dương xác nhận:

Hệ thống: Chữa cháy vách tường (Giai đoạn II).

Công trình: Công ty TNHH Jia Bao VN.

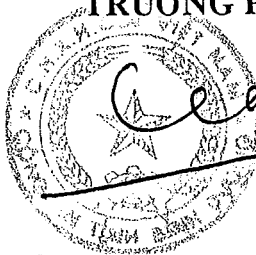
Địa chỉ: 746 Tân vĩnh hiệp - Tân uyên - Bình dương.

Đã được tổ chức nghiệm thu ngày 14 tháng 10 năm 2005 (có biên bản nghiệm thu kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu CSPCCC.

TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC



THƯỢNG TÁ : *Lê Anh Việt*

Số: 77/ITD-PCCC (...P2.)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/2013 ngày 12/03/2013 của: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/ bà: Ho. Meng Feng Chức danh Phó Tổng Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG (27M X 39,47M)

Địa điểm: Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Đại Kiến Phúc

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Trang bị bình chữa cháy các loại đảm bảo diện tích 50m2/bình chữa cháy theo mục 5 TCVN 3890-2009; Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Bộ P&A);
- Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam);
- Lưu P2(2);

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2013

(4) Kí GIÁM ĐỐC



Kí GIÁM ĐỐC

Trần Văn Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 308/CSPC&CC-P2

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2014

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Xét công văn số 01/2014/ĐXNT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng (27m x 39,47m). Địa điểm xây dựng: Phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy **chứng nhận thẩm duyệt về PCCC** số 77/TD-PCCC(P2) ngày 26 tháng 3 năm 2013; **hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC** của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 25 tháng 11 năm 2014,

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

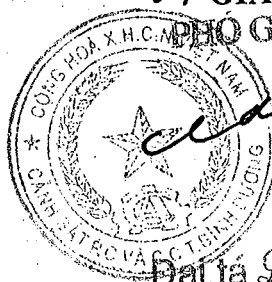
- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Cảnh sát PC&CC số 5;
- Lưu: Phòng 2 (TH, KT).

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ĐẠI TÁ LÊ ANH VIỆT



GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CÔNG TRÌNH

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.

- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của Liên bộ Nội vụ -- Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.

- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay Chính phủ)

Trường phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an

Thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phòng nổ cho công trình

Thuộc

Địa chỉ

Theo các bản vẽ

và công văn số ngày tháng năm của

Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu:

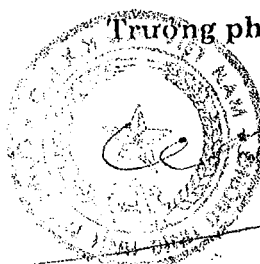
Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (C23) để báo cáo
- Lưu PC23

T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN

Trưởng phòng cảnh sát PCCC



TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Công trình : CTY TNHH JIABAO – VIỆT NAM
Hạng mục : Hệ thống cấp nước chữa cháy

Vào hồi : 08 giờ 20 ngày 20 tháng 12 năm 2003.
Tại công trình : CTY TNHH JIA BAO – VIỆT NAM
Thuộc :
Địa điểm xây dựng : Tân Vĩnh Hiệp – Tân Uyên – Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY:

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/c LÊ ANH VIỆT | Trưởng Phòng CS PCCC Bình Dương |
| 2. Đ/c NGUYỄN ANH TUẤN | Cán bộ Phòng CS PCCC Bình Dương |

II. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: Cty TNHH JIABAO – Việt Nam

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Ông CHANG YU HWA | Phó Tổng Giám Đốc |
|---------------------|-------------------|
-

III. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG: Cty TNHH TM & DV Thiện Phúc

- | | |
|------------------------|----------|
| 1. Ông TRƯƠNG VĂN THÁI | Giám đốc |
|------------------------|----------|
-

Đã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình:
CTY TNHH JIABAO – VIỆT NAM

.....

Với các nội dung sau:

1. Các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Gồm các bản vẽ thiết kế kỹ thuật đã được Phòng CS PCCC tỉnh Bình Dương thẩm định số 76/PC 23 ngày 05 tháng 03 năm 2003
 - Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước chữa cháy.
-
-
-

2. Kiểm tra và thử nghiệm thực tế hệ thống PCCC:

- Thử áp lực thực tế tại 02 họng nước xa nhất của hệ thống, lưu lượng đảm bảo, tầm phun xa trên 10m, áp lực đầu lăng trên 2,5at
- Hệ thống thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt
- Tại thời điểm kiểm tra máy bơm hoạt động bình thường.
- Họng nước lắp đặt đúng vị trí đã được phê duyệt.
- Đơn vị thi công đã lắp đặt thêm 01 họng chữa cháy tại xưởng E của công trình.

3. Kết luận và kiến nghị:

- Hệ thống chữa cháy thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đồng ý đưa hệ thống cấp nước chữa cháy vào sử dụng
- Đề nghị BGĐ Công ty thường xuyên kiểm tra bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy đã được trang bị, lập kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC tại Công ty.

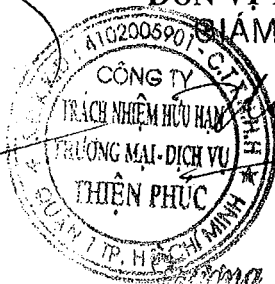
Biên bản được lập xong vào hồi 11 giờ 20 ngày 20 tháng 12 năm 2003, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhận đúng và ký tên dưới đây:

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN PCCC



TRUNG TA *Có Anh Tiết*

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG
KIỂM ĐỐC



Nguyễn Văn Thời

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ



BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 323/TĐ-1 PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02/CV ngày: 27/6/2006
của: CÔNG TY TNHH JIA BAO VN
Người đại diện là ông/ bà : CHEN MING TAO Chức danh Phó Tổng Giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG (GIAI ĐOẠN III)

Địa điểm: Xã Tân Vĩnh Hiệp – Tân Uyên – Bình Dương
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Jia Bao VN
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH DV & TM Thiện Phúc
Đã thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Hệ thống cấp nước chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Thi công đúng theo bản vẽ đã thẩm duyệt
- Lưu lượng nước tại họng chữa cháy xa nhất đạt 2,5 l/s theo TCVN 2622-1995.
- Kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Jia Bao VN
- Lưu Phòng CS PCCC.

Thủ Dấu Một, ngày 13 tháng 7 năm 2006

(4) **TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH**
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký cấp.

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 45/SCSPCCC-TU

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2013

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Xét công văn đề nghị số 24/CV ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: nhà xưởng (40mx24m). Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào công văn hướng dẫn số 294/SCSPC&CC-TU ngày 08 tháng 11 năm 2012; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 30 tháng 01 năm 2013;

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt;
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt;
- Hệ thống thoát nạn, đường giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo đúng thiết kế được phê duyệt;
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Tân Uyên(2).

Ký GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào hồi...02 giờ...30 phút, ngày 30 tháng 01 năm 2013, tại Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Địa chỉ: Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi gồm có:

Đại diện Phòng CS PC&CC H. Tân Uyên - Sở Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương:

- | | |
|---------------------------------|--|
| 1. Đ/c Thiếu tá: Đinh Viết Toàn | - Phó Trưởng phòng |
| 2. Đ/c Trung úy : Văn Hoàng Hân | - P. Đội trưởng Đội HD & KT An toàn PCCC |

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| 1. Ông: Ho Meng Feng | - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc |
| 2. Ông: Trần Cường | - Chức vụ: Quản lý |

Đại diện Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Kỹ thuật PCCC Phú Bình

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông: Trương Thế Anh | - Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông: Trần Quốc Cường | - Chức vụ: Đội trưởng thi công |

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu phòng cháy chữa cháy gồm đối với: Nhà xưởng (40mx24m).

Tình hình và kết quả kiểm tra nghiệm thu như sau:

1/ Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu gồm:

- Công văn đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) ngày 18/01/2013.
- Công văn hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy số 294/SCSPC&CC-TU ngày 08/11/2012.
- Các hồ sơ, bản vẽ đã được Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương hướng dẫn.
- Biên bản kiểm tra thi công do đại diện Phòng Cảnh sát PC &CC huyện Tân Uyên - Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương và đại diện các bên liên quan lập ngày 09/01/2013.
- Các bản vẽ hoàn công.
- Các biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát với đơn vị thi công.
- Biên bản đo điện trở chống sét ngày 04/8/2012 do Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí Việt Nam - PVEIC cấp.

2/ Hiện trạng công trình:

- + Đã thi công xong toàn bộ công trình.
- + Đang tiến hành vệ sinh, sắp xếp các thiết bị bên trong.
- + Công trình chưa đưa vào sử dụng.

3/ Nội dung kiểm tra nghiệm thu:

- Kiểm tra thực tế thi công so với các bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt, theo các kiến nghị trong công văn hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy số 294/SCSPC&CC-TU ngày 08/11/2012.

- Kiểm tra điều kiện thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy:

+ Lối thoát nạn:

Tại thời điểm kiểm tra nhà xưởng có 02 lối thoát nạn tầng một, 02 thang thoát nạn tầng hai.

+ Đường giao thông phục vụ chữa cháy: xung quanh công trình đảm bảo cho xe chữa cháy di chuyển.

- Kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động bao gồm:

+ Trạm bơm chữa cháy: sử dụng 03 máy bơm, 01 máy bơm diesel (hiện hữu) công suất 80Hp, $H = 80 \text{ m.c.n}$; 01 máy bơm điện: công suất 50 Hp, $H = 80 \text{ m.c.n}$; 01 bơm bù có $Q = 8 \text{ m}^3/\text{h}$ $H = 80 \text{ m.c.n}$;

+ Hạng nước chữa cháy vách tường: 06 hạng chữa cháy vách tường kết nối thành mạng vòng bằng ống sắt tráng kẽm đường kính 140 mm, 114mm, 90mm, tại các hạng bố trí đầy đủ lăng, vòi chữa cháy. Hai trụ nước chữa cháy ngoài nhà. Một hạng chờ tiếp nước.

+ Đường ống cấp nước chữa cháy: mạng vòng; đường kính ống chính: 140mm, 114 mm, đường kính ống nhánh: 65mm, 50mm;

+ 204 đầu phun chữa cháy tự động Spinkler bố trí tại nhà xưởng

+ Đường kính đường ống dẫn tới đầu phun 34, 27mm.

- Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động bao gồm:

+ Trung tâm báo cháy tự động 06 kênh lắp trên tường tại nhà bảo vệ nơi có lực lượng bảo vệ thường trực 24/24.

Đầu báo cháy khói: Nhà xưởng lắp đặt 38 đầu báo khói. Nút ấn, chuông: 05 nút ấn, 05 chuông.

• Dây báo cháy $2 \times 1.25 \text{ mm}^2$ đi trong ống nhựa.

- Kiểm tra đèn chiếu sáng sự cố, đèn Exit tại cửa thoát hiểm.

- Biên bản đo điện trở nối đất hệ thống chống sét cho công trình

- Bình chữa cháy các loại

4. Phương pháp kiểm tra thử nghiệm:

- Bằng mắt, thước để kiểm tra lối thoát nạn, giao thông và khoảng cách PCCC.

- Bằng mắt kiểm tra vị trí lắp đặt của máy bơm chữa cháy và các thiết bị chữa cháy. Tiến hành phun nước từ 02 hạng nước chữa cháy vách tường tại vị trí xa nhất của công trình. Bằng đồng hồ kiểm tra lưu lượng nước của lăng phun.

- Bằng mắt, thước kiểm tra vị trí lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, dùng nhiệt tác động lên 20 đầu phun sprinkler theo phương pháp chọn xác suất ngẫu nhiên. Kiểm tra bằng mắt, tốc độ phun, diện tích phun của đầu phun sprinkler.

- Bằng mắt, cân để kiểm tra các bình chữa cháy.

- Bằng mắt, thước kiểm tra vị trí lắp đặt của các thiết bị báo cháy, đồng thời tiến hành che các đầu báo cháy, dùng tay tác động trực tiếp lên các nút ấn.

325-02
NG TY
KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG
PHIÊN BẢN
172-12

- Bằng mắt, thước kiểm tra vị trí lắp đặt của đèn chiếu sáng sự cố, đèn Exit.

5/ Kết quả kiểm tra:

- Đường giao thông xung quanh công trình đúng theo hồ sơ thiết kế đã thẩm duyệt.
- Lối thoát nạn: đảm bảo.
- Hệ thống chữa cháy vách tường lắp đặt đạt theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.
- Hạng chữa cháy vách tường đảm bảo tia nước đặc ở đầu lăng phun > 6m.
- Các máy bơm hoạt động tốt, đúng quy trình.
- Hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt đúng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, đúng theo quy định của TCVN.
- Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo hồ sơ thiết kế và hoạt động bình thường, trung tâm báo cháy lắp đặt đạt yêu cầu TCVN, các đầu báo cháy báo đúng vị trí khu vực đã quy định và thời gian báo phù hợp với TCVN, hộp nút ấn báo cháy lắp đặt phù hợp TCVN, chuông báo cháy nghe rõ.
- Đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn Exit trên lối thoát hiểm.
- Các bình chữa cháy phù hợp TCVN, vị trí lắp đặt đảm bảo ở nơi dễ thấy, dễ lấy.

6/ Kiến nghị:

- Đơn vị thi công hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình cho chủ đầu tư.
- Luôn luôn duy trì hệ thống PCCC hoạt động bình thường như tại thời điểm nghiệm thu.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt.

7/ Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình.

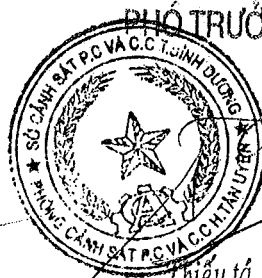
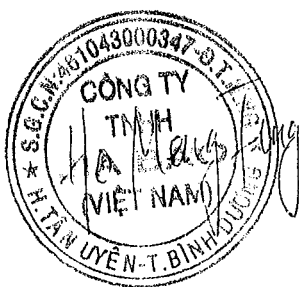
Biên bản lập xong hồi.../0 giờ... phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ một bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG
PCCC
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



HỒ MỆNG HƯNG

Trương Thế Anh

Thiếu tá. Đinh Việt Toàn

SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số : 1620../CV-XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 12 năm 2003.

V/v Kiểm tra hiện trạng công
trình nhà xưởng và văn phòng
Cty TNHH Jia Bao (VN).

Kính gửi: Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở : Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 9/1/1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 198/QĐ-UB ngày 20-01-1997 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định cấp phép xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 255/QĐ-UB ngày 27/1/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành bản quy định tạm thời về quản lý Nhà nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ biên bản kiểm tra xây dựng số 1619../BB-XD ngày 15/12/2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

- Qua xem xét hồ sơ bản vẽ hiện trạng xây dựng.

Sở Xây dựng Bình Dương có ý kiến như sau :

I. Các hạng mục công trình đã xây dựng:

Các nhà xưởng A, B, C, D, E :

1). Các nhà xưởng A, B, C, D, E :

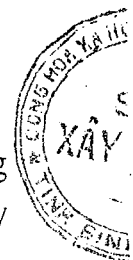
- Quy mô: Nhà công nghiệp 2 tầng cấp 3.

- Diện tích : Diện tích xưởng A : nền = $1.755m^2$; sàn lầu = $1.296m^2$; tổng cộng = $3.051m^2$. Diện tích xưởng B : (3 tầng) : Nền = $1.740m^2$; sàn lầu 1 = $1.200m^2$; sàn lầu 2 = $360m^2$; tổng cộng = $3.300m^2$. Diện tích xưởng C : Nền = $960m^2$; sàn lầu = $960m^2$; tổng cộng = $1.920m^2$. Diện tích xưởng D : Nền = $1080m^2$; sàn lầu = $1080m^2$; tổng cộng = $2.160m^2$. Diện tích xưởng E : Nền = $1080m^2$; sàn lầu = $1080m^2$; tổng cộng = $2.160m^2$. Tổng cộng diện tích xây dựng nền và sàn nhà xưởng = $12.591m^2$.

- Cấu trúc: Móng, cột, nền, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa đi tole cuốn, cửa sổ kính khung nhôm. Mái lợp tole, vì kèo, đòn tay thép hình.

2). Nhà văn phòng:

- Quy mô : Nhà cấp 3, trệt và 2 lầu.



- Diện tích : Nền = 489m^2 , lầu 1 = 450m^2 , lầu 2 = 450m^2 , tổng cộng = 1.389m^2 .

- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái bê tông cốt thép dán ngói, trần thạch cao khung nhôm.

3) Nhà nghỉ trưa chuyên gia :

- Quy mô : Nhà cấp 3 trệt và 2 lầu.

- Diện tích : 3 tầng $\times 600\text{m}^2 = 1.800\text{m}^2$.

- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm.

4) Nhà bảo vệ số 1, 2, 3 và nhà vệ sinh :

- Quy mô : Nhà cấp 3 trệt.

- Diện tích : Nhà số 1 = 16m^2 , nhà số 2 = 28m^2 , nhà số 3 = 32m^2 , nhà vệ sinh = $25,5\text{m}^2$.

- Cấu trúc : Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái bê tông cốt thép dán ngói.

5) Nhà đặt máy phát điện :

- Quy mô : Nhà cấp III, 2 tầng.

- Diện tích : Trệt = 1.024m^2 , lầu = 96m^2 , tổng cộng 1.120m^2 .

- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái lợp tole, vì kèo, đòn tay thép hình.

II. Địa điểm xây dựng:

Công trình được xây dựng tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 209/QSĐĐ/2002 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2002 với diện tích 38.394m^2 kèm theo hợp đồng thuê đất số 539/HĐ-TĐ ngày 08/08/2002 giữa Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và chủ đầu tư.

III. Ý kiến kết luận :

Nhìn chung công trình nhà xưởng và văn phòng của công ty TNHH Jia Bao (VN) đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công ty TNHH Jia Bao (VN) phải thực hiện các điều sau đây:

1- Thực hiện theo nội dung giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 76/PC23 ngày 05-3-2003 do Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương cấp.

2- Thực hiện theo nội dung phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16/9/2003 do Bộ tài nguyên và môi trường cấp.

Klwo P2,3

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1257/SXD-VP

Thủ Dầu Một, ngày... 11... tháng... 11... năm 2005

V/v kiểm tra hiện trạng
xây dựng công trình

Kính gửi: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ thông tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn về quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ quyết định số 225/QĐ-UB ngày 27/1/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành bản quy định tạm thời về quản lý nhà nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ biên bản kiểm tra xây dựng số: 1256...../BB-XD ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.

Qua xem xét hồ sơ bản vẽ xây dựng, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ XÂY DỰNG:

1. Nhà Xưởng 4 và 5:

- Quy mô: Nhà 02 tầng, cấp III.
- Diện tích xây dựng:
 - + Diện tích nền: $27\text{m} \times 40\text{m} = 1.080\text{m}^2$
 - + Diện tích sàn = $1.075,62\text{m}^2$

Tổng diện tích 1 xưởng = $2.155,62\text{m}^2$. Tổng diện tích 2 xưởng = $4.311,24\text{m}^2$

Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng, dầm và sàn tầng 2, dầm mái, sânô bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính, khung nhôm. Kèo thép, đòn tay thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền và sàn đổ bê tông cốt thép xoa phẳng.

2. Nhà phát điện:

Quy mô: nhà cấp IV

- Diện tích xây dựng: $12,3\text{m} \times 16\text{m} = 196,80\text{m}^2$

Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường, đà mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Đòn tay sắt. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông.

II. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

Công trình được xây dựng tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 209... QSDĐ/2002 ngày 17/07/2002 với diện tích 38.394m² và kèm theo hợp đồng thuê đất số 539/HĐ.TĐ ngày 28/08/2002 được xác lập giữa sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).

III. Ý KIẾN VÀ KẾT LUẬN:

Nhìn chung công trình đạt yêu cầu sử dụng. Riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) phải thực hiện các điều sau đây:

1. Thực hiện theo giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 395/TĐ-PCCC ngày 08/07/2005 của Phòng cảnh sát PCCC - Công An tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện theo phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16/09/2003 của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường.
3. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
4. Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
5. Chủ đầu tư thực hiện đúng Luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
6. Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
7. Bảo đảm an toàn sử dụng điện và phòng cháy chữa cháy theo quy định.
8. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.
9. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c).
- Như trên.
- UBND huyện Tân Uyên.
- Lưu V/p.



GIÁM ĐỐC *ng*

Nguyễn Văn Minh

- 3- Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
- 4- Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.
- 5- Chủ đầu tư thực hiện luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- 6- Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
- 7- Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.
- 8- Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm đến quyền hợp pháp của người có liên quan.
- 9- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mọi vi phạm chủ công trình hoàn toàn chịu trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận :

- UBND Tỉnh (b/c).
- Như trên.
- UBND huyện Tân Uyên.
- Lưu v/p.



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Nhiều



BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRẠNG

**Công trình : Nhà xưởng và văn phòng
của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)**

Địa chỉ : Xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00' ngày 15 tháng 12 năm 2003, chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1. Ông : Nguyễn Thành Nhơn | - Đại diện Sở Xây dựng. |
| 2. Ông : Hồ Trung Tâm | - Đại diện Sở Xây dựng. |
| 3. Ông : Chang Yur Hwa | - Tổng Giám đốc công ty. |

Chúng tôi cùng tiến hành kiểm tra xây dựng công trình nhà xưởng và văn phòng của công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam). Qua hồ sơ hiện có và kiểm tra thực tế chúng tôi nhận thấy như sau :

I. Hồ sơ thủ tục xây dựng công trình :

1. Giấy chứng nhận QSDĐ số 209QSDĐ/2002 ngày 17-7-2002 do UBND tỉnh Bình Dương cấp với DT: 38.394m² theo hợp đồng thuê đất số 539/HĐ-TĐ ngày 08-8-2002 giữa Sở Địa chính tỉnh Bình Dương và chủ đầu tư.
2. Giấy phép đầu tư số 175/GP-BD ngày 14-3-2002 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
3. Quyết định số 5077/QĐ-CT ngày 09-12-2003 do UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình trên.
4. Báo cáo số 1523/BC-XD ngày 04-12-2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình trên.
5. Giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị PCCC số 76/PC23 ngày 05-3-2003 do Phòng Cảnh sát PCCC-Công an tỉnh Bình Dương cấp.
6. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16-9-2003 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.



II. Phần kiểm tra công trình đã xây dựng:

1). Các nhà xưởng A, B, C, D, E :

- Quy mô: Nhà công nghiệp 2 tầng cấp 3.
- Diện tích : Diện tích xưởng A : nền = 1.755m^2 ; sàn lầu = 1.296m^2 ; tổng cộng = 3.051m^2 . Diện tích xưởng B : (3 tầng) : Nền = 1.740m^2 ; sàn lầu 1 = 1.200m^2 ; sàn lầu 2 = 360m^2 ; tổng cộng = 3.300m^2 . Diện tích xưởng C : Nền = 960m^2 ; sàn lầu = 960m^2 ; tổng cộng = 1.920m^2 . Diện tích xưởng D : Nền = 1080m^2 ; sàn lầu = 1080m^2 ; tổng cộng = 2.160m^2 . Diện tích xưởng E : Nền = 1080m^2 ; sàn lầu = 1080m^2 ; tổng cộng = 2.160m^2 . Tổng cộng diện tích xây dựng nền và sàn nhà xưởng = 12.591m^2 .

- Cấu trúc: Móng, cột, nền, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa đi tole cuốn, cửa sổ kính khung nhôm. Mái lợp tole, vì kèo, đòn tay thép hình.

2). Nhà văn phòng :

- Quy mô : Nhà cấp 3, trệt và 2 lầu.
- Diện tích : Nền = 489m^2 , lầu 1 = 450m^2 , lầu 2 = 450m^2 , tổng cộng = 1.389m^2 .
- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái bê tông cốt thép dán ngói, trần thạch cao khung nhôm.

3) Nhà nghỉ trưa chuyên gia :

- Quy mô : Nhà cấp 3 trệt và 2 lầu.
- Diện tích : 3 tầng $\times 600\text{m}^2 = 1.800\text{m}^2$.
- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền sàn lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm.

4) Nhà bảo vệ số 1, 2, 3 và nhà vệ sinh :

- Quy mô : Nhà cấp 3 trệt.
- Diện tích : Nhà số 1 = 16m^2 , nhà số 2 = 28m^2 , nhà số 3 = 32m^2 , nhà vệ sinh = $25,5\text{m}^2$.
- Cấu trúc : Móng, cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch ceramic. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái bê tông cốt thép dán ngói.

5) Nhà đặt máy phát điện :

- Quy mô : Nhà cấp III, 2 tầng.
- Diện tích : Trệt = 1.024m^2 , lầu = 96m^2 , tổng cộng 1.120m^2 .
- Cấu trúc : Móng, cột, sàn lầu bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái lợp tole, vì kèo, đòn tay thép hình.

III. Các kiểm tra khác :

- Phòng cháy chữa cháy cho công trình : không kiểm tra.
- Vệ sinh môi trường : không kiểm tra.

- Kết cấu, chất lượng và độ bền của công trình : không kiểm tra.
- Phần cấp nước : có giếng khoan trong khuôn viên khu đất.
- Phần thoát nước công trình có hệ thống thoát nước cho sinh hoạt và nước mưa.

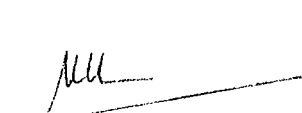
IV. Kết luận và kiến nghị :

Nhìn chung công trình nhà xưởng và văn phòng của công ty TNHH Jia Bao (VN) đạt yêu cầu riêng phần chất lượng công trình chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm.

Công ty TNHH Jia Bao (VN) phải thực hiện các điều sau đây:

- 1- Thực hiện theo nội dung giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị PCCC số 76/PC23 ngày 05-3-2003 do Phòng Cảnh sát PCCC-Công an tỉnh Bình Dương cấp.
 - 2- Thực hiện theo nội dung phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2316/BTNMT-TĐ ngày 16-9-2003 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.
 - 3- Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về độ an toàn và bền vững của công trình.
 - 4- Về hệ khung kèo, đơn vị sản xuất thi công chịu trách nhiệm từ khi lắp dựng và đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng .
 - 5- Chủ đầu tư thực hiện luật đất đai đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
 - 6- Phải đảm bảo hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và môi trường chung quanh.
 - 7- Bảo đảm an toàn sử dụng điện theo quy định.
 - 8- Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm đến quyền hợp pháp của người có liên quan.
 - 9- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đề nghị Lãnh đạo Sở Xây dựng Bình Dương chấp thuận hiện trạng công trình đã xây dựng sau khi thực hiện các yêu cầu trên.

Đại diện Sở Xây dựng


NGUYỄN THÀNH NHƠN – HỒ TRUNG TÂM

**Cty TNHH Jia Bao (Việt Nam)
Giám đốc**



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 2023-RCN/HĐ - KT/23

HỢP ĐỒNG

Về xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải - Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700416305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 6) ngày 07 tháng 06 năm 2023.

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 631 112-5

Fax :

Mã số thuế: 3700416305

Do Ông: HO MENG FENG

Chức vụ: Phó tổng giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700416305TU00

Ngành nghề: sản xuất mùt xốp.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CTY CP – TỔNG CTY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào thứ 5 tuần thứ 02 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).

N.37004
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
JIA
(VIỆT
MINH
UYÊN)

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) (Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Chất thải công nghiệp thông thường: giấy vụn, carton, gỗ vụn, dây đai, nilon, mút xốp.	Rắn	3.000	500.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải công nghiệp thông thường ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại 02746.566.292.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: www.biwase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Lê Văn Nhựt	nhutjiabao@gmail.com	0947 207 751

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2.

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3 Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4. Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



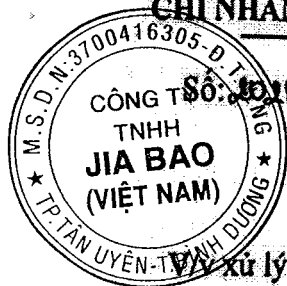
HỌ MỆNG FENG



Ngô Chí Cường

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 1017 - RCN/HĐ - KT/23

HỢP ĐỒNG

Về xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải - Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700416305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 6) ngày 07 tháng 06 năm 2023.

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 631 112-5

Fax :

Mã số thuế: 3700416305

Do Ông: HO MENG FENG

Chức vụ: Phó tổng giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700416305TU00

Ngành nghề: sản xuất mút xốp.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CTY CP – TỔNG CTY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

- 1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.
- 1.2. Điều kiện lưu chứa
 - Chất thải công nghiệp thông thường được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
 - Nếu lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.
- 1.3. Phương thức xác định khối lượng
 - Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
 - Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ cân cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.
- 1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận
 - Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào thứ 5 tuần thứ 02 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).

N:37004
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN
VIỆT
NAM

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) (Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vinh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Chất thải công nghiệp thông thường: giấy vụn, carton, gỗ vụn, dây đai, nilon, nút xốp.	Rắn	3.000	500.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải công nghiệp thông thường ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại 02746.566.292.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: www.biwase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Lê Văn Nhựt	nhutjiabao@gmail.com	0947 207 751

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2.

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

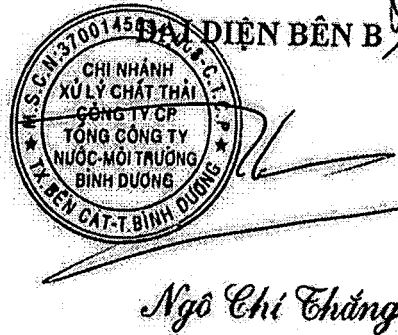
- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4. Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *I*



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 01 - RNH/HĐ - KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải - Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 74.000004.T, ngày 29 tháng 06 năm 2007 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam). Căn cứ theo Bảng phân định chất thải ngày 22 tháng 09 năm 2023 của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam).
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700416305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 6) ngày 07 tháng 06 năm 2023.

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JIA BAO (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 631 112-5

Fax :

Mã số thuế: 3700416305

Do Ông: HO MENG FENG

Chức vụ: Phó tổng giám đốc làm đại diện

Trang 1

Mã khách hàng: 3700416305TU00

Ngành nghề: sản xuất mùt xốp.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI - CTY CP - TỔNG CTY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 650.006.9090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

- 1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.
- 1.2. Điều kiện lưu chứa:
 - Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
 - Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.
- 1.3. Phương thức xác định khối lượng
 - Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
 - Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.
- 1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tuần vào ngày thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Jia Bao (Việt Nam) (Địa chỉ: ĐT746, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vinh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Cặn dầu FO thải	Lỏng	17 06 01	Thiêu đốt	4.000	700.000
02	Nhớt thải	Lỏng	17 02 03	Thiêu đốt	4.000	
03	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	7.000	
04	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/ Chôn	20.000	
05	Bả vò điều	Rắn	04 02 01	Hóa rắn/ Chôn	4.000	
06	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ Tẩy rửa	2.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại 02746.566.292.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: www.biwase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Lê Văn Nhựt	nhutjiabao@gmail.com	0947 207 751

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

6305

IG TY
NH
A BA
IET N

UYEN

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3.** Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *I*

ĐẠI DIỆN BÊN A



H.O MENG FENG

ĐẠI DIỆN BÊN B *✓*



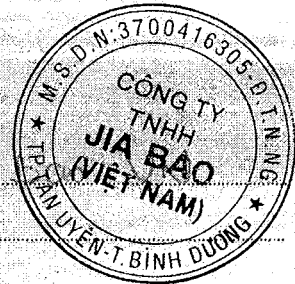
Ngô Chí Thăng



TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số: CN 310.76



1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH JIA BAO

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:



Địa chỉ văn phòng: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<u>Rắn công nghiệp: Cặn dầu nhớt</u>	<u>120</u>	
2	<u>dầu thải, một số phế liệu, giấy vụn</u>		
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

BĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023

BĐ ngày 06 tháng 1 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Đỗ Văn Nhứt

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 021624

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH JIA BAO

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:



Chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Ngày 10 tháng 3 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Là Văn Nhứt

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 49/49

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Tru Bào VN

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Tên: Vĩnh Hiệp, Trần Uyên Linh Dương ĐT:

Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<u>lưu công nghiệp</u>	<u>50</u>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

610 2011035

05 ngày 13 tháng 04 năm 2023

Bên giao



Trần Cường

(Ký, chức danh, đóng dấu)

05 ngày 11 tháng 11 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Dủ

(Ký, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 048026

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ: DT:

2. Bên nhận (chủ nguồn thải, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 14 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Địa chỉ kho: Khu vực 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1		190	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Ngày... tháng... năm...



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số: CN 059978

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH JIA BAO

Địa chỉ văn phòng: DT: DT:



Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Nước thải sinh hoạt	120	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao ngày 08 tháng 08 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận ngày 09 tháng 08 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Đức
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 049639

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công ty TNHH JIA BAO

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ kho bãi:

ĐT:



CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Nguyên liệu sản xuất	120	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

13/07/2023 ngày 13 tháng 7 năm 2023

14/07/2023 ngày 14 tháng 7 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận

[Signature]

Nguyễn Văn Dũ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

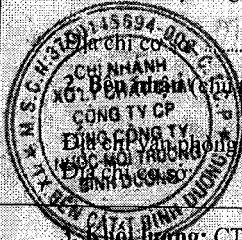
Số: **CN 056590**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

ĐT:



(chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHANH XU LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Nội dung: CTRCNTT chuyên giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày năm



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

ngày 30 tháng 8 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Đức

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 050362

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty TNHH Jia Bao

Địa chỉ văn phòng: DT 746, Tân Vĩnh Hiệp Th. BD DT:

Địa chỉ chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

DT: 02743.542.906
Fax: 02743.542.907
CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác Công Nghiệp Nhựa tái sinh	1170	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

BD, ngày 21 tháng 9 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC, ngày 22 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Đức

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CV 4103

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty TNHH Táo Đào (Việt Nam)

Địa chỉ văn phòng: DT:

Dia trong số: 10m 7ha 10m Vini thép 10 5/3 DT:

CHÍNH NHÃN CHỦ THỦ GOM, VẬN CHUYỂN HOẶC CHỦ XỬ LÝ): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
 Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

CHI NHANH XỬ LÝ CHẤT THẢI
 DT: 02743.642.906
 DT: 02743.543.528
 Fax: 02743.542.907
 CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

3) Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Nilon, mùt xốp	50	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

50 ngày 11 tháng 01 năm 2023

ngày 15 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 017972**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

CTRCNTT chuyển giao

	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	KCN	610	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Ngày **09** tháng **02** năm **2023**



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ngày **10** tháng **02** năm **2023**

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Nguyễn Văn Dủ

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN..... 00266

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển).....

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI ĐT: 0274.6566365

CHI NHÁNH CÔNG TY CP- TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: 0274.6564528-9

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

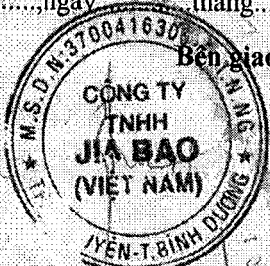
3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao(kg)	Ghi chú
1	Nước thải xấp	690	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 18 tháng 11 năm 2023

....., ngày 11 tháng 11 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 162 /2023/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

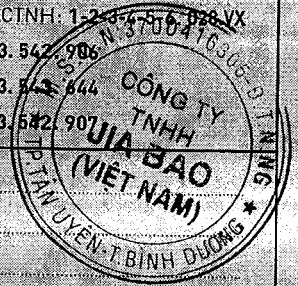
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

ĐT: 02743.542.986

ĐT: 02743.542.844

ĐT: 02743.542.907



2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty TNHH JIA BAO VN

Mã số QLCTNH: 74000.004.T

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất lỏng	✓			180201	05	TH
2	Bùn dính	✓			180106	04	HR
3	Nhiệt thải		✓		170203	05	TH
4	Bao bì Công nghiệp	✓			180102	06	TH
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế), TH (Trung hòa), PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa), OH (Oxy hoá), SH (Sinh học), DX (Đồng xử lý), TD (Thiêu đốt), HR (Hoà rắn), CL (Cấp/đóng kín), C (Chôn lấp), SC (Sơ chế), Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61004860

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày 04/01/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BĐ ngày 01/01/2023 năm 2023



Trần Cường

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 06 tháng 01 năm 2023



Bà Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số

☐

☐

☐

☐

☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mực)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: pl 16 /202 3 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. CHỦ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.644

ĐT: 02743.542.907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong đèn	✓			160106	2	HR
2	Cốc dầu	✓			180201	4	TD
3	phớt lọc	✓			170103	2	TD
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố (ấp/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

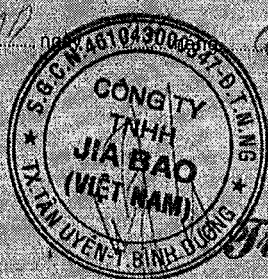
Ngày: 08.02.2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Bô Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số

☐

☐

☒

☐

☒

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mốc)

THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 7629 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Chất lỏng	✓			180201	05	TD
02	Bùn đen	✓			160106	04	HR
03	Bao bì Công nghiệp loại	✓			180102	06	TD
04	Chất thải		✓		170203	05	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

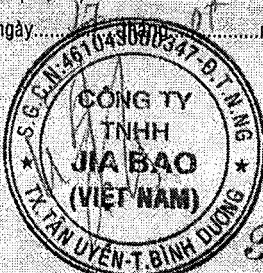
Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD

ngày

năm



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày

tháng

năm



@ Liên số

1

2

3

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11001/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:

..Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

..DT:

Địa chỉ cơ sở:

DATE

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Sida Bao.

..Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

DT

Địa chỉ cơ sở:

DT

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/thải chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

..Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C.08853

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

..Ký:

Ngày: 12/7/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày

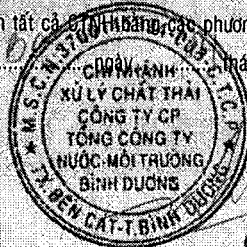
6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

....., ngày 12 tháng 7 năm 2023.



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả chất thải bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 13 tháng 7 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lâm
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

S6:/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273, 542, 907

..Mã số QLCTNH

DT

DT

Mã số QLCTNH

DT

EDT

[illegible]

..Cửa khẩu nhập

Ngày xuất cảng.

Cửa khẩu xuất:

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 610 88198

..Ký:..

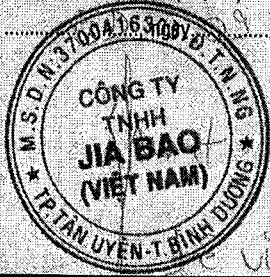
Ngà

Ký:

Ngà

8. Chủ CS DV XI. CINH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn là: Đã xử lý an toàn bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

tháng 8 năm 2025



Nguyễn Hoàng Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

20

3 

Ghi chú:

..(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5243/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:

...Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

..BT:

Địa chỉ cơ sở:

DT:

3. Chủ nguồn thải:

..Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

..DT:

Địa chỉ cơ sở:

DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

...Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng

...Cửa khẩu xuất

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 67C 0440

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

..Ký:..

..Ngày.

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

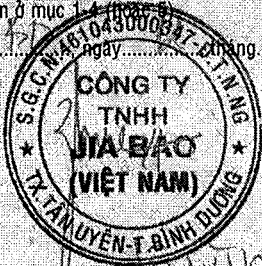
..Ký:..

..Ngày.

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (trên):

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ĐC ngày 14 tháng 11 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số

1

2 ☐3 

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận)



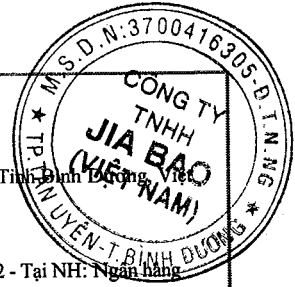
CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 520462

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 10/10/2023 (kèm theo bảng kê số 1286309893 ngày 12 tháng 10 năm 2023)	kWh	151.200	-	271.487.700
Cộng tiền hàng (Total amount):					271.487.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	21.719.016
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	293.206.716
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm linh sáu nghìn bảy trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 10/ 2023 13:14:33

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 544016

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2023 từ ngày 11/10/2023 đến ngày 20/10/2023	kWh	178.800	-	315.343.800
	(kèm theo bảng kê số 1292121762 ngày 23 tháng 10 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					315.343.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			25.227.504
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			340.571.304
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 23/ 10/ 2023 07:24:07

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 544441

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2023 từ ngày 21/10/2023 đến ngày 31/10/2023	kWh	162.400	-	290.811.300
	(kèm theo bảng kê số 1294338967 ngày 02 tháng 11 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					290.811.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	23.264.904
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	314.076.204
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm mười bốn triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/11/2023 21:01:55



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 466370

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 10/09/2023	kWh	109.700	-	192.662.400
	(kèm theo bảng kê số 1276877946 ngày 11 tháng 09 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					192.662.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			15.412.992
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			208.075.392
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Ngày ký: 11/09/2023 21:42:03

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 494208

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vinh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2023 từ ngày 11/09/2023 đến ngày 20/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1283318045 ngày 22 tháng 09 năm 2023)	kWh	171.100	-	305.494.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					305.494.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 24.439.560
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 329.934.060
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/09/2023 08:56:19

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 510221

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2023 từ ngày 21/09/2023 đến ngày 30/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1284165370 ngày 02 tháng 10 năm 2023)	kWh	171.300	-	302.875.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					302.875.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			24.230.048
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			327.105.648
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm hai mươi bảy triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 10/ 2023 12:08:44

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 414539

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 10/08/2023 (kèm theo bảng kê số 1267914423 ngày 11 tháng 08 năm 2023)	kWh	162.100	-	286.158.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					286.158.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 22.892.672
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 309.051.072
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm linh chín triệu không trăm năm mươi một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/08/2023 15:04:49



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 444354

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2023 từ ngày 11/08/2023 đến ngày 20/08/2023	kWh	162.900	-	282.938.400
	(kèm theo bảng kê số 1273451478 ngày 21 tháng 08 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					282.938.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			22.635.072
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			305.573.472
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm linh năm triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 08/ 2023 19:46:07

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THG

Số (No): 450584

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Jia Bao (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700416305

Địa chỉ (Address): ĐT746, xã Tân Vĩnh Hiệp, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060006976

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2023 từ ngày 21/08/2023 đến ngày 31/08/2023	kWh	193.000	-	339.977.200
	(kèm theo bảng kê số 1273955462 ngày 02 tháng 09 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					339.977.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			27.198.176
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			367.175.376
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/09/2023 06:04:32



BIỂU THEO DỠI NƯỚC MÁY

Tháng 8 năm 2023

NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	M3/NGÀY	GHI CHÚ
01/08/2023	1457	26	26	
02/08/2023	1483	23	23	
03/08/2023	1506	21	21	
04/08/2023	1527	20	20	
05/08/2023	1547	35	35	
06/08/2023	Chủ Nhật			
07/08/2023	1582	24	24	
08/08/2023	1606	23	23	
09/08/2023	1629	21	21	
10/08/2023	1650	21	21	
11/08/2023	1671	22	22	
12/08/2023	1693	37	37	
13/08/2023	Chủ Nhật			
14/08/2023	1730	23	23	
15/08/2023	1753	21	21	
16/08/2023	1774	23	23	
17/08/2023	1797	20	20	
18/08/2023	1817	23	23	
19/08/2023	1840	38	38	
20/08/2023	Chủ Nhật			
21/08/2023	1878	25	25	
22/08/2023	1903	27	27	
23/08/2023	1930	28	28	
24/08/2023	1958	12	12	
25/08/2023	1970	36	36	
26/08/2023	2006	34	34	
27/08/2023	Chủ Nhật			
28/08/2023	2040	32	32	
29/08/2023	2072	29	29	
30/08/2023	2101	19	19	
31/08/2023	2120			
	TC	562	562	

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Phê duyệt

Lập biểu



NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	M3/NGÀY	GHI CHÚ
01/09/2023	2161	17	17	
02/09/2023	2178	46	46	
03/09/2023	Chủ Nhật			
04/09/2023	2224	23	23	
05/09/2023	2247	25	25	
06/09/2023	2272	23	23	
07/09/2023	2295	22	22	
08/09/2023	2317	23	23	
09/09/2023	2340	65	65	
10/09/2023	Chủ Nhật			
11/09/2023	2405	32	32	
12/09/2023	2437	31	31	
13/09/2023	2468	25	25	
14/09/2023	2493	30	30	
15/09/2023	2523	39	39	
16/09/2023	2562	67	67	
17/09/2023	Chủ Nhật			
18/09/2023	2629	35	35	
19/09/2023	2664	28	28	
20/09/2023	2692	31	31	
21/09/2023	2723	33	33	
22/09/2023	2756	33	33	
23/09/2023	2789	54	54	
24/09/2023	Chủ Nhật			
25/09/2023	2843	25	25	
26/09/2023	2868	28	28	
27/09/2023	2896	30	30	
28/09/2023	2926	28	28	
29/09/2023	2954	19	19	
30/09/2023	2973			
	TC	697	697	

Lập biểu



Nguz



BIỂU THEO DÕI NƯỚC MÁY

Tháng 10 năm 2023

NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	M3/NGÀY	GHI CHÚ
01/10/2023	Chủ Nhật			
02/10/2023	3013	27		
03/10/2023	3040	23		
04/10/2023	3063	27		
05/10/2023	3090	26		
06/10/2023	3116	25		
07/10/2023	3141	40		
08/10/2023	Chủ Nhật			
09/10/2023	3181	27		
10/10/2023	3208	27		
11/10/2023	3235	29		
12/10/2023	3264	26		
13/10/2023	3290	28		
14/10/2023	3318	45		
15/10/2023	Chủ Nhật			
16/10/2023	3363	34		
17/10/2023	3397	26		
18/10/2023	3423	25		
19/10/2023	3448	26		
20/10/2023	3474	24		
21/10/2023	3498	62		
22/10/2023	Chủ Nhật			
23/10/2023	3560	103		
24/10/2023	3663	47		
25/10/2023	3710	39		
26/10/2023	3749	87		
27/10/2023	3836	44		
28/10/2023	3880			
29/10/2023	Chủ Nhật			
30/10/2023				
31/10/2023				
	TC	747	0	

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Phê duyệt

Lập biểu



KẾT QUẢ QUAN TRẮC LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Tháng 8 năm 2023

NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	GIẾNG SỐ 1		GIẾNG SỐ 2		M3/NGÀY
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	SỐ CHỈ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	
01/08/2023	38696	7	64202	78	85
02/08/2023	38703	7	64280	73	80
03/08/2023	38710	5	64353	79	84
04/08/2023	38715	6	64432	88	94
05/08/2023	38721	6	64520	81	87
06/08/2023	Chủ Nhật				
07/08/2023	38727	8	64601	80	88
08/08/2023	38735	8	64681	73	81
09/08/2023	38743	7	64754	68	75
10/08/2023	38750	6	64822	73	79
11/08/2023	38756	5	64895	69	74
12/08/2023	38761	6	64964	81	87
13/08/2023	Chủ Nhật				
14/08/2023	38767	8	65045	63	71
15/08/2023	38775	5	65108	59	64
16/08/2023	38780	7	65167	78	85
17/08/2023	38787	6	65245	69	75
18/08/2023	38793	6	65314	69	75
19/08/2023	38799	6	65383	81	87
20/08/2023	Chủ Nhật				
21/08/2023	38805	6	65464	74	80
22/08/2023	38811	6	65538	69	75
23/08/2023	38817	8	65607	59	67
24/08/2023	38825	9	65680	73	82
25/08/2023	38834	10	65753	71	81
26/08/2023	38844	9	65824	70	79
27/08/2023	Chủ Nhật				
28/08/2023	38853	7	65894	68	75
29/08/2023	38860	8	65962	67	75
30/08/2023	38868	6	66029	65	71
31/08/2023	38874		66094		
	TC	178	TC	1878	2056

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Phê duyệt

Thẩm tra

Lập biểu



KẾT QUẢ QUAN TRẮC LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Tháng 9 năm 2023

NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	GIẾNG SỐ 1		GIẾNG SỐ 2		M3/NGÀY
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	SỐ CHỈ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	
01/09/2023	Nghĩ Lễ				
02/09/2023					
03/09/2023	Chủ Nhật				
04/09/2023	38887	8	66173	78	86
05/09/2023	38895	5	66251	69	74
06/09/2023	38900	7	66320	71	78
07/09/2023	38907	6	66391	68	74
08/09/2023	38913	5	66459	69	74
09/09/2023	38918	6	66528	67	73
10/09/2023	Chủ Nhật				
11/09/2023	38924	7	66595	68	75
12/09/2023	38931	5	66663	67	72
13/09/2023	38936	7	66730	69	76
14/09/2023	38943	8	66799	69	77
15/09/2023	38951	8	66868	82	90
16/09/2023	38959	8	66950	79	87
17/09/2023	Chủ Nhật				
18/09/2023	38967	7	67029	65	72
19/09/2023	38974	7	67094	67	74
20/09/2023	38981	8	67161	68	76
21/09/2023	38989	5	67229	69	74
22/09/2023	38994	1	67298	69	70
23/09/2023	38995	6	67367	71	77
24/09/2023	Chủ Nhật				
25/09/2023	39001	6	67438	82	88
26/09/2023	39007	5	67520	79	84
27/09/2023	39012	6	67599	58	64
28/09/2023	39018	6	67657	79	85
29/09/2023	39024	6	67736	74	80
30/09/2023	39030		67810		
	TC	143	TC	1637	1780

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Phê duyệt

Thẩm tra

Lập biểu



KẾT QUẢ QUAN TRẮC LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Tháng 10 năm 2023

NGÀY GHI CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	GIẾNG SỐ 1		GIẾNG SỐ 2	
	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG	SỐ CHỈ ĐỒNG HỒ	LƯU LƯỢNG
01/10/2023	Chủ Nhật			
02/10/2023	Giếng Không Sử Dụng		67843	75
03/10/2023	39035		67918	70
04/10/2023			67988	68
05/10/2023			68056	76
06/10/2023			68132	80
07/10/2023			68212	69
08/10/2023	Chủ Nhật			
09/10/2023			68281	87
10/10/2023			68368	76
11/10/2023			68444	69
12/10/2023			68513	73
13/10/2023			68586	87
14/10/2023			68673	69
15/10/2023	Chủ Nhật			
16/10/2023			68742	73
17/10/2023			68815	82
18/10/2023			68897	79
19/10/2023			68976	83
20/10/2023			69059	79
21/10/2023			69138	81
22/10/2023	Chủ Nhật			
23/10/2023			69219	76
24/10/2023			69295	83
25/10/2023			69378	79
26/10/2023			69457	82
27/10/2023			69539	80
28/10/2023			69619	85
29/10/2023	Chủ Nhật			
30/10/2023			69704	79
31/10/2023			69783	
	TC	0	TC	1940

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam

Phê duyệt

Thẩm tra

Lập



QUAN TRẮC VIỆC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
NƯỚC THẢI SINH HOẠT & NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

NGÀY THÁNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	TỔNG LƯU LƯỢNG
01/08/2023	40520.27	9.3	25509.22	15.1	24.4
02/08/2023	40529.57	10.3	25524.32	13	23.3
03/08/2023	40539.87	11.5	25537.32	15	26.5
04/08/2023	40551.37	9.4	25552.32	16.3	25.7
05/08/2023	40560.77	11.3	25568.62	17	28.3
06/08/2023	Chủ Nhật				
07/08/2023	40572.07	10.1	25585.62	17	27.1
08/08/2023	40582.17	9.2	25602.62	18	27.2
09/08/2023	40591.37	8.9	25620.62	15.3	24.2
10/08/2023	40600.27	9.1	25635.92	15	24.1
11/08/2023	40609.37	9.8	25650.92	15	24.8
12/08/2023	40619.17	9.2	25665.92	18	27.2
13/08/2023	Chủ Nhật				
14/08/2023	40628.37	9.9	25683.92	17.2	27.1
15/08/2023	40638.27	7.9	25701.12	15	22.9
16/08/2023	40646.17	9.6	25716.12	16	25.6
17/08/2023	40655.77	10.1	25732.12	15.7	25.8
18/08/2023	40665.87	9.2	25747.82	17	26.2
19/08/2023	40675.07	10.9	25764.82	18	28.9
20/08/2023	Chủ Nhật				
21/08/2023	40685.97	9.6	25782.82	18	27.6
22/08/2023	40695.57	9.6	25800.82	16	25.6
23/08/2023	40705.17	8.8	25816.82	17	25.8
24/08/2023	40713.97	9.3	25833.82	18	27.3
25/08/2023	40723.27	10.6	25851.82	15	25.6
26/08/2023	40733.87	11.5	25866.82	14	25.5
27/08/2023	Chủ Nhật				
28/08/2023	40745.37	9.2	25880.82	17	26.2
29/08/2023	40754.57	8.8	25897.82	15	23.8
30/08/2023	40763.37	9.7	25912.82	16	25.7
31/08/2023	40773.07		25928.82		
Tổng cộng		193.50		315.40	508.90

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam
Phê duyệt

Thẩm tra

Ngày 31 tháng 08 năm 2023
Lập biểu



QUAN TRẮC VIỆC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
NƯỚC THẢI SINH HOẠT & NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

NGÀY THÁNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	TỔNG LƯU LƯỢNG
01/09/2023	40781.07	9.9	25936.12	17	26.9
02/09/2023	40790.97	10.3	25953.12	16	26.3
03/09/2023	Chủ Nhật				
04/09/2023	40801.27	11.2	25969.12	15	26.2
05/09/2023	40812.47	9.4	25984.12	15	24.4
06/09/2023	40821.87	10.1	25999.12	17	27.1
07/09/2023	40831.97	9.9	26016.12	16	25.9
08/09/2023	40841.87	7.8	26032.12	16	23.8
09/09/2023	40849.67	9.5	26048.12	15	24.5
10/09/2023	Chủ Nhật				
11/09/2023	40859.17	10.6	26063.12	13	23.6
12/09/2023	40869.77	10.1	26076.12	14	24.1
13/09/2023	40879.87	9.22	26090.12	18	27.22
14/09/2023	40889.09	9.3	26108.12	17	26.3
15/09/2023	40898.39	10.7	26125.12	19	29.7
16/09/2023	40909.09	9.3	26144.12	19	28.3
17/09/2023	Chủ Nhật				
18/09/2023	40918.39	9.5	26163.12	17	26.5
19/09/2023	40927.89	10.1	26180.12	16	26.1
20/09/2023	40937.99	9.3	26196.12	15	24.3
21/09/2023	40947.29	10.4	26211.12	16	26.4
22/09/2023	40957.69	9.6	26227.12	15	24.6
23/09/2023	40967.29	8.5	26242.12	17	25.5
24/09/2023	Chủ Nhật				
25/09/2023	40975.79	11.3	26259.12	16	27.3
26/09/2023	40987.09	9.2	26275.12	13	22.2
27/09/2023	40996.29	10.9	26288.12	17	27.9
28/09/2023	41007.19	11.3	26305.12	15	26.3
29/09/2023	41018.49	12.4	26320.12	13	25.4
30/09/2023	41030.89		26333.12		
Tổng cộng		211.02		339.00	550.02

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam
Phê duyệt

Thẩm tra

Ngày 30 tháng 09 năm 2023
Lập biểu



QUẢN TRÁC VIỆC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
NƯỚC THẢI SINH HOẠT & NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

NGÀY THÁNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	LƯU LƯỢNG NƯỚC SX XẢ RA (M3)	LƯU LƯỢNG	TỔNG LƯU LƯỢNG
01/10/2023	Chủ Nhật				
02/10/2023	41037.89	5	26338.12	5	10
03/10/2023	41042.89	6	26343.12	7	13
04/10/2023	41048.89	4.3	26350.12	6	10.3
05/10/2023	41053.19	3.5	26356.12	4	7.5
06/10/2023	41056.69	6.2	26360.12	7	13.2
07/10/2023	41062.89	4.1	26367.12	6	10.1
08/10/2023	Chủ Nhật				
09/10/2023	41066.99	5.5	26373.12	6	11.5
10/10/2023	41072.49	2.9	26379.12	5	7.9
11/10/2023	41075.39	4.3	26384.12	6	10.3
12/10/2023	41079.69	5.5	26390.12	5	10.5
13/10/2023	41085.19	6.3	26395.12	5	11.3
14/10/2023	41091.49	4.4	26400.12	6	10.4
15/10/2023	Chủ Nhật				
16/10/2023	41095.89	5.5	26406.12	6	11.5
17/10/2023	41101.39	2.6	26412.12	7	9.6
18/10/2023	41103.99	4.1	26419.12	6	10.1
19/10/2023	41108.09	5.5	26425.12	7	12.5
20/10/2023	41113.59	7.1	26432.12	7	14.1
21/10/2023	41120.69	8.2	26439.12	6	14.2
22/10/2023	Chủ Nhật				
23/10/2023	41128.89	6	26445.12	7	13
24/10/2023	41134.89	3	26452.12	5	8
25/10/2023	41137.89	5.1	26457.12	6	11.1
26/10/2023	41142.99	4.3	26463.12	5	9.3
27/10/2023	41147.29	5.2	26468.12	7	12.2
28/10/2023	41152.49	6.6	26475.12	7	13.6
29/10/2023	Chủ Nhật				
30/10/2023	41159.09	4	26482.12	6	10
31/10/2023	41163.09		26488.12		
Tổng cộng		106.40		150.00	275.20

Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam
Phê duyệt

Thẩm tra

Ngày 31 tháng 10 năm 2023
Lập biểu

HỒ SƠ THIẾT KẾ	
VLC-CN-HSCG/0414	
PHẦN KẾ SỔ	TỔNG TỌA Đ.
CN - G1	
LƯU Ý: 05 - 2014	



TỈ LỆ: 1/1000
ĐƠN VỊ: MÉT



ĐẦU RA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

ĐẦU RA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

(ST) ĐAU RA NƯỚC MƯA

[in] HỒ THU NƯỚC

HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA

HE THONG THU GOM NUOC THAI SINH HOAT

HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

———— DẦU RA SAU KHI XỬ LÝ

GHI CHÚ:

A NIA XINGO A. AI

II **MLA XUCPO II**

© MIA KHO

(f) NILA AND D1, D2, D3, D4, D5

E NİL XÜNGÜ CAY

F MIA VANTONMI

6 ЮНЬ

II. NỘI DUNG CỤ THỂ

Q

ΟΙΚΥ ΤΗΚ' ΧΑ

K **STUDIOS KITHON**

Q NIA 11401

▶ ΠΛΟΥΤΕΣ

NBAO VE 1

Q KINH NGHIỆM LUYỆN

LOREN

 XEROX

SINCE 1980

— LỜI DI BỎ

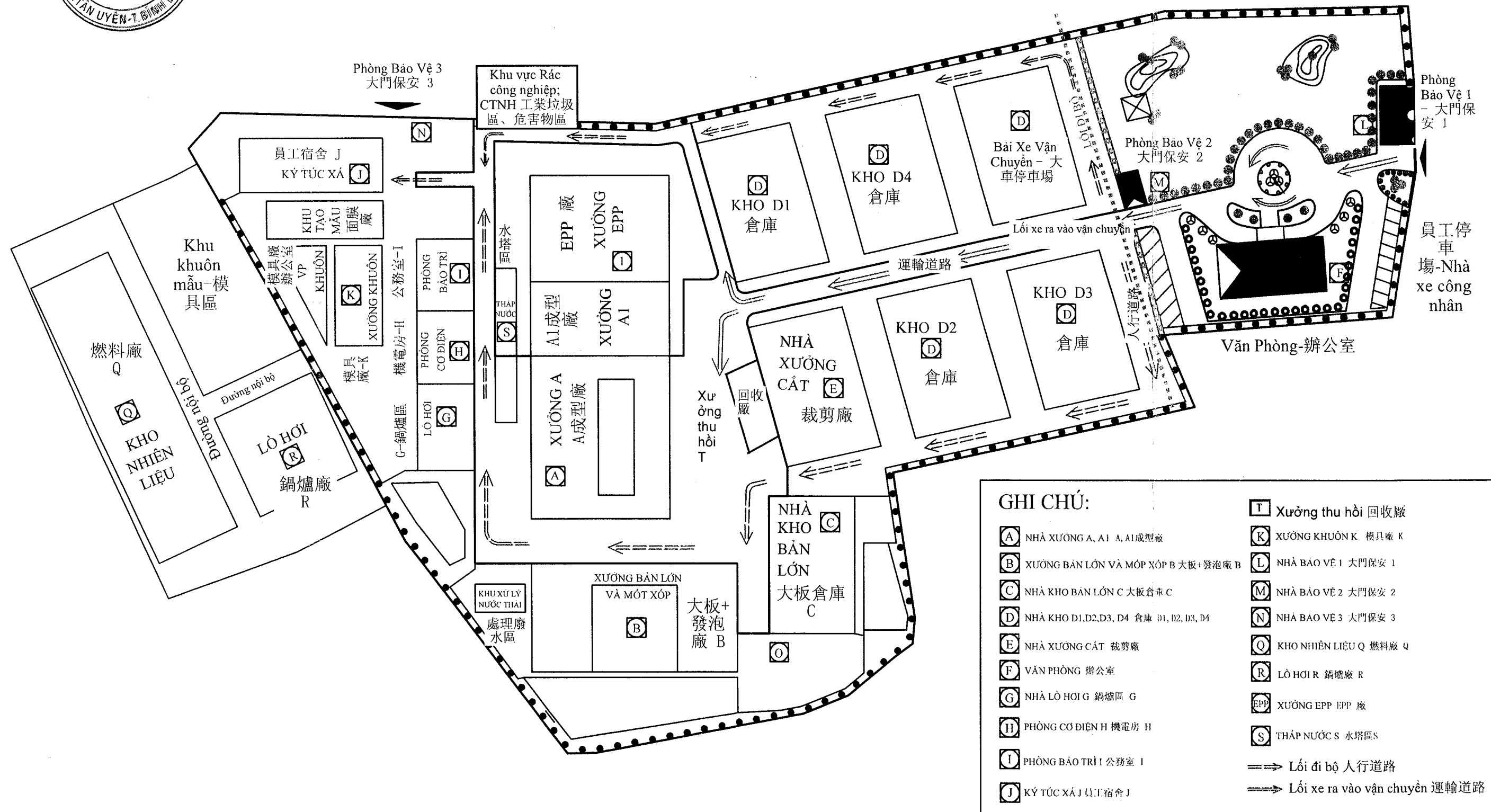
—> LỜI XÉT THU

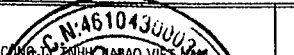
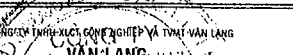
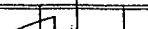
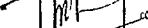
Scanned with CamScanner

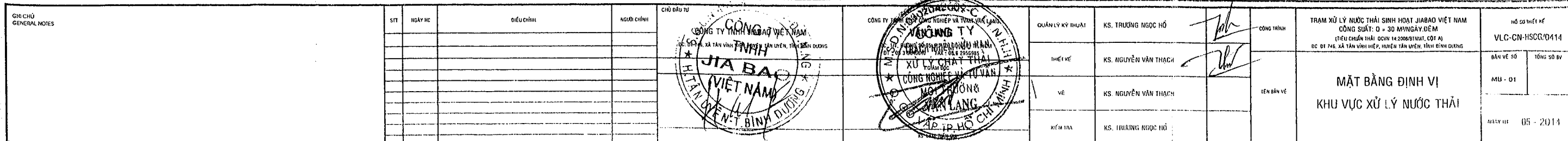


SƠ ĐỒ TỔNG THỂ CÔNG TY JIA BAO

TỈ LỆ: 1/1000
ĐƠN VỊ: MÉT



GHỊ CHÚ	STT	NGÀY HC	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH	CHỦ ĐẦU TƯ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. TRƯNG NGỌC HỒ	CÔNG TRÌNH	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT JIABAO VIỆT NAM CÔNG SUẤT: 0 = 20 M3/NGÀY.ĐÊM (TIÊU CHUẨN THẢI QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT A) ĐC: ĐT 746, XÃ TÂN VINH HIỆP, HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	HỒ SƠ THIẾT KẾ VLC-CN-HSCG/04.14
					 			MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT JIABAO VIỆT NAM	BẢN VẼ SỐ MB - 02	NGÀY HẾT 05 - 2014
						KS. NGUYỄN VĂN THẠCH				
						KS. NGUYỄN VĂN THẠCH				
						KS. TRƯNG NGỌC HỒ				



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...01...tháng...06...năm 2014..

Ngày... tháng... năm 2014..	
ĐD Công Ty	ĐD Công Ty
B01 HỒ TH	Ngân Lạp
B02 BẾ Đ	Nguyễn Văn Thanh

B03 BE SBR

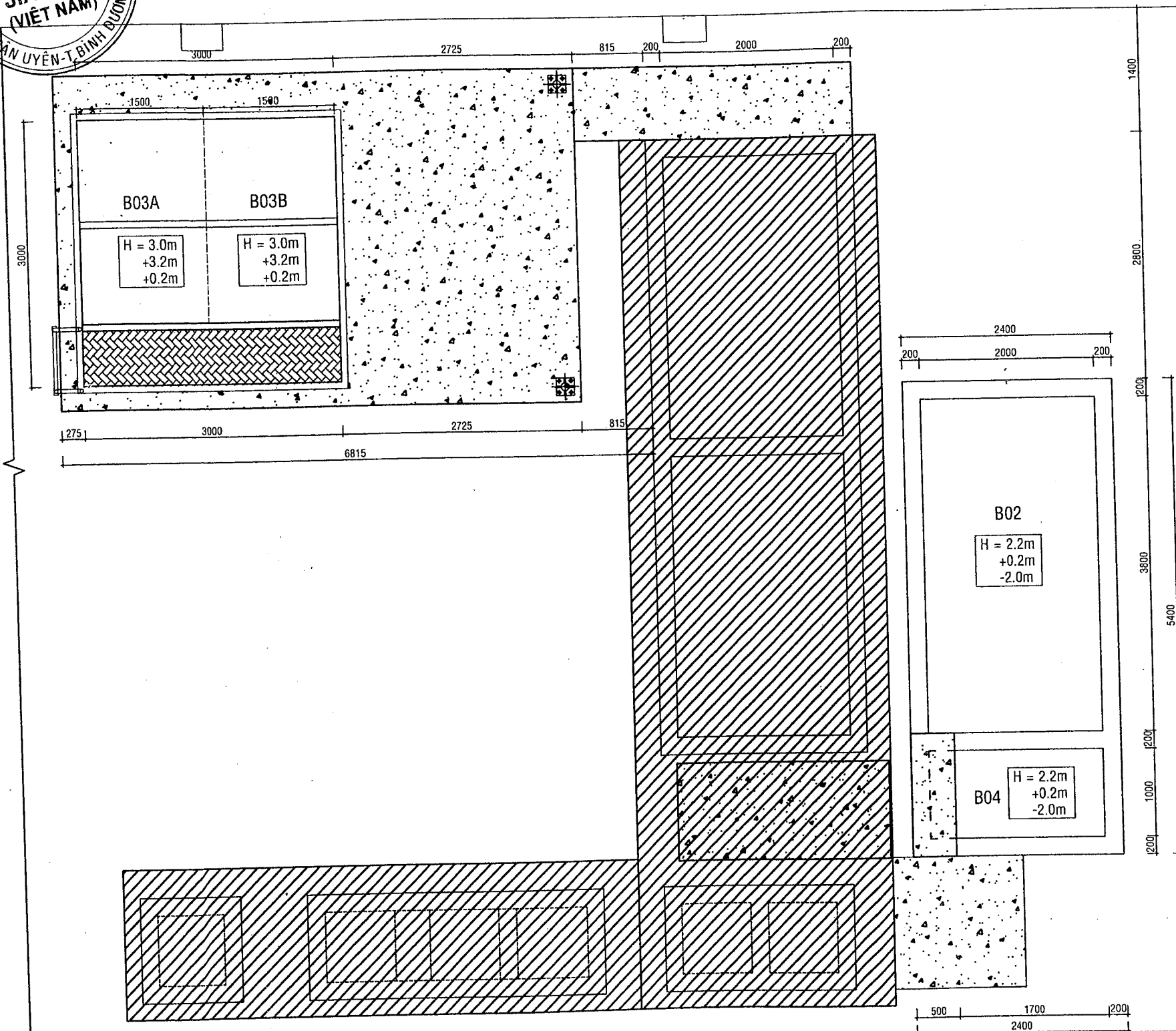
B04 BỂ TRUNG GIAN

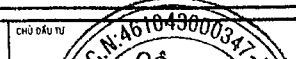
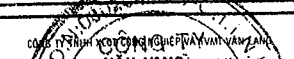
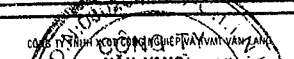
B05 BỂ LỌC ÁP LỰC

B06 THIẾT BỊ KHỬ TRÙNG

B07 BỒN CHỨA BÙN

 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



GHI CHÚ GENERAL NOTES	STT	NGÀY HC	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH	CHỮ ĐẤU TỰ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. TRƯỜNG NGỌC HỒ	CÔNG TRÌNH	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT JIABAO VIỆT NAM CÔNG SUẤT: Q = 30 M ³ /NGÀY ĐÊM (THIẾT CHUẨN THẢI QCVN 14:2008/QHMT, CỘT A) ĐC: ĐT 746, XÃ TÂN VINH HIỆP, HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH BÙNH DƯƠNG	HỒ SƠ THIẾT KẾ VLC-CN-HSCG/0414	
						THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN THẠCH		BẢN VẼ SỐ	TỔNG SỐ BT	
							VẼ		KS. NGUYỄN VĂN THẠCH	MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT JIABAO VIỆT NAM	Ngày thi 05 - 2014
							Kiểm tra		KS. TRƯỜNG NGỌC HỒ		

HỒ SƠ THIẾT KẾ	
VLC-CN-HSCG/0414	
BẢN VẼ SỐ	TỔNG SỐ BÝ
MB - 05	
05 - 2014	



KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

VIMCERTS 137

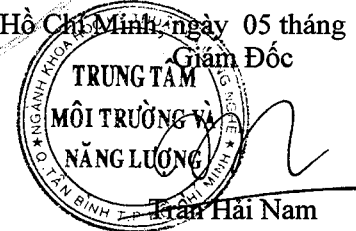
Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.**
Tên mẫu : **Nước mặt tại suối Con cách vị trí xả nước thải vào suối Con 30m về phía hạ nguồn**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước mặt – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667 – 6 : 1990)**
Ngày lấy mẫu : **29/03/2022**
Phiếu yêu cầu : **YC-29.03-NM95**
Mã số hóa mẫu : **EC-29.03-NM95**

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 08: 2015/BTNMT Cột A2	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	pH	-	6,67	6 - 8,5	TCVN 6492 – 1999
02	BOD ₅	mg/l	8	6	TCVN 6001 – 1995
03	COD	mg/l	16	15	TCVN 6491 – 1999
04	TSS	mg/l	27	30	TCVN 6625 - 2000
05	Nitrat	mg/l	0,15	5	TCVN 6494 - 1999
06	Nitrit	mg/l	KPH	0,02	TCVN 6494 - 1999
07	Phosphat	mg/l	0,012	0,2	TCVN 6216 - 1996
08	Amoni	mg/l	0,07	0,2	TCVN 5988 - 1995
09	Coliform*	MPN/100ml	3,1 x 10 ³	5000	TCVN 6187 – 1 - 1996

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN&MT, I37



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Vị trí lấy mẫu : Khí thải đo tại ống khói lò hơi (KT1, KT2 nhiên liệu đốt mặc cưa) sau HTXL (Đo tại nguồn thải)
Lấy mẫu trong điều kiện : Công ty đang hoạt động bình thường
Mô tả : Ống phát thải dạng tròn

Ngày lấy mẫu : 29/03/2022
Phiếu yêu cầu số : YC-29.03-KT95
Mã số hóa mẫu : EC-29.03-KT95

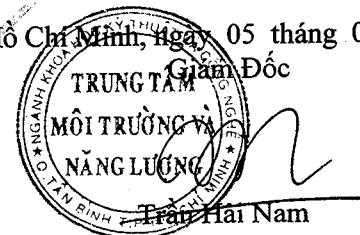
viết là

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT		THIẾT BỊ/PHƯƠNG PHÁP THỬ
					Giá trị giới hạn A	Giá trị giới hạn B	
			KT 1	KT2			
1	Lưu lượng*	m ³ /h	P<20.000	P<20.000	-	-	TESTO 350
2	Bụi tổng*	mg/Nm ³	97	96	400	200	TCVN 5067:1995
3	NO _x	mg/Nm ³	102	109	1000	850	TESTO 350
4	SO ₂	mg/Nm ³	125	127	1500	500	TESTO 350
5	CO	mg/Nm ³	561	553	1000	1000	TESTO 350

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện
4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT 137



VIMCERTS 137

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít cặn.
Phương pháp lấy mẫu : Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)

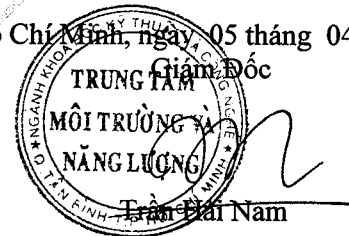
Ngày lấy mẫu : 29/03/2022
Phiếu yêu cầu : YC-29.03-NT95
Mã số hóa mẫu : EC-29.03-NT95

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40: 2011/BTNMT		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				A	B	
01	pH	-	6,28	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	42	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅	mg/l	28	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	Amonia	mg/l	3,44	5	10	TCVN 5988:1995
05	Nitrat	mg/l	4,26	20	40	TCVN 6494-1:2011
06	Phosphate	mg/l	1,08	4	6	TCVN 6494-1:2011
07	Tổng coliform*	MPN/100ml	2,7 x 10 ³	3000	5000	TCVN 6187-1:2009

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022



Ghi chú:

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3.KPH: Không phát hiện

4.Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT,137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sản xuất Sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít cặn.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

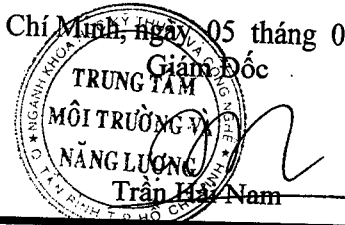
Ngày lấy mẫu : **29/03/2022**
Phiếu yêu cầu : **YC-29.03-NT95**
Mã số hóa mẫu : **EC-29.03-NT95**

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				40: 2011/BTNMT		
				A	B	
01	pH	-	6,25	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	47	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD	mg/l	24	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	61	75	150	TCVN 6001:1995
05	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	1,08	5	10	US EPA METHOD 1664
06	Tổng P	mg/l	1,01	4	6	TCVN 6494 – 1:2011

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu như

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của RA TN & MT 137



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Vị trí lấy mẫu : Khí thải đo tại ống khói lò hơi hơi (KT1: nhiên liệu đốt than, KT2 nhiên liệu đốt mạt cưa)sau HTXL(Đo tại nguồn thải)
Lấy mẫu trong điều kiện : Công ty đang hoạt động bình thường
Mô tả : Ống phát thải dạng tròn

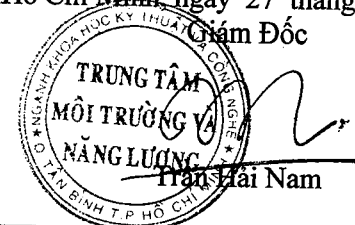
Ngày lấy mẫu : 20/12/2022
Phiếu yêu cầu số : YC-22.12-631
Mã số hóa mẫu : EC-22.12-KT631

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT		THIẾT BỊ/PHƯƠNG PHÁP THỬ
					Giá trị giới hạn A	Giá trị giới hạn B	
			KT 1	KT2			
1	Lưu lượng	m³/h	P<20.000	P<20.000	-	-	TESTO 350
2	Bụi tổng	mg/Nm³	82	93	400	200	TCVN 5067:1995
3	NO _x	mg/Nm³	75	101	1000	850	TESTO 350
4	SO ₂	mg/Nm³	108	114	1500	500	TESTO 350
5	CO	mg/Nm³	228	516	1000	1000	TESTO 350

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



Ghi chú:

1.Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2.(*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận

3.KPH: Không phát hiện

4.Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít căn.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

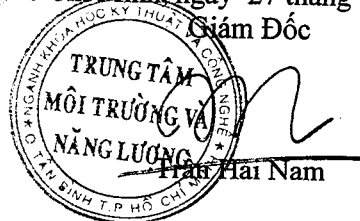
Ngày lấy mẫu : **20/12/2022**
Phiếu yêu cầu : **YC-22.12-631**
Mã số hóa mẫu : **EC-22.12-NT631**

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				40: 2011/BTNMT		
				A	B	
01	pH	-	6,32	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	35	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅	mg/l	24	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	Amonia	mg/l	3,45	5	10	TCVN 5988:1995
05	Nitrat	mg/l	1,62	20	40	TCVN 6494-1:2011
06	Phosphate	mg/l	1,00	4	6	TCVN 6494-1:2011
07	Tổng coliform*	MPN/100ml	2,8 x 10 ³	3000	5000	TCVN 6187-1:2009

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



Ghi chú:

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3.KPH: Không phát hiện

4.Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT,137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.caec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sản xuất Sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, đựng dịch trong ít cạn.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

Ngày lấy mẫu : **20/12/2022**
Phiếu yêu cầu : **YC-22.12-631**
Mã số hóa mẫu : **EC-22.12-NT631**

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40: 2011/BTNMT		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				A	B	
01	pH	-	6,35	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	32	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD	mg/l	22	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	34	75	150	TCVN 6001:1995
05	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	1,02	5	10	US EPA METHOD 1664
06	Tổng P	mg/l	0,85	4	6	TCVN 6494 – 1:2011

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Đình Long
Mac Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



Trần Hải Nam
Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Vị trí lấy mẫu : **Khí thải đo tại ống khói lò hơi (KT1, KT2 nhiên liệu đốt mặc cưa) sau HTXL(Đo tại nguồn thải)**
Lấy mẫu trong điều kiện : **Công ty đang hoạt động bình thường**
Mô tả : **Ống phát thải dạng tròn**

Ngày lấy mẫu : 27/06/2022
Phiếu yêu cầu số : YC-22.06-216

Mã số hóa mẫu : EC-22.06-KT216

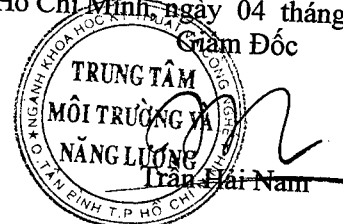
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT		THIẾT BỊ/PHƯƠNG PHÁP THỬ
					Giá trị giới hạn A	Giá trị giới hạn B	
			KT 1	KT2			
1	Lưu lượng	m ³ /h	P<20.000	P<20.000	-	-	TESTO 350
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	84	91	400	200	TCVN 5067:1995
3	NO _x	mg/Nm ³	92	102	1000	850	TESTO 350
4	SO ₂	mg/Nm ³	107	116	1500	500	TESTO 350
5	CO	mg/Nm ³	524	538	1000	1000	TESTO 350

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2022

Giám Đốc



Ghi chú:

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
- (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận

3.KPH: Không phát hiện

4.Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít cặn.
Phương pháp lấy mẫu : Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)

Ngày lấy mẫu : 27/06/2022
Phiếu yêu cầu : YC-22.06-216
Mã số hóa mẫu : EC-22.06-NT216

Việt Nam - Nước thải - TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)

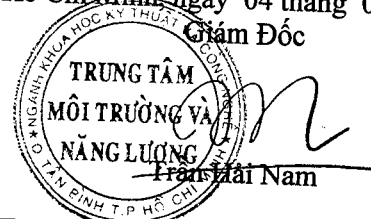
STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				40: 2011/BTNMT		
				A	B	
01	pH	-	6,24	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	35	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅	mg/l	26	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	Amonia	mg/l	3,02	5	10	TCVN 5988:1995
05	Nitrat	mg/l	1,56	20	40	TCVN 6494-1:2011
06	Phosphate	mg/l	1,04	4	6	TCVN 6494-1:2011
07	Tổng coliform*	MPN/100ml	2,7 x 10 ³	3000	5000	TCVN 6187-1:2009

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2022

Giám Đốc



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

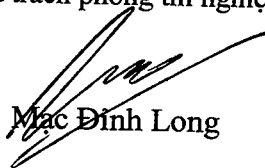
VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sản xuất Sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít cặn.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

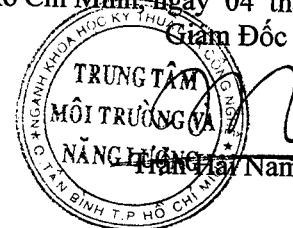
Ngày lấy mẫu : 27/06/2022
Phiếu yêu cầu : YC-22.06-216
Mã số hóa mẫu : EC-22.06-NT216

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40: 2011/BTNMT		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				A	B	
01	pH	-	6,25	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	34	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD	mg/l	26	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	38	75	150	TCVN 6001:1995
05	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	1,23	5	10	US EPA METHOD 1664
06	Tổng P	mg/l	1,02	4	6	TCVN 6494 – 1:2011

Phụ trách phòng thí nghiệm


Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Ngày lấy mẫu : 29/09/2022
Vị trí lấy mẫu : Khí thải đo tại ống khói lò hơi (KT1: nhiên liệu đốt than, KT2 nhiên liệu đốt mạc cưa)sau HTXL (Đo tại nguồn thải) Phiếu yêu cầu số : YC-22.09-KT469
Lấy mẫu trong điều kiện : Công ty đang hoạt động bình thường Mã số hóa mẫu : EEC-22.09-KT469
Mô tả : Ống phát thải dạng tròn

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT		THIẾT BỊ/PHƯƠNG PHÁP THỬ
					Giá trị giới hạn A	Giá trị giới hạn B	
			KT 1	KT2			
1	Lưu lượng*	m ³ /h	P<20.000	P<20.000	-	-	TESTO 350
2	Bụi tổng*	mg/Nm ³	88	86	400	200	TCVN 5067:1995
3	NO _x	mg/Nm ³	96	105	1000	850	TESTO 350
4	SO ₂	mg/Nm ³	87	123	1500	500	TESTO 350
5	CO	mg/Nm ³	326	551	1000	1000	TESTO 350

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2022

Giám Đốc

TRUNG TÂM
MÔI TRƯỜNG VÀ
NĂNG LƯỢNG
Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít cặn.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

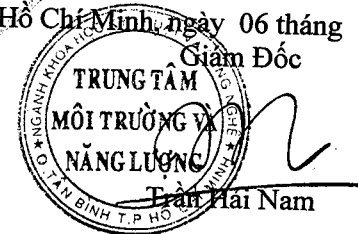
Ngày lấy mẫu : 29/09/2022
Phiếu yêu cầu : YC-22.09-NT469
Mã số hóa mẫu : EEC-22.09-NT469

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40: 2011/BTNMT		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				A	B	
01	pH	-	6,33	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	44	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅	mg/l	29	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	Amonia	mg/l	3,27	5	10	TCVN 5988:1995
05	Nitrat	mg/l	4,23	20	40	TCVN 6494-1:2011
06	Phosphate	mg/l	1,06	4	6	TCVN 6494-1:2011
07	Tổng coliform*	MPN/100ml	2,4 x 10 ³	3000	5000	TCVN 6187-1:2009

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

VIMCERTS 137

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Nước thải sản xuất Sau hệ thống xử lý**
Mô tả mẫu : **Mẫu đựng trong bình nhựa 2 lít, dung dịch trong ít can.**
Phương pháp lấy mẫu : **Nước thải – TCVN 5999 : 1995 (ISO 5667:10:1992)**

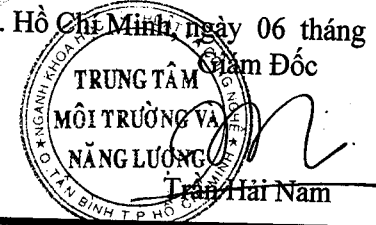
Ngày lấy mẫu : 29/09/2022
Phiếu yêu cầu : YC-22.09-NT469
Mã số hóa mẫu : EEC-22.09-NT469

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN		PHƯƠNG PHÁP THỬ
				40: 2011/BTNMT		
				A	B	
01	pH	-	6,31	6 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:1999
02	TSS	mg/l	39	50	100	TCVN 6625:2000
03	BOD	mg/l	25	30	50	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	58	75	150	TCVN 6001:1995
05	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	2,02	5	10	US EPA METHOD 1664
06	Tổng P	mg/l	1,03	4	6	TCVN 6494 – 1:2011

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2 (*) Chỉ tiêu nhà thầu

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của RA TN & MT 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

VIMCERTS 137

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Không khí**
Lấy mẫu trong điều kiện : **Công ty đang hoạt động bình thường**

Ngày lấy mẫu : **20/12/2022**
Phiếu yêu cầu số : **YC-22.12-631**
Mã số hóa mẫu : **EC-22.12-KK631**

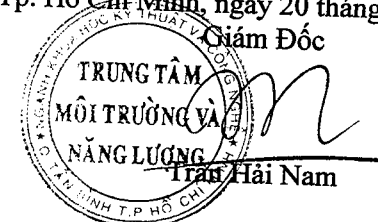
STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Độ ồn (dBA)	VOC* (mg/m ³)
01	Khu vực ngoài cổng bảo vệ	0,11	0,10	3,5	0,08	61 - 63	-
02	Khu vực xưởng chính – xưởng định hình	0,18	0,12	3,1	0,11	62 - 64	-
03	Khu vực xưởng cắt hạt nhựa	0,21	0,14	3,2	0,14	63 - 65	1,01
04	Khu vực sấy	0,19	0,14	2,1	0,15	62 - 64	0,05
PHƯƠNG PHÁP THỬ		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	Folin- Ciocalteu- 52 TCN 352-89	TCVN 6137:1996	ISO 1996:2-2007	TCVN 6561:1999
QCVN 05 : 2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT MTKK xung quanh (TB 1h)		0,3	0,35	30	0,2	-	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT Khu vực thông thường (từ 6 giờ đến 21 giờ)		-	-	-	-	70	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)		8	10	40	10	≤ 85	-

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Giám Đốc



Trần Hải Nam

Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT 127



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Không khí**
Lấy mẫu trong điều kiện : **Công ty đang hoạt động bình thường**

Ngày lấy mẫu : **29/09/2022**
Phiếu yêu cầu số : **YC-22.09-KT469**
Mã số hóa mẫu : **EEC-22.09-KT469**

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Độ ồn (dBA)	VOC* (mg/m ³)
01	Khu vực ngoài cổng bảo vệ	0,13	0,12	4,2	0,08	62 - 64	-
02	Khu vực xưởng chính – xưởng định hình	0,22	0,08	3,4	0,11	60 - 62	-
03	Khu vực xưởng cắt hạt nhựa	0,21	0,11	3,1	0,09	64 - 66	1,03
04	Khu vực sấy	0,19	0,12	2,7	0,10	62 - 64	0,07
PHƯƠNG PHÁP THỬ		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	Folin- Ciocalteu- 52 TCN 352-89	TCVN 6137:1996	ISO 1996:2-2007	TCVN 6561:1999
QCVN 05 : 2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT MTKK xung quanh (TB 1h)		0,3	0,35	30	0,2	-	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT Khu vực thông thường (từ 6 giờ đến 21 giờ)		-	-	-	-	70	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)		8	10	40	10	≤ 85	-

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mạc Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2022

Trần Hải Nam
Giám Đốc
TRUNG TÂM
MÔI TRƯỜNG VÀ
NĂNG LƯỢNG
T. P. HỒ CHÍ MINH

Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: 314 Trường Chinh - Phường 13 - Tân Bình - Tp. HCM
Tel: (08) 3810 7632 - Fax: (08) 3810 6407
Website: www.eaec.vn

VIMCERTS 137

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Nơi lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM**
Địa chỉ : **ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**
Tên mẫu : **Không khí**
Lấy mẫu trong điều kiện : **Công ty đang hoạt động bình thường**

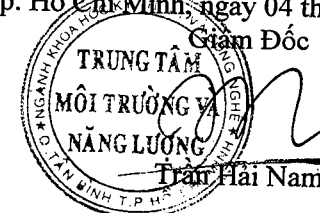
Ngày lấy mẫu : **27/06/2022**
Phiếu yêu cầu số : **YC-22.06-216**
Mã số hóa mẫu : **EC-22.06-KK216**

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Độ ồn (dBA)	VOC* (mg/m ³)
01	Khu vực ngoài cổng bảo vệ	0,13	0,11	3,7	0,09	62 - 64	-
02	Khu vực xưởng chính - xưởng định hình	0,19	0,14	3,2	0,10	63 - 65	-
03	Khu vực xưởng cắt hạt nhựa	0,22	0,15	3,4	0,11	64 - 66	1,03
04	Khu vực sấy	0,21	0,12	2,2	0,11	62 - 64	0,04
PHƯƠNG PHÁP THỬ		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	Folin- Ciocalteu- 52 TCN 352-89	TCVN 6137:1996	ISO 1996:2-2007	TCVN 6561:1999
QCVN 05 : 2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT MTKK xung quanh (TB 1h)		0,3	0,35	30	0,2	-	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT Khu vực thông thường (từ 6 giờ đến 21 giờ)		-	-	-	-	70	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT - 10/10/2002)		8	10	40	10	≤ 85	-

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Dinh Long
Mac Dinh Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (8) Chỉ dấu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận theo BS TN & MT 137



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 137

Nơi lấy mẫu : CÔNG TY TNHH JIA BAO VIỆT NAM
Địa chỉ : ĐT 746, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Tên mẫu : Không khí
Lấy mẫu trong điều kiện : Công ty đang hoạt động bình thường

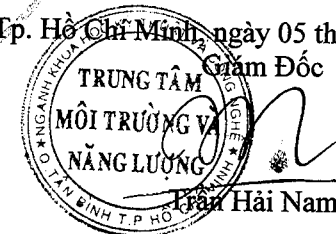
Ngày lấy mẫu : 29/03/2022
Phiếu yêu cầu số : YC-29.03-KT95
Mã số hóa mẫu : EC-29.03-KT95

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Độ ồn (dBA)	VOC* (mg/m ³)
01	Khu vực ngoài cổng bảo vệ	0,12	0,10	4,0	0,09	61 - 63	-
02	Khu vực xưởng chính – xưởng định hình	0,20	0,09	3,2	0,10	60 - 62	-
03	Khu vực xưởng cắt hạt nhựa	0,23	0,13	3,0	0,08	63 - 65	1,01
04	Khu vực sấy	0,21	0,10	2,12	0,10	62 - 64	0,08
PHƯƠNG PHÁP THỬ		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	Folin- Ciocalteu- 52 TCN 352-89	TCVN 6137:1996	ISO 1996:2-2007	TCVN 6561:1999
QCVN 05 : 2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT MTKK xung quanh (TB 1h)		0,3	0,35	30	0,2	-	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT Khu vực thông thường (từ 6 giờ đến 21 giờ)		-	-	-	-	70	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)		8	10	40	10	≤ 85	-

Phụ trách phòng thí nghiệm

Mac Đình Long

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022



Ghi chú:

1. Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
2. (*) Chỉ tiêu nhà thầu phụ

3. KPH: Không phát hiện

4. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận của Bộ TN & MT, 137

Số: 1629 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Công văn số 75/CV-MTNL ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc nộp lại hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung sau khi họp Hội đồng thẩm định và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Năng lượng;

Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá của Tổng cục Môi trường về điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Năng lượng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chúng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với **Trung tâm Môi trường và Năng lượng** theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014, mã số **VIMCERTS 137** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Năng lượng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

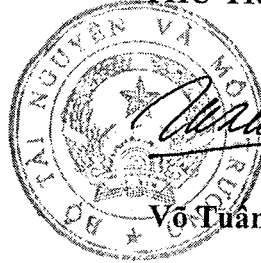
Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Năng lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;
- Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả;
- Lưu: VT, TCMT, QLCL(10)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Đối với Trung tâm Môi trường và Năng lượng

(Kèm theo Quyết định số 1623.../QĐ-BTNMT ngày 24... tháng 7... năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	SWEWW 4500 – O.G:2017	0 ÷ 20 mg/L
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 60° C
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD – PTN – 01	0 ÷ 999 ppm

HD – PTN – 01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 5994:1995

1.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	0,7 mg/L
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3,2 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D:2017	3,0 mg/L
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,03 mg/L
5	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194: 1996	3,0 mg/L
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017	0,02 mg/L
7	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2017	0,03 mg/L
8	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	3,0 mg/L

9	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,04 mg/L
10	Độ cứng	SMEWW 2340C:2017	3,2 mg/L
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,04 mg/L
12	Độ màu	SMEWW 2120C:2017	5,0 Pt-Co

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 60° C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD – PTN – 01	0 ÷ 999 ppm

HD – PTN – 01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995

1.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	0,7 mg/L
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,2 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,04 mg/L
5	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017	0,02 mg/L
7	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2017	0,03 mg/L
8	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
9	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	0,22 mg/L
10	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,04 mg/L

11	Độ màu	SMEWW 2120C:2017	5,0 Pt-Co
----	--------	------------------	-----------

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Hàm lượng ôxy hòa tan (DO)	SWEWW 4500 – O.G:2017	0 ÷ 20 mg/L
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:20127	4 ÷ 60° C
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD – PTN – 01	0 ÷ 999 ppm

HD-PTN-01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-11:2011

1.3.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	0,7 mg/L
2	Pemanganate	TCVN 6186 :1996	0,25 mg/L
3	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	2,0 mg/L
4	Độ cứng	TCVN 6224:1996	2,8 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,03 mg/L
6	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017	0,02 mg/L
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2017	0,01 mg/L
9	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
10	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,04 mg/L
11	Độ màu	SMEWW 2120C:2017	5,0 Pt-Co

1.4. Nước mưa

1.4.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	1 ÷ 200 mS/cm
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD – PTN – 01	0 ÷ 999 ppm

HD-PTN-01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước mưa	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 5997:1995; TCVN 6663-14:2000

1.4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
2	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,03 mg/L
3	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017	0,02 mg/L
4	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2017	0,01 mg/L
5	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	2,0 mg/L

1.5. Nước biển

1.5.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	SWEWW 4500 – O.G:2017	0 ÷ 20 mg/L
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 60 ⁰ C
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD – PTN – 01	0 ÷ 999 ppm

HD-PTN-01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 5998:1995

1.5.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2017	3,0 mg/L
2	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,03 mg/L
3	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2017	0,02 mg/L
4	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2017	0,03 mg/L
5	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,04 mg/L

2. Khí

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Tiếng ồn	TCVN 7878 -2 :2010	30 ÷ 130 dBA
2	Nhiệt độ	TCVN 5508 :2009	0 ÷ 70 °C
3	Độ ẩm	TCVN 5508 :2009	10 ÷ 95 %
4	Đo tốc độ gió	TCVN 5508 :2009	0,4 ÷ 30m/s

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	SO ₂	TCVN 5971:1995
2	NO ₂	TCVN 6137:2009
3	NH ₃	TCVN 5293 :1995
4	Bụi tổng	TCVN 5067:1995

2.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	SO ₂	TCVN 5971:1995	6,8 µg/m ³

2	NO ₂	TCVN 6137:2009	5,2 µg/m ³
3	NH ₃	TCVN 5293:1995	10,8 µg/m ³
4	Bụi tổng	TCVN 5067:1995	10,0 µg/m ³

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	HD-PTN-07	0 ÷ 800 °C
2	SO ₂	HD-PTN-07	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
3	CO	HD-PTN-07	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
4	NO _x		
	NO	HD-PTN-07	0 ÷ 786 mg/Nm ³
	NO ₂	HD-PTN-07	0 ÷ 1.380 mg/Nm ³
5	O ₂	HD-PTN-07	0 ÷ 21%

HD-PTN: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo đạc tại hiện trường

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu đất	TCVN 7538-2:2005; TCVN 5297:1995

3.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	pH _{H2O} và pH _{KCl}	TCVN 5979:2007	2 ÷ 12
2	Độ ẩm	TCVN 4048:2011	1%

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu trầm tích nước ngọt	TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu Bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

fan

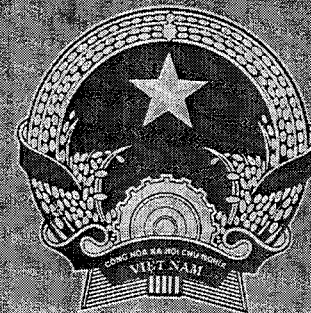
10.12.2024

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS.137